diễn đàn

Số 76 / 1.7.1998 ISSN 1164-2378

F O R U M

Leo dừa đỡ, tranh khắc gỗ dân gian (tập tranh Oger)

mục lục

2 Bạn đọc và *Diễn Đàn*

Thời sự & những vấn đề & hồ sơ

1 Sách đen của CNCS — Nguyễn Quang
5 Tin tức
9 Văn hoá vô giáo dục

Văn hoá & khoa học & nghệ thuật

16 Yêu nhau đi — Bùi Mộng Hùng
19 Sổ tay — Kiến Văn
20 Lá thư Saint-Florent — N. N. G.
21 Bùng nổ không gian xibe — Hà Dương Tuấn
23 Việt Nam trên lưới — H.V.
25 Bản chất của nghệ thuật — Văn Ngọc
28 Tân Liêu trai : Quỷ ám — Thăng Long Văn Sĩ
31 Dệt cỏ (*truyện ngắn*) — Võ Thị Hảo

Đọc sách

Cuốn " Sách đen " của chủ nghĩa cộng sản

Nguyễn Quang

Có những ngày cúng giỗ diễn ra không đúng lúc. Vừa kỷ niệm xong 80 năm Cách mạng tháng mười Nga, chưa kịp hồi tưởng 150 năm bản *Tuyên ngôn Cộng sản* của Marx và Engels, thì cuốn ***Sách đen của chủ nghĩa cộng sản*** [1] được xuất bản tại Pháp. Vốn là một công trình sử học, cuốn sách chẳng mấy lúc đã trở thành một cục than hồng chính trị, tựa lớn trang nhất của các nhật báo, thậm chí còn được một dân biểu đem ra chất vấn chính phủ Jospin tại Quốc hội ! [2].

Công trình tập thể của một nhóm nhà nghiên cứu và giáo sư sử học, ***Sách đen*** khởi thuỷ có mục đích là tổng kết thành tích (tiêu cực) của các chế độ cộng sản năm (đúng hơn, bốn) châu. Mươi bài đóng góp, giá trị không đồng đều, về chủ nghĩa Lenin, chủ nghĩa Stalin (Nicolas Werth), Quốc tế cộng sản, nhất là trong thời kỳ Chiến tranh Tây Ban Nha (Stéphane Courtois và Jean-Louis Panné), chủ nghĩa khủng bố (Rémy Kauffer), Ba Lan (Andrzei Paczkowski) và các nước Trung/Đông Âu khác (Karel Bartoscck) ; rồi chủ nghĩa cộng sản châu Á : Trung Quốc, Đông Dương (Jean-Louis Margolin), Bắc Triều Tiên (Pierre Rigoulot) ; cũng như ở những nước thế giới thứ ba : Cuba và Châu Mỹ Latinh (Pascal Fontaine), châu Phi (Yves Santamaria) và Afghanistan (Sylvain Bouloque). Bốn lục địa, một sợi chỉ đỏ, xuyên suốt : *tội ác, khủng bố, đàn áp* (đó cũng là tiểu tựa cuốn sách).

CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN HIỆN THỰC

Vì sao lại có cuộc luận chiến ? Chắc chắn không phải vì nội dung chủ yếu của cuốn sách, tức là lịch sử thực tiễn đàn áp của các chế độ cộng sản. Tuy khác nhau về địa lý và thời kỳ lịch sử (các tác giả cũng đã lưu ý và nhấn mạnh những điểm dị biệt), các chế độ này đều giống nhau về phương thức vận hành của bộ máy quyền lực, bất luận ở những nước có truyền thống văn hoá rất xa cách nhau như Trung Quốc và Liên Xô. Bởi vậy, không thể nghi ngờ có một đối tượng nghiên cứu mang tên " hệ thống cộng sản đàn áp ".

(xem tiếp trang 10)

Festival de Musique

DINARD – COTE D'EMERAUDE

Dimanche 16 août 1998 à 20 h 30

Eglise du Sacré Cœur à Dinard

RECITAL de

ĐẶNG THÁI SƠN

au programme :

DEBUSSY (Six préludes du Livre II : *Brouillards, La Puerta del Viño, Bruyères, Ondine, General Lavine-Eccentirc, Feux d'artifice*)

SCRIABINE (Sonate n°3 en fa dièse mineur)

CHOPIN (Nocturne en ut dièse mineur, op.27 n°1 ; Nocturne en ré bémol majeur, op.27 n°2 ; Trois mazurkas, op. 50 ; Andante Spianato et Grande Polonaise en mi bémol majeur, op.22)

RENSEIGNEMENTS ET RÉSERVATIONS :
02 99 46 91 ou 02 99 16 38 38

Tìm con trai

25 tuổi, tên là Bùi Anh Thủ, quê quán Hải Hưng, xa nhà từ năm lên mười, nay đang ở Pháp.

Liên lạc với cha là Bùi Quang Đăng, mẹ là Vũ Thị Chuông (đội 1, Quỳnh Khuê, Kim Xuyên, Kim Thành, Hải Dương). Điện thoại : 00 84 32 820484, hỏi ông Lê Văn Thân là người thân với cha mẹ.

MAISON DES ARTS EUROPE ASIE

20 rue Greneta 75002 PARIS Tel/fax 01 42 33 40 30
ouvert du mardi au samedi de 10h30 à 19h
le lundi de 15h30 à 19h00 (en juillet)
Visite de l'exposition en août : sur rendez-vous
Métro : Réaumur-Sébastopol

Programme des expositions pour la saison d'été juillet & août 1998

ESPACE DE LA GALERIE

LAQUES, Royaume du mystère
Œuvres sur laque de trois artistes de Hà Nôi :
Trinh Tuân, Công Kim Hoa, Công Quôc Hà

ESPACE AU SOUS-SOL
Mortel alter ego, dispositifs de sculpture *in situ*, de **Isabelle HERSANT**

Bạn đọc và Diễn Đàn

I have a Dream...

Anh Hai Gà Đá trách tôi " bay bổng ra ngoài thời gian và không gian " khi bàn về dự án Dung Quất. Tôi xin thêm ý là nhà máy lọc dầu Lyon được xây cất cách đây hơn 30 năm, và là một quyết định chính trị nhằm tổ chức sự phát triển của các vùng ở Pháp (xây ở Lyon chứ không ở Le Havre hay Marseille là những hải cảng lớn, nhập dầu thô). Tuy không phải là chuyên viên kinh tế (liệu hiện nay chúng ta có nắm được các con số chính xác của ngân sách Nhà nước Việt Nam hay không ?), tôi nghĩ việc xây một nhà máy lọc dầu nằm trong tầm tay của Việt Nam, một chuyên viên cố vấn của thành phố Hồ Chí Minh có cho tôi biết dự án này có thể thực hiện ngay được... nếu làm ở miền nam, quanh thành phố. Ngành dầu khí Việt Nam hiện nay là ngành kinh tế giàu nhất Việt Nam, tôi không nghĩ họ sẽ làm việc để lỗ to. Đối với nền kinh tế Việt Nam, bớt nhập được bao hiêu hàng hoá cần thiết (như xăng, phân bón hoá học, plastic...) thì càng tốt cho cán cân ngoại tệ. Vâng, tuy quê quán tôi không ở miền Trung, nhưng tôi ước mơ miền Trung phát triển, dân chúng không phải bỏ làng quê đi kiếm sống ở các đô thị. Một miền Trung phát triển trên mặt kỹ nghệ, cũng như du lịch (bao giờ chúng ta được đi thăm miền Côte d'Azur của Đông Nam Á), canh nông (bao giờ chúng ta được nếm rượu Côte d'Annam). Tôi cũng ước mơ Diễn Đàn có nhiều độc giả trong nước, và có sự trao đổi thân thiện và thẳng thắn giữa trong nước và ngoài nước... Trong sự trao đổi này, tuy sống trong các nước Âu Mỹ tiến triển, chúng ta nên có thái độ khiêm tốn, vì các xã hội Âu Mỹ cũng có mặt trái như tham nhũng của hãng Elf, vụ ám sát một dân biểu và một tỉnh trưởng...

Vũ Hồng Nam (*Lyon*, Pháp)

Sửa sai...

Góp ý về bài báo của Nguyễn Ngọc Giao *Tây Dương kỳ ngộ* (Diễn Đàn Forum số 52, ngày 1.5.96).

Trong bài viết để tưởng niệm cố học giả Hoàng Xuân Hãn, tác giả có đăng nguyên văn chữ nôm kèm bản dịch ra Việt ngữ bài thơ *Đáp lời mừng thọ* của học giả Hoàng Xuân

N.Q.T. OPTIQUE

Melle NGUYEN QUANG
opticien diplômé

SPECIALISTE VARILUX

Remise 20 % : verres Essilor, lentilles jetables, montures & solaires de grandes marques, loupes jumelles thermomètres
Montures en promotion jusqu'à 50 % et autres remises non cumulables.
Heures d'ouverture : matin 9 h 30 à 13 h
après-midi 14 h 30 à 19 h 00
(fermé samedi après-midi & lundi matin)

137 Boulevard de Grenelle, 75015 PARIS, Tél : 01 45 66 93 27
Métro : Cambronne ou La Motte Picquet Grenelle ; Bus : 49, 80.

Hãn, có vài chữ trong bài thơ phiên âm từ nôm ra Việt không đúng, xin tác giả xem xét lại :

a) Câu thơ thứ 3, được phiên âm *Thương thay bốn **trận** binh đao thảm*, đúng ra phải là *Thương thay bốn **cuộc** binh đao thảm (...)*.

b) Câu 7 : *Tri âm chẳng **lựa** so già trẻ*, lẽ ra phải phiên : *Tri âm chẳng **lọ** so già trẻ (...)*.

Trong một bài thơ nôm chỉ có 8 câu mà việc phiên dịch có chỗ không được chính xác, huống gì Kiều có nhiều bản mà sự phiên dịch có chỗ khác nhau cũng là điều không thể tránh.

Nhà học giả Hoàng Xuân Hãn quá cố chưa lâu, mà bài thơ *Đáp lời mừng thọ* của ông lại được một người thân cận phiên âm sai, có làm buồn lòng người quá cố chăng ?

Đây chỉ là lời góp ý nhỏ nhặt, gọi là : *lời quê chắp nhặt dông dài.*

Nguyễn Xuyên Trường (*Krefeld*, Đức)

✉ *Thư của ông viết ngày 15.5.1998 để góp ý về một bài báo* Diễn Đàn *phát hành đúng hai năm trước. Riêng một điều ấy cũng đủ làm chúng tôi vừa tự hào vừa lo lắng vì có được những độc giả kỹ lưỡng, cẩn trọng và thiết tha với văn hoá như vậy.*

Hai điểm ông nêu cụ thể trong thư, một độc giả khác cũng đã chỉ cho chúng tôi ngay khi số báo phát hành (xin xem mục thư bạn đọc, số 53, tháng 6-1996, tr. 2). Lúc đó, chúng tôi đã có dịp phân trần, nay xin nhắc lại tóm tắt :

a) Đúng như ông nhận xét, câu 3 chữ nôm (do chính tác giả Hoàng Xuân Hãn viết tay) đọc là Thương thay bốn **cuộc** binh đao thảm. *Còn trong bản quốc ngữ in ở dưới, câu* Thương thay bốn **trận** binh đao thảm *không phải do chúng tôi phiên âm, mà chép* nguyên văn *từ bản quốc ngữ cũng do chính tác giả đánh máy. Như vậy đây là trường hợp ta có hai dị bản của và do một tác giả, chứ không do người thứ hai, thứ ba... tam sao thất bản.*

b) Còn trường hợp lọ/lựa *ở câu 7 thì không phải hai chữ khác nhau, mà là một chữ (nôm) có hai cách đọc khác nhau. Ông phiên âm là* lọ, *tác giả Hoàng Xuân Hãn* lựa, *đều đúng cả hai. Các từ điển* Génibrel *(1898) và* Khai Trí Tiến Đức *(1932) đều để cả hai :* lọ là / lựa là, chẳng lọ / chẳng lựa. *Còn từ điển của* Huình Tịnh Paulus Của (1895-1896) *chỉ để*

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đỗ
Tổng biên tập : Hà Dương Tường
Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao, Bùi Mộng Hùng, Văn Ngọc.
Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý :
Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lệ, Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm, Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyên Thắng, Hàn Thuỷ, Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiến Văn, Hải Vân, Hoà Vân

Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo : 1/8 trang : 180 F, 1/4 trang : 300 F, 1/2 trang : 550 F, 1 trang : 1000 F (*giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %*)

Đăng liên tiếp nhiều số báo : lần thứ hai : bớt 10 %, từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %

Chứng từ đăng tải : sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện).

Phiếu mua báo *Diễn Đàn*

Họ và tên .....

Địa chỉ .....

.....

.....

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ tháng..... (số.....).

Kèm theo đây là ngân phiếu .....FF

Giá mua 1 năm báo (11 số) :

Pháp (kể cả các tỉnh & lãnh thổ DOM-TOM) : 250 FF

châu Âu ngoài Pháp : 280 FF

các nước ngoài châu Âu : 330 F)

Ngân phiếu xin đề tên DIENDAN FORUM và gửi về : DIENDAN FORUM, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE).

Bạn đọc ở Pháp có thể chuyển thẳng vào CCP 4.416.14 W Paris

Bạn đọc ở **Châu Âu** thuộc khối Liên hiệp kinh tế UE có thể ra bưu điện chuyển thẳng số tiền tương đương với 280 FF vào trương mục (CCP) số 30041 00001 0441614W020 76 của Diễn Đàn. Như vậy tránh được cho chúng tôi hơn 80 FF lệ phí các loại mỗi lần nhận được Eurocheque hoặc Money Order.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 60 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Canada** và **Úc** : xin gởi money order 60 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt : số tiền zloti tương đương với 15 USD / năm, sec đề tên P. Le Duc, tài khoản PKO S.A., IV O. W Warszawie, 12401053-40149879-2700-201112-001-0000 (for Forum).

Bạn đọc ở **Thuỵ Sĩ** có thể thanh toán (70 FS/năm) vào trương mục Journal DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1 : xin viết thư về toà soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bull. de versement virement*).

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (**Uberweisung**)
DIEN DAN - FORUM (**Bank** : SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, **Konto** : N° 380 48 94 76 : BLZ 752 500 00)

chẳng lựa. *Điều này không mâu thuẫn với việc chữ lựa (cũng như nhiều chữ khác) còn có một ký tự nôm khác mà ông đã viết trong thư. Vì số này lên khuôn khá cập rập, chúng tôi rất tiếc không thể sao chụp lại những chữ nôm nêu ra trong bài, mong ông và bạn đọc thông cảm.*

Hoá giải căm thù và sợ hãi...

Tôi đã đọc xã luận của Hoà Vân trên Diễn Đàn số 75 (*Để phát huy nội lực...*) và đồng ý với nhận định về sợ hãi lẫn căm thù của một lớp người trong Đảng cộng sản Việt Nam. Chỉ tiếc rằng :

1. Bài viết quá cô đọng. Theo ý tôi, nên nói rõ về căm thù : căm thù ai, người của chế độ cũ ? hay căm thù một chính sách, chính sách thực dân mới ? căm thù chế độ tư bản đã gây ra chiến tranh ? hay cả ba ?

2. Đoạn kết nói tới Ireland, tôi thấy nên thêm Nam Phi. Theo ý tôi, Nam Phi là nơi hội tụ nhiều căm thù hơn Ireland : kỳ thị chủng tộc, bóc lột lao động người da đen... Mà Nam Phi, ít nhất cho đến nay, đã tương đối thành công trong việc hoá giải căm thù. Ở Ireland, tương lai thế nào, chưa biết được.

3. Căm thù không chỉ ở một phía. Phía chống cộng ở nước ngoài vẫn căm thù chính quyền hiện nay ở Việt Nam và điều này góp phần vào sự co cụm ở trong nước.

4. Hoà giải cũng phải có hai bên. Vấn đề đặt ra : ai sẽ đi bước trước ? Khôn ngoan và cao tay nhất là chính quyền nên đi bước trước.

Tôi mong DĐ có một bài giới thiệu tình hình Nam Phi để bạn đọc hiểu rõ tầm cỡ các vấn đề mà nước này phải giải quyết, những gì họ đã làm được, cũng như triển vọng giải quyết các vấn đề còn lại.

V.C. *(Paris, Pháp)*

Xử lý sử liệu...

Trong DĐ số tháng 5.98, tôi rất thích được đọc bài của các anh Nguyễn Dư (*Ai giết Lê Lai*) và Nguyên Thắng (*Nói chuyện Lê Lai mà Lê Lai nào ?*).

Nhờ hai bài này và những chi tiết kết luận thuyết phục của Nguyên Thắng đã cho thấy không những có một mà còn có thể có tới 2 hoặc 3 Lê Lai khác nhau tuỳ theo thời điểm như các sách sử đã đưa dẫn ra. Tuy vậy vẫn còn một số vấn đề về sự liên hệ giữa các nhân vật và những khác nhau giữa các tư liệu. Tôi muốn đưa thêm một vài nhận xét đóng góp tìm hiểu thêm :

(1) Nguyên Thắng đã cho thấy có đến 3 Lê Lai. Một Lê Lai, người Dựng Tú cứu Lê Lợi (1418), một Lê Lai (Nguyễn Thận) người Mục Sơn và Lê Lai (Lê Văn An) mất 1437 an táng với bia ký ở Mục Sơn. Bia ký đề " Đã lấy thân thay (Lê) Thái Tổ trong cơn nguy hiểm, gần chết mà sống lại ".

Trong *Đại Việt thông sử* thì chép rõ danh sách các người theo Lê Lợi trong đó Lê Văn An là một trong những người đầu tiên tham gia khởi nghĩa và được Lê Lợi phong chức tướng. Cũng trong DV và LS đều nói đến Lê Lai cứu Lê Lợi (1418) và tướng Lê Văn An cầm binh đánh quân Minh từ 1418 đến lúc hoàn toàn thành công 1427. Hai tư liệu trên cho thấy hai người hoàn toàn khác nhau. Vậy thì sao bi ký ở Mục Sơn lại nói Lê Văn An là Lê Lai đã liều mình cứu Lê Lợi và bị bắt (như LS đã nêu) ? Lại nữa trong DV có ghi rõ là năm 1427, Lê Lợi giết một Lê Lai vì ngạo mạn với các công đánh giặc Minh. Ta có thể có một cách giải thích khác như sau :

Một Lê Lai đã liều mình cứu Lê Lợi và bị bắt (và có cơ hy sinh trong cực hình) và một Lê Văn An tướng xông pha đánh giặc Minh trong gần mười năm cho đến thành công. Sau này được Lê Lợi cho đổi tên là Lê Lai trước đã mất nhưng vì ngạo mạn cậy công trong kháng chiến đã bị Lê Lợi giết.

(2) Phân loại và đánh giá các tư liệu :

Các dữ kiện khác nhau giữa các tư liệu như đã nói cũng như sự khác nhau ở một số thời điểm (thí dụ như trong DV ghi Lê Lai mất 1418 trong khi KD năm 1419) đưa chúng ta đến một suy nghĩ cơ bản : vậy thì trong các sách sử tư liệu, tài liệu nào đáng tin cậy hơn tài liệu nào, hoặc tin vào tất nhưng tìm ra các giải thích hay câu hỏi có lý nhất để hoà đồng các khác nhau như Nguyên Thắng đã làm rất hợp lý...

Nguyễn Đức Hiệp (*Sydney, Australia*)

(Viện cớ) theo sự gợi ý của một số bạn đọc, xin ghi nhận : số báo 76 này đã được lên khuôn với sự đóng góp của ba chai rượu đỏ Bordeaux : hai chai *Château du Bousquet* 1993 và một chai *Château de Riveret* 1994. Vài ba ý nảy ra, những lỗi in còn sót, đều nhờ/tại chúng cả.

sách mới sách mới sách mới

Lép Trốtski, *ĐỜI TÔI*

tập 1, bản Việt ngữ do Tủ sách Nghiên cứu dịch từ bản Pháp ngữ, Hoàng Nguyễn đối chiếu, sửa chữa và chỉnh lý theo bản tiếng Hung, Tủ sách Nghiên cứu (BP 246, 75224 Paris Cedex 11, Pháp), 1988, 422 trang, giá bán : 15 USD.

Đây là bản dịch Việt ngữ đầu tiên của tác phẩm nổi tiếng của L. Trotski. Nhóm trôtkit Việt Nam ở Paris trong Tủ sách Nghiên cứu từ bản tiếng Pháp *Léon Trotsky : Ma Vie* (nhà xuất bản Gallimard, Paris, 1953). Được Hoàng Nguyễn, một đồng bào Việt Nam hiện sinh sống ở Budapest chỉnh lý, độc giả Việt Nam từ nay có một bản Việt văn lưu loát và khá hoàn chỉnh. Sách in đẹp, trình bày rất trang nhã.

Lê Minh Hà, *TRĂNG GOÁ*

tập truyện ngắn, Nhà xuất bản Thanh Văn (PO Box 411723, Los Angeles, CA 90041), 1998, Văn Nghệ tổng phát hành, 164 trang, giá bán : 10 USD (ngoài Mỹ : thêm 2 USD).

Tác phẩm đầu tay của Lê Minh Hà mà bạn đọc Diễn Đàn đã làm quen qua những truyện ngắn sắc sảo *Chuyện nhà, Trăng....* Sinh năm 1962 tại Hà Nội, tốt nghiệp Đại học sư phạm Hà Nội I năm 1983, dạy học tại Hà Nội từ 84 đến 94. Hiện sống tại Đức.

Trăng goá gồm 18 truyện ngắn viết từ 1991 đến 1994, một số đã đăng trên các tạp chí *Văn, Văn Học, Hợp Lưu, Diễn Đàn...* Bài giới thiệu của nhà văn Nguyễn Mộng Giác.

Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức

Máy bay rơi : nhiều sĩ quan cao cấp tử nạn

Cả phái đoàn 14 sĩ quan cao cấp Việt Nam đi thăm Lào đã thiệt mạng khi chiếc máy bay Yak-40 của bộ quốc phòng Lào gặp tai nạn rớt ngày 25.5.1998 trên đường bay từ Viêng Chăn đi Xiêng Khoảng. Đoàn bao gồm trung tướng Đào Trọng Lịch, uỷ viên trung ương đảng, tổng tham mưu trưởng quân đội nhân dân VN, trung tướng Trần Tất Thành, tư lệnh quân khu 2, thiếu tướng Trần Minh Thiệt, phó tư lệnh quân khu 5, hai thiếu tướng khác, năm đại tá, hai thượng tá và hai trung tá thuộc các cơ quan trung ương, hành chính của bộ quốc phòng.

Những bản tin VNA cuối tháng 5 chỉ cho biết trời mưa bão lớn khi máy bay rơi. Toàn bộ tổ lái và 26 khách của máy bay không có ai sống sót, song người ta không được biết danh tính của những người đáp máy bay ngoài đoàn sĩ quan Việt Nam.

Kinh tế 5 tháng đầu năm : tăng trưởng giảm còn 6,5 %, lạm phát tăng lên 8,8 %

Đầu tháng 6 vừa qua, chính phủ đã công khai hóa những số liệu về tình hình kinh tế 5 tháng đầu năm, xác nhận tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội GDP chỉ đạt bình quân 6,5 - 6,8 %, thay vì 9 % như dự kiến, thấp hơn từ 2,3 - 2,6 % so với cùng thời kỳ năm 1997.

Giá trị sản xuất công nghiệp tăng 12,7 %, thay vì 13,5 % như dự kiến, chậm lại 1,1 % so với cùng thời kỳ năm ngoái. Đặc biệt công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, vốn chiếm 30 % tổng giá trị công nghiệp cả nước, chỉ tăng có 10,8 % thay vì 15,3 % như dự kiến, chậm lại 2 % so với cùng thời kỳ năm trước. Riêng tại các khu công nghiệp, số lao động mất việc làm lên tới 27 - 30 %.

Giá trị sản xuất nông nghiệp chỉ tăng 2 %, thấp hơn hơn mức dự kiến và mức năm vừa qua. Bão và hạn hán đã gây những thiệt hại về mùa màng lên đến 5000 tỉ đồng (khoảng 385 triệu USD) chưa tính những thiệt hại về nhân mạng (3000 người chết) và tài sản (12000 tỉ đồng). Chỉ mới thống kê ở các tỉnh Bình Phước, Đồng Nai, Bạc Liêu và Cà Mau, đã có hơn 230 000 người bị đói.

Kim ngạch xuất khẩu chỉ đạt 4 tỉ USD, tăng14,5 %, thay vì 36,6 % theo dự kiến và 31,8 % vào cùng thời kỳ năm 1997. Riêng hàng xuất khẩu sang các nước ASEAN, vốn chiếm 60 % tổng kim ngạch, đã giảm 31 % so với cùng thời năm ngoái.

Vốn đầu tư phát triển mới đạt 35000 tỉ đồng, chỉ bằng 30 % so với dự kiến ban đầu. Nguồn vốn nước ngoài đầu tư trực tiếp FDI giảm 15 % so với lượng vốn đăng ký cùng thời kỳ năm 1997, vốn thực hiện chỉ đạt 790 triệu USD. Trong khi đó, vốn viện trợ phát triển ODA mới giải ngân được 430 triệu USD, chỉ đạt 50 % số vốn đăng ký.

Nhằm chận đứng đà suy giảm trong sản xuất kinh doanh, chính phủ đã đề ra 7 cụm biện pháp điều hành kinh tế :

– Trong sản xuất công nghiệp, dành vốn tín dụng bổ sung cho những dự án đầu tư ; sắp xếp lại những doanh nghiệp nhà nước và tiến hành kế hoạch cổ phần hóa trong một số ngành (điện tử, dệt may, vật liệu xây dựng, chế biến thuỷ sản) ; thông thoáng thủ tục kinh doanh đối với những doanh nghiệp tư nhân.

– Trong nông thôn, tổ chức công tác cứu trợ những vùng khó khăn ; cho nông dân vay vốn tín dụng để khôi phục sản xuất (đặc biệt là cây công nghiệp và thuỷ sản)

– Trong lĩnh vực đầu tư, tập trung vốn cho những dự án phát triển năng lực sản xuất (nhất là sản xuất các mặt hàng xuất khẩu) ; đình hoãn các dự án chưa cần thiết hay không hiệu quả ngay (xi măng, khách sạn, rượu bia, đường...).

– Trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, cho hoãn thuế doanh thu đối với những doanh nghiệp sản xuất nguyên phụ liệu, bán thành phẩm cho sản xuất mặt hàng xuất khẩu ; không thu thuế lợi tức bổ sung đối với những doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu trên 50 % ; thông thoáng thủ tục xuất nhập khẩu.

Trong lúc tăng trưởng GDP chậm lại thì lạm phát lại gia tốc . Trong 5 tháng đầu năm 1998, chỉ số giá cả tiêu dùng đã tăng 6 %. Tính trên cả năm, chỉ số giá cả tăng 8,8 %, trong khi lạm phát năm 1997 chỉ ở mức 3,6 % và dự kiến ban đầu cho năm 1998 là 6 - 7 %.

Cuối tháng 6 vừa qua, thủ tướng Phan Văn Khải còn đưa ra lời báo động rằng tình hình kinh tế Việt Nam sẽ khó khăn hơn trong những tháng tới, và chỉ thị các doanh nghiệp nhà nước giữ lại 10 % vốn làm dự trữ đề phòng... (Thời báo kinh tế Sài Gòn 4.6 ; Tuổi Trẻ 2.6 ; Đầu Tư 1.6 Thời báo kinh tế Việt Nam 3.6 ; AFP 23.6 ; Bloomberg News 25.6.98)

Cải tổ kinh tế : sức ép của những nhà tài trợ

Một hội nghị giữa năm của các tổ chức và chính phủ tài trợ cho Việt nam, họp tại Huế vào giữa tháng 6, đã thúc giục Hà Nội tăng tốc những cải tổ kinh tế để đối phó với những tác động của cuộc khủng hoảng châu Á. Trong một bản báo cáo mang tựa đề " Đông Á : từ phép lạ đến khủng hoảng, những bài học đối với Việt Nam ", Chương trình Liên hiệp quốc vì phát triển UNDP đã rút từ kinh nghiệm những nước châu Á 12 bài học cho Việt Nam, tóm lược trong một số khuyến cáo chính yếu : cải thiện thông tin, tăng cường sự trong suốt, cắt giảm vốn tài trợ khu vực quốc doanh, phá giá đồng bạc Việt Nam.

Theo nhận định của UNDP, Việt Nam là " *một trong những nền kinh tế trên thế giới đang thiếu đói thông tin nhất* ". Những chỉ số kinh tế cơ bản như là nợ nước ngoài hay dự trữ ngoại tệ vẫn là bí mật nhà nước. Ngân sách nhà nước vẫn chưa được công khai hoá. Báo chí trong nước không được phép tự đưa tin về hệ thống ngân hàng Việt Nam. Bản thân chính phủ cũng không nắm rõ tình hình lỗ lã thật sự của những doanh nghiệp nhà nước. Bản báo cáo cho rằng Hà Nội cần tạo ra sự trong suốt, đặc biệt trong lĩnh vực ngân hàng và

khu vực quốc doanh, qua đó cũng là giúp những nhà doanh nghiệp có những quyết định lành mạnh và hạn chế những khả năng tham nhũng trong bộ máy nhà nước. Bản báo cáo còn cho rằng Việt Nam cần phá giá đồng bạc để tiến tới một tỉ giá hối đoái có tính cạnh tranh. Theo ước tính của một số chuyên gia ngoại quốc, nợ nước ngoài của Việt Nam vào khoảng 10 tỉ USD, dự trữ ngoại tệ khoảng 1,9 tỉ USD, và tỉ giá đồng Việt Nam vượt quá giá trị của mình chí ít đến 40 %.

Phát biểu tại hội nghị, thủ tướng Phan Văn Khải nói rằng chính phủ của ông " *không đánh giá thấp những hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế khu vực, song sự yếu kém nội tại của nền kinh tế Việt Nam mới là nhân tố chính của sự tắc nghẽn* ". Ông nêu lên : khả năng cạnh tranh kém của các doanh nghiệp, hệ thống tài chính và tiền tệ có nhiều khiếm khuyết, bộ máy nhà nước thiếu trong sạch và gây khó khăn, phiền hà.

Đại diện của Quỹ tiền tệ thế giới IMF tại Việt Nam, Erik Offerdal, đã bày tỏ " sự lạc quan " đón nhận những quyết định mới của chính phủ nhằm công khai hoá ngân sách nhà nước, đẩy mạnh kế hoạch cổ phần hoá những doanh nghiệp nhà nước và bổ nhiệm phó thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng vào cương vị thống đốc Ngân hàng nhà nước. " Điều đáng khích lệ ", theo ông Offerdal, là người đứng đầu Ngân hàng nhà nước vừa qua đã có những tuyên bố " đúng hướng ", đặc biệt khi cho rằng, trong hoạt động cấp tín dụng, hệ thống ngân hàng phải độc lập đối với những cấp chính quyền địa phương và trung ương. (AFP 9.6 ; Reuters 13 và 15.6.98)

Công dân Việt Nam nào được miễn thị thực xuất nhập cảnh ?

Một thông tư liên tịch ngày 19.5.98 của bộ công an và bộ ngoại giao, xác định rõ quyết định của thủ tướng về việc bãi bỏ thị thực xuất cảnh đối với công dân Việt Nam (xem DĐ số 71) được áp dụng cả cho những người có hộ chiếu trước ngày ra quyết định (17.11.1997). Đồng thời bản thông tư qui định rằng công dân mang hộ chiếu phổ thông, *10 ngày trước khi xuất cảnh* (DĐ nhấn mạnh) phải báo cho phòng công an quản lý xuất nhập cảnh của tỉnh hay thành phố về việc rời nơi cư trú. Việc thông báo này có thể làm qua thư hay fax, và

Đọc báo trong nước

Đình chỉ phong giáo sư, phó giáo sư

LTS : *Vừa qua, việc xét phong chức danh giáo sư và phó giáo sư đã đưa đến vô số điều " tiêu cực " bị dư luận các nhà khoa học và một số báo chí lên án, bắt buộc chính phủ phải ra quyết định đình chỉ hoạt động của Hội đồng học hàm nhà nước. Dưới đây, chúng tôi trích đăng lại một bài viết trên báo* ***Văn Nghệ*** *ngày 28.3 1998.*

(...) Chủ trương thì rất rõ ràng, nhưng có nơi xem xét thiếu tinh thần dân chủ, máy móc, chèn ép lẫn nhau nên không tránh khỏi hậu quả người thực tài thì bị loại bỏ, người không thực tài thì trở thành giáo sư, phó giáo sư, gây nên sự bất bình trong giới khoa học. Quy chế một đường, thực hiện một nẻo. Thậm chí có người chưa học hàm, học vị vẫn ngồi trên ghế hội đồng khoa học để xét phong các giáo sư, phó giáo sư (trái với quy chế, điều trang 30). Việc bầu bán nhiều nơi làm theo cảm tính, nặng về chức quyền. Các đơn thư khiếu nại, đóng góp không được xem xét, bị làm ngơ, hoặc bị bao che, biết sai không chịu sửa chữa, nơi này đổ cho nơi kia, gây nên mâu thuẫn trong giới khoa học, làm mất lòng tin của công chúng.

Sự " lạm phát " giáo sư, phó giáo sư cũng do ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường. Nhiều báo chí lên án mạnh mẽ những phó tiến sĩ, tiến sĩ dỏm, và việc xét tiêu cực ở Hội đồng học hàm nhà nước. Điển hình là các bài : " Chức danh khoa học, ai buồn, ai vui ? " ; " Chuyện lạ có thật : chưa có học vị đã là thành viên hội đồng xét chức danh khoa học " ; " Nhức nhối học hàm, học vị " ; " Hàm cho sạch, vị cho thơm " ; " Học vị thôi cũng chưa đủ ". Riêng ở một trường đại học, có vài chục bài báo nêu đích danh ông phó tiến sĩ, tiến sĩ dỏm là hiệu trưởng.

Nhiều bài báo phơi bày tính tiêu cực, tham nhũng, mua bán bằng cấp, học vị ở tình trạng khác nhau. Đối với sinh viên ở một số trường, việc " chạy điểm ", " mua điểm ", " học bằng tiền ", " thi hộ " không còn là cá biệt. Còn đối với một số nhà khoa học yếu kém thì việc chạy bằng cấp học vị, đến nhà riêng các thành viên hội đồng xét chức danh giáo sư, phó giáo sư để " nhờ vả " trước khi hội đồng xem xét cũng rất sôi động. Có người vì thiếu công trình khoa học, bỏ ra hàng triệu đồng tài trợ tạp chí để đăng bài mình lấy điểm cũng là phổ biến. Nhưng tệ hại là việc mua bán bằng cấp ngoại ngữ như món hàng ngoài chợ trời – mà bộ giáo dục - đào tạo chưa chặn được (nếu không muốn nói là bất lực).

Còn tệ hại hơn là việc lợi dụng quyền chức, con dấu nhà nước chứng nhận " dạy sau đại học " cho nhau để hợp thức hóa hồ sơ xét học hàm – là một căn bệnh xã hội chưa được các cơ quan pháp luật kiểm tra xem xét. Cụ thể, có ông hiệu trưởng một trường đại học xin ông hiệu trưởng Trường dạy nghề xây dựng giấy chứng nhận " dạy sau đại học " để lập hồ sơ xét phong phó giáo sư, bị tố cáo có dấu hiệu vi phạm điều 211 và 241 bộ luật hình sự, mà Hội đồng học hàm nhà nước vẫn chưa có ý kiến gì. Đến nỗi thủ tướng chính phủ đã hai lần ra chỉ thị yêu cầu bộ giáo dục - đào tạo làm rõ bản chất vấn đề tiêu cực trên, nhưng vẫn bị im lặng trước công luận xã hội.

Những hành vi trên thực sự là sự lừa đảo trong khoa học mà sức công phá của nó chưa ai lường trước được. Hậu quả của nó là tài thực, tài giả lẫn lộn. Nhiều người khoác áo phó tiến sĩ nhưng năng lực yếu kém, không có công trình khoa học gì đáng kể, thậm chí không viết được một báo cáo khoa học. Trong thực tế còn có nhiều nghịch lý khoa học chưa được phát hiện. Tiếc thay các tổ chức khoa học, các hội khoa học chưa lên tiếng đúng lúc, có hiệu lực đủ mạnh trước những vụ tiêu cực nổi cộm lên trong khoa học kéo dài nhiều năm...

Thanh Tâm

không phải chờ đợi ý kiến trả lời của cơ quan xuất nhập cảnh. Đối với những người thuộc biên chế nhà nước hoặc làm việc trong doanh nghiệp nhà nước được cơ quan cử ra nước ngoài công tác hay cho phép ra nước ngoài về việc riêng thì không làm thủ tục thông báo rời nơi cư trú nhưng phải xuất trình cho công an cửa khẩu văn bản cử hay cho phép ra nước ngoài của thủ trưởng cơ quan. Thể thức báo trước cũng không áp dụng đối với những người công tác, lao động, học tập có thời hạn ở nước ngoài về nước không quá 90 ngày.

Bản thông tư còn nhắc lại rằng chính phủ đã và sẽ ký những hiệp định miễn thị thực nhập cảnh với nhiều nước để công dân Việt Nam đi lại dễ dàng. (Lao Động 30.5 ; Tuổi Trẻ 2.6.98).

➡ *1) Bản thông tư, cũng như quyết định của thủ tướng năm ngoái không thay đổi việc công dân Việt Nam có được cấp hộ chiếu hay không cũng như việc rút lại hộ chiếu đã cấp cho một công dân vẫn thuộc " toàn quyền " của cơ quan công an, công dân không có khả năng kiện cáo nơi nào khác.*

2) Bản thông tư nói trên không áp dụng đối với các công dân Việt Nam có hộ chiếu phổ thông và đang định cư ở nước ngoài. Điều này có nghĩa là Việt Nam có một loại công dân khá " đặc biệt " : với hộ chiếu Việt Nam, họ được miễn thị thực nhập cảnh vào một số nước trừ... Việt Nam !

3) Ngoài ra, nếu ai có chuyện gấp (ma chay, hiếu hỉ...) ở nước ngoài, xin đợi 10 ngày...

Công dân Việt Nam chỉ được một quốc tịch

Kỳ họp quốc hội tháng 5 vừa qua đã sửa đổi luật quốc tịch năm 1988 nhằm khẳng định nguyên tắc một quốc tịch. Đạo luật mới qui định rằng khi gia nhập quốc tịch nước khác, người Việt Nam mặc nhiên không còn quốc tịch Việt Nam. Qui định này thay đổi quy chế pháp lý của những người Việt Nam sinh sống ở nước ngoài và đã nhập tịch nước định cư trong khi luật quốc tịch của nước sở tại không đòi hỏi phải bỏ quốc tịch gốc : đó là trường hợp của luật Hoa Kỳ, Canada, Úc hay Pháp. Sau ngày 1.1.1999 là ngày đạo luật mới có hiệu lực thi hành, hàng triệu người Việt Nam ở trong hoàn cảnh này sẽ đương nhiên mất quốc tịch Việt Nam.

Cho đến nay, chỉ ở những nước mà luật quốc tịch buộc người nhập tịch phải từ bỏ quốc tịch gốc thì người Việt nam mới phải làm thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam. Theo thống kê của bộ tư pháp, cho đến hết năm 1997, có 17313 người thôi quốc tịch Việt Nam, trong đó 15184 người ở Đức, 1452 người ở Lào, 276 người ở cộng hòa Séc, 131 người ở Thuy Điển, 75 người ở Áo, 65 người ở Nhật, 47 người ở Hàn Quốc.... Ngoài ra, hiện nay còn tồn động đến 4839 hồ sơ chưa giải quyết. (Quê Hương tháng 5.98 ; Thời bào kinh tế Sài Gòn 21.5.98)

Giáo dục : lẫn lộn để thi tú tài...

Sáng ngày 29.5 vừa qua, theo lịch thi tú tài, các thí sinh đều thi môn vật lý. Thế nhưng tại Trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Phú Yên, hơn 400 thí sinh đã được thi... môn toán (theo lịch là thi ngày hôm sau). Hết giờ thi, sau khi thu bài, lãnh đạo sở giáo dục - đào tạo tỉnh đã nhốt toàn bộ thí sinh tại trường theo kiểu " nội bất xuất, ngoại bất nhập " cho đến khi có ý kiến của bộ giáo dục - đào tạo thì mới thả các thí sinh ra về. Theo giải thích của hội đồng coi thi, sự cố này xuất phát từ một sự chỉ đạo bằng điện thoại của chính giám đốc sở giáo dục - đào tạo tỉnh, ông Hồ Văn Tùng, đã nhầm lẫn giữa hệ trung học bổ túc (thi môn toán ngày 29.5) và hệ trung học phổ thông (thi môn toán ngày 30.5).

Như thường lệ, sau số báo này, Diễn Đàn nghỉ một tháng. Số 77 sẽ phát hành ngày 5 tháng 9. Thân chúc bạn đọc một mùa hè vui, khoẻ.

Tiếp theo sự cố đó, bộ trưởng Nguyễn Minh Hiển có ra quyết định hoãn thi môn toán đối với 300 000 thí sinh cả nước rồi dời ngày thi đến một tuần lễ sau (ngày 6.6) với lý do là : " *Hội đồng ra đề thi không làm đề dự phòng theo đúng qui chế của bộ đã thông qua từ nhiều năm trước* ". Từ một sự nhầm lẫn tai hại ở một sở giáo dục tỉnh, người ta lại phát hiện một sai sót nghiêm trọng từ phía bộ giáo dục, gây nên nhiều bất bình trong công luận. Như ông Nguyễn Huỳnh Phụng, giám đốc sở giáo dục - đào tạo tỉnh Bình Dương, cho biết : " *hoãn lại ngày thi thế này hết sức tốn kém, riêng tỉnh Bình Dương chắc cũng phải thêm 300 triệu đồng nữa, chưa kể học sinh phải đi lại, ăn ở trong một tuần chờ đợi này* "... (Tuổi Trẻ 30.5 và 2.6.98)

Mondial 98 : Việt Nam có mặt !

Việt Nam đã gián tiếp có mặt trong giải bóng đá thế giới Mondial 98, qua công ty hợp doanh Sodex Toseco : công ty trúng thầu cung cấp lưới cho các sân bóng của giải. Sodex Toseco là liên doanh giữa Sodex International của Pháp, chuyên sản xuất và cung cấp các loại dụng cụ thể thao, và công ty Thương mại và đầu tư Khánh Hoà, thành lập từ tháng 7.1992.

Sodex Toseco đã sản xuất riêng loại sợi đặc biệt, với nguyên liệu trong nước, có khả năng chịu nắng và chống lão hoá để dùng cho sản xuất lưới thể thao, rất bền và không phai màu. Còn công đoạn đan lưới được làm hoàn toàn bằng tay, với những " chuyên gia " đan lưới đánh cá của các vùng ngư dân Khánh Hoà. Sản phẩm của Sodex Toseco đã chiếm được ưu thế cạnh tranh trên nhiều thị trường quốc tế như Pháp, Anh, Đài Loan, Úc, Malaixia, Mỹ v.v..., với lượng bán ra hàng năm khoảng 16, 17 tấn lưới thể thao các loại (mỗi tấm lưới bóng đá nặng trên dưới 7 kg). Riêng cho Mondial 98, Sodex Toseco đã cung cấp 40 bộ lưới đặc biệt, nặng 7,6 kg mỗi tấm. (Tuổi Trẻ 19.5.1998)

Tin Ngắn

• Tiếp theo sự kiện một uỷ ban nhân dân xã ở Vĩnh Long đã nhận đăng ký một hôn nhân giữa hai phụ nữ (Duyên 25 tuổi và Hương 28 tuổi- xem DĐ số 73), kỳ họp quốc hội tháng 5 vừa qua đã phải dành thời giờ để bổ sung luật gia đình nhằm cấm cản những hôn nhân đồng giới tính !, và bộ tư pháp tiếp theo đó đã ra yêu cầu huỷ cuộc hôn nhân nói trên. Hơn thế, Mặt trận Tổ quốc đã cử một phái đoàn đến nhà hai cô Duyên và Hương để làm sức ép, buộc hai cô phải công khai từ bỏ cuộc sống chung.

• Trong tháng 7 này, bộ y tế cho biết sẽ tiến hành cuộc

hội thảo khoa học về thuốc chống nhược dương Viagra của hãng Pfizer, một hãng dược phẩm Mỹ có mặt tại Việt Nam. Theo thứ trưởng Lê Văn Truyền, trước khi Viagra được sử dụng ở trong nước, cần phải tiến hành thể nghiệm lâm sàng... Hiện nay, Viagra đang được nhập lậu vào thị trường Việt Nam và bán với giá 200 ngàn đồng/viên.

• Lần đầu tiên trong tháng 5 vừa qua, công an Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành bắt những nhóm mại dâm nam hoạt động bằng điện thoại với giá một lần gặp gỡ là một triệu đồng. Các thanh niên bán dâm đã bị đưa đi " tập trung giáo dục ", trong khi các phụ nữ mua dâm thì bị phạt mỗi người 500 ngàn đồng.

• Trong chuyến đi thăm VN đầu tháng 6 của thủ tướng Cam Bốt Ung Huot, hai nước đã ký một số hiệp định hợp tác về giao thông, kiểm soát ma tuý, và thông tin, văn hoá. Thủ tướng Ung Huot ngỏ ý tin tưởng rằng hai nước sẽ đạt được thoả thuận về các vấn đề biên giới, cả trên đất liền và trên biển, trước năm 2 000 (xem DĐ số trước). Uỷ ban hỗn hợp về biên giới giữa hai nước đã họp lần đầu tại Phnom Penh ngày 17.6.1998.

• Tổng thống mới được bầu của Philippin Joseph Estrada tuyên bố, ngày 3.6, ông sẽ tiếp tục tìm kiếm một giải pháp ngoại giao cho cuộc tranh chấp chủ quyền trên vùng đảo Trường Sa, nhưng đồng thời Philippin cũng sẽ tăng cường sự có mặt của quân đội trên 8 hòn đảo hiện Phi coi là của mình, dưới tên chung là quần đảo Kalayaan.

• Thủ tướng Phan Văn Khải đã cử thống đốc Ngân hàng quốc gia Nguyễn Tấn Dũng làm chủ tịch Hội đồng tài chính và tiền tệ nhà nước mới được thành lập. Phó chủ tịch có các ông Cao Sỹ Kiêm, Nguyễn Sinh Hùng, cựu và đương kim bộ trưởng tài chính, Lê Đức Thuý, phó thống đốc thường trực Ngân hàng quốc gia.

• Sau vụ cầu Bình Điền sụp đổ, một cuộc điều tra của Công ty quản lý giao thông Sài Gòn cho biết, trên tổng số 169 cầu thuộc địa phận Thành phố HCM chỉ có 19 chiếc thực sự an toàn, còn lại là cầu quá cũ cần được sửa chữa trước khi mở lại giao thông. Công ty còn đề nghị phá huỷ và xây lại hoàn toàn 64 chiếc cầu thuộc loại nguy hiểm nhất.

• Người ta vẫn chưa được biết nhà cầm quyền trách cứ gì đối với công ty quảng cáo Bates, từ hôm 22.4.1998, khi gần 20 công an đã đột nhập trụ sở của Bates ở TPHCM, tra hỏi nhiều nhân viên của công ty và lục xoát, lấy đi nhiều tệp máy tính chứa đựng những văn kiện kinh doanh. Bates có mặt ở Việt Nam từ 1993 tới nay.

• Ông Vũ Quang Sơ, 45 tuổi, một bộ đội từng chiến đấu ở miền nam, đã tự thiêu trước một trụ sở công an tỉnh Vũng Tàu ngày 21.5, để phản đối công an đòi tịch thu xe bán kem của ông. Ông Sơ đã từ trần bốn ngày sau khi được đưa vào cứu chữa ở một bệnh viện TPHCM.

• Khoảng 400 000 chiếc máy vi tính đang được sử dụng ở VN, phần lớn là nhập từ các nước lân cận, song những chiếc PC lắp ráp trong nước từ các linh kiện nhập bắt đầu được khách hàng ưa chuộng. Có chất lượng tương đương với máy nhập, một chiếc PC Pentium II, đĩa cứng 2 GB, sản xuất tại Sài Gòn, được bán với giá 1 250 đôla, rẻ hơn máy nhập khoảng 500 đô.

• Hiệp hội báo chí thế giới (World Association of Newspapers - WAN) đã quyết định tặng giải Bút vàng vì tự do cho ông Đoàn Viết Hoạt, và tổ chức lễ trao giải ngày 1.6 tại Kobe, Nhật, cho bà Trần Thị Thức, vợ ông. Một người phát ngôn bộ ngoại giao VN đã lên tiếng cho rằng quyết định này của WAN là một " sai lầm ".

• Thành phố Seattle, thuộc bang Washington, Mỹ, đã trở thành thành phố kết nghĩa với Hải Phòng. Lễ ký kết được tổ chức tại Seattle ngày 10.6, trong chuyến đi thăm Mỹ của ông Trần Huy Hùng, chủ tịch thành phố Hải Phòng. Đây là cuộc kết nghĩa thứ hai giữa các thành phố của hai nước, sau San Fransisco và TPHCM năm 1995.

• Theo Diễn Đàn Kinh tế thế giới (The World Economic Forum), ngày 5.6, một bản báo cáo so sánh " sức cạnh tranh " của 53 quốc gia trên thế giới đã xếp kinh tế Việt Nam vào hàng thứ 39. Năm ngoái, cũng báo cáo này xếp VN vào nước thứ 49 trên 53. Các nước được coi là có sức cạnh tranh mạnh nhất là Singapore, Hồng Kông, Hoa Kỳ, Anh và Canada.

• Trong thời gian giải bóng đá thế giới, các bệnh viện ở TPHCM và Hà Nội đã ghi nhận số người bị tai nạn giao thông được đưa khẩn cấp vào viện giảm từ 30 tới 50 % mỗi tối ! Tuy nhiên, người ta chưa được biết số tai nạn lao động ngày hôm sau những trận đấu tăng lên bao nhiêu.

• Bộ giáo dục và đào tạo đã chính thức cho phép các trường đại học tư Văn Lang, Đông Đô và Phương Đông được tiếp tục các lớp về luật và cấp bằng tốt nghiệp khoa luật. Trước đây trường Văn Lang đã mở khoa luật không được phép, và đã gây dư luận xôn xao trong sinh viên.

• Vòng thương lượng thứ 12 về vấn đề biên giới đất liền Việt - Trung, họp tại Bắc Kinh từ 26.5 đến 5.6 đã được báo Nhân Dân đánh giá là " thành công ". Hai bên đã cam kết sẽ giải quyết vấn đề trước năm 2 000. Bên cạnh đó, cuộc thương lượng về biên giới biển vẫn bế tắc chưa thấy có lối ra. Hai bộ trưởng quốc phòng Phạm Văn Trà và Trì Hạo Điền đã gặp nhau tại Bắc Kinh ngày 10.6 để bàn về hợp tác quân sự ở vùng biên giới.

• Tổng giám đốc Ngân hàng nông nghiệp Việt Nam cho biết từ nay hộ nông dân vay dưới 10 triệu đồng không cần thế chấp. Đó là các hộ trồng cây dài ngày như chè, cà phê, cao su, cây ăn quả, kinh tế trang trại... Ngân hàng cũng sẽ gia hạn hoặc khoanh nợ cho các hộ bị thiên tai vừa qua.

• Giới hội họa Việt Nam báo động về nạn sao chép tranh – đôi khi do chính tác giả hay các phòng bán tranh tổ chức – đang làm cho tranh Việt Nam mất giá nghiêm trọng. Điển hình là hội họa của Bùi Xuân Phái mà, theo một phòng tranh tên tuổi ở Hà Nội, có đến khoảng 900 bức tranh lưu lạc ra nước ngoài nhưng không thể xác định thật giả. Vừa qua, có những bức tranh Bùi Xuân Phái giả đã được bán với giá 10 000 USD.

• Sau khi thua lỗ 50 tỉ đồng (4,5 triệu USD) năm 1997, Vietnam Airlines dự kiến sẽ lỗ khoảng 500 tỉ đồng trong năm 1998 do lượng hành khách giảm mạnh (6 % trong bốn tháng

đầu năm, riêng hành khách quốc tế giảm 10 %). Hãng hàng không đã ngưng sử dụng một trên bốn chiếc máy bay Boeing 767, và giảm tần suất bay trên một số tuyến hoặc bỏ hẳn một số đường bay trong nước (Hà Nội - Vinh ; Thành phố Hồ Chí Minh - Tuy Hòa ; Đà Nẵng - Hải Phòng ; Đà Nẵng - Quy Nhơn) cũng như quốc tế (Hà Nội - Manila).

• Một trận dịch sốt xuất huyết đang lan rộng ở nhiều tỉnh Trung và Nam bộ. Ở huyện Điện Bàn, Quảng Nam, một em bé 5 tuổi đã chết vì bệnh, 10 trẻ khác đang trong cơn nguy kịch. Số người mắc bệnh tới cuối tháng 6 lên trên 50 người. Ở huyện Dầu Giây, Đồng Nai, hơn 50 trẻ em đã được đưa khẩn cấp vào bệnh viện Suối Tre. Theo bác sĩ Phạm Bá Khiêm, viện Pasteur TPHCM, tổng cộng các tỉnh có hơn 1 000 người bị bệnh.

• Các báo trong nước vừa đăng lại lời phát biểu đầu tiên của tổng bí thư Lê Khả Phiêu về vấn đề tôn giáo. Trong một hội nghị về vấn đề này tại Hà Nội, ông Phiêu xác nhận là có nhiều cán bộ đảng " thiếu hiểu biết về tín đồ các tôn giáo, và sử dụng những biện pháp hành chính để hạn chế hoạt động tín ngưỡng của họ " (dịch lại từ tiếng Anh). Ông nói rằng điều đó là " không thể chấp nhận được ". Ngược lại, ông nhắc lại là các tổ chức tôn giáo phải hoạt động trong khuôn khổ của luật pháp.

Một bài báo bẩn thỉu

LTS. Chúng tôi không kiếm được từ nào khác để giới thiệu bài viết dưới đây, xin bạn đọc tha thứ và bình tĩnh đọc trước khi đọc tiếp lời bàn sau đó. Kể từ tựa của nó cho tới dấu chấm hết, những dấu đóng, mở ngoặc, mỗi từ đều là của tác giả bài báo.

Đừng lợi dụng dân chủ kiểu ấy

Một dạo, nhân đà đất nước đổi mới, có một nữ văn sĩ rất chí là cao đẹp, đi khắp nơi trong nước nói chuyện văn chương và lồng ghép chính trị, xã hội vung vít. Ấy vậy mà có kẻ trong cơn kích động, nước mắt dàn dề hét to " nếu có cơ chế bầu trực tiếp tổng thống, tôi sẽ bỏ phiếu cho bà ".

Đất nước ngày càng ổn định, đổi thay và phát triển tốt đẹp hơn lên. Cho nên kiểu cách định làm nữ hùng của bà diễn giả nọ trở nên trò con nít làm kịch.

Đã mấy năm, chuyện cũ tưởng rồi quên đi. Bà văn sĩ đã xồn xồn và nhăng nhít, mải chúi vào viết lách, chuyển thể kịch bản phim, tới nhờ người mối lái bán đứt bản quyền cho Tây để kiếm tiền lo cuộc sống về già đơn côi.

Ấy vậy mà, đùng một cái, bà " văn sĩ " này lại chỏng chảnh, nhấm nhúi làm một việc khác người là trả lời phỏng vấn một phóng viên Tây ghi âm ngay trong buồng ngủ của ông ta tại khách sạn.

Sự vụ xẩy ra đã mấy tháng. Kẻ trong cuộc đó thì muốn dấu nhẹm khỏi xấu mặt với thiên hạ, nhất là với những kẻ đã từng tụng ca mình. Nhưng rồi chuyện vẫn vỡ lở, nghe ra là thế này : Một phóng viên Tây từng vào Việt Nam làm công việc hữu ích cho ông ta và hữu nghị với Việt Nam. Nhưng tiếc là lần này, vì để kiếm tiền, do ông chủ báo thuê, rồi lại được một ông Việt kiều ở Pháp vốn vẫn hiềm khích với Việt Nam, là ông Phan Huy Đường chỉ bảo cho cách thức bí mật gặp bà " văn sĩ " nọ để phỏng vấn và ghi âm " tiếng nói đấu tranh cho tự do, dân chủ ở VN ". Cho nên ông ta bùi tai, nghe theo và đã thực hiện hành vi đó ngay tại buồng ngủ của mình tại một khách sạn cách Tháp Rùa chỉ vài trăm mét, vào lúc 10H27, ngày 2/3/1998.

Nghe chuyện mà thấy xấu mặt. Bà " văn sĩ " thì đang tìm mối bán đứt kịch bản phim cho Tây, được một ông mắt xanh, mũi lõ hẹn gặp, liền thuê tắc-xi phóng đến liền. Khác mọi lần, bà ta vẫn diêm dúa gặp Tây và có dăm ba người, đi dép cao gót, nay vì khách sạn này vốn rất nghiêm chỉnh, mà lại phải tuyệt đối bí mật với bảo vệ và lễ tân, cho nên nữ " văn sĩ " phải đi dép xốp mỏng cho lẹ làng, và bịt khăn voan để che bớt khuôn mặt mấy ai chẳng biết. Như chạch, thoắt cái bà ta đã lẩn được vào buồng ngủ của ông Tây và đóng chặt cửa lại.

Nhưng " tai vách mạch rừng ", ở xứ ta nhiều chuyện to nhưng lành rất dễ cho qua. Nhưng có việc nhỏ mà lại khó dấu kín. Hành vi hoạt động chính trị tại trong phòng ngủ của người nước ngoài của nữ " văn sĩ " và ông phóng viên mặt xanh, mũi lõ không qua được tai mắt quần chúng. Cho nên, kết cục là nhà chức trách cùng với bảo vệ khách sạn đã đến kịp thời lập biên bản hoạt động trái phép của đôi người nọ, khiến cho lão Tây run rẩy sợ hãi, bà " văn sĩ " tuy đã dạn dầy nhưng cũng đần mặt ra và nhà chức trách đã ghi hình bằng camêra hết thảy.

Vậy là, tang chứng, vật chứng, lời khai nhận sai phạm có đủ. Nhưng không hiểu sao, đến bây giờ cơ quan chức trách vẫn không hề có hình thức xử lý sai phạm đó của bà ta. Phép nước không được nhờn.

Thanh Trang (Báo Văn Hoá, Cơ quan của bộ Văn hoá - Thông tin, năm thứ 41, số 366, thứ tư 20.5.1998)

Lời bàn

Khi chúng tôi nhận được bài viết này, đọc xong phải rất lâu mới lấy lại được bình tĩnh, như khi buộc phải nghe một cuộc chửi bới ở đầu đường xó chợ với những lời bịa đặt, bôi nhọ người khác của những kẻ trơ trẽn, vô giáo dục ở đáy cùng của xã hội.

Thảo luận khá lâu mới quyết định được đăng hay không đăng nó trên Diễn Đàn. Cuối cùng thì đăng, vì nó là một bài đăng trên cơ quan chính thức của một bộ mang hai chữ " văn hoá " trong tên. Không cần gì phải " thảo luận " với một bài báo như vậy. Nhưng cần thông tin cho thiên hạ biết trình độ vô văn hoá, vô giáo dục của nó. Và để cho những người đọc của tờ báo đó biết rằng, làn ranh giữa nhân phẩm và phi nhân nhẩm từ nay khá đơn giản : đó là làn ranh giữa những người thấy xấu hổ, nhục nhã và những người không thấy xấu hổ khi đọc một bài như vậy.

Bộ trưởng Văn hoá - Thông tin, ông đứng ở bên nào làn ranh ?

Diễn Đàn

" SÁCH ĐEN "

(tiếp theo trang 1)

Một hệ thống « *tại tất cả các nước mệnh danh cộng sản, được xây dựng trên nền tảng của sự đàn áp ghê gớm và rộng lớn (thậm chí có lúc tội ác đại trà), của sự loại trừ toàn bộ những tầng lớp xã hội, của một văn hoá nội chiến, của ý tưởng cơ bản là càng đến gần mục tiêu lý tưởng, thì cuộc đấu tranh giai cấp càng diễn ra gay gắt, và của một số huyền thoại canh tân mang nặng nội dung bạo lực triệt để đối với một " thế giới cũ " cần phải " đập phá tan tành " »*. Sơ đồ ấy, chúng ta tìm thấy trong hầu hết các " nghiên cứu tình huống " hợp thành cuốn sách, bắt đầu là công trình của chính Nicolas Werth về thời kỳ 35 năm đầu của Liên Xô.

Muốn đánh giá toàn diện cuốn ***Sách đen của chủ nghĩa cộng sản*** tất nhiên còn phải phân tích sít sao và đối sánh nó với những công trình nghiên cứu trước đây, song không thể phủ nhận đóng góp của nó vào sự hiểu biết về thực tiễn đàn áp của chủ nghĩa cộng sản. Có thể nói : đây là một cuốn sách cần thiết. Bất luận mỗi người đứng trên lập trường nào, chung thuỷ với ai và cái gì, và trước khi bắt đầu mọi cuộc thảo luận về vấn đề này, thì cũng phải đọc cuốn sách này, ít nhất để biết ta bàn về cái gì.

Vậy thì tại sao lại có cuộc luận chiến ? Chỉ tại một trong những người chủ biên, Stéphane Courtois, trong một bài viết vừa là mở đầu, vừa là tổng luận, tựa đề " *Những tội ác của chủ nghĩa cộng sản* " [3] đã tung ra con số cộng hắc ám và khả nghi là 100 triệu người chết vì chủ nghĩa cộng sản, trong khi chủ nghĩa nazi " chỉ " có 25 triệu nạn nhân ; sau khi tính sổ như vậy rồi, bèn so sánh hai chủ nghĩa toàn trị đã chế ngự thế kỷ XX để lập lờ đồng hoá chúng : hệ tư tưởng cộng sản, bất luận ở nước nào, thời nào, hoàn cảnh nào, hễ cầm quyền là biểu lộ *bản chất tội ác*, trên cùng một bình diện với hệ tư tưởng nazi. Sự đánh đồng này rất hợp với khẩu vị của một bộ phận phái hữu và toàn bộ phe cực hữu, và các lực lượng này đã giương cao cuốn sách đen ở mọi diễn đàn, kể cả quốc hội. Việc này đã làm nổ ra một cuộc tranh luận trong nội bộ các biên tập viên, đặc biệt giữa một bên là Courtois, bên kia là Werth và Margolin. Nó cũng tái khởi động cuộc tranh luận cổ điển giữa các sử gia, khơi lại những cuộc cãi cọ kinh niên trong giới trí thức, nhất là giữa những trí thức cánh tả. So sánh chủ nghĩa phátxít với chủ nghĩa cộng sản là một vấn đề phức tạp và tế nhị, đòi hỏi phải đầu tư chiều sâu, ở đây chúng tôi sẽ không làm (vả lại, đây không phải là đề tài cuốn sách). Tuy nhiên, có thể nói ngay : với lối đánh đồng thô thiển của Courtois, thì rất dễ bác bỏ. Xin lấy một thí dụ dễ hiểu : trường hợp của hệ tư tưởng Thiên chúa giáo. Trong thiên niên kỷ vừa qua, Thiên chúa giáo đã gây ra sự bất dung (*intolérance*), những cuộc săn lùng phù thuỷ, chế độ toà án *Inquisition*, những biệt khu *pogrom* ; nó đã làm nảy sinh những cuộc chiến tranh (thánh chiến) ; nó đã đồng loã với chế độ nô lệ, chủ nghĩa thực dân ; nhân danh Thiên chúa giáo, người ta đã xoá sạch các nền văn minh tiền Colomb trên bản đồ và trong sử sách [4]... Nhưng chẳng ai, kể cả những người chống giáo hoàng một cách kịch liệt, có thể đặt dấu = giữa đạo Thiên chúa và chủ nghĩa nazi.

Cố nhiên, có thể nói : đối với các nạn nhân, thì xét cho cùng, nhân danh chủ nghĩa nào mà họ bị tàn sát có lẽ không phải là điều quan trọng. Song hàm ý rằng mọi tội ác đều như nhau, Goulag hay Auschwitz thì cũng" mắm sốt ", đương nhiên là *tầm thường hoá* tội ác diệt chủng, là tương đối hoá chủ nghĩa nazi, là tân trang cho cực hữu... Cho dù khủng bố là chiều kích cốt yếu (nhưng không duy nhất) của hệ thống cộng sản, nó không phải là bản chất của chủ nghĩa này. Giữa cộng sản và nazi, nếu có sự tương đồng là trong các thực tiễn : *Tội ác, khủng bố, đàn áp.* Khác biệt, cơ bản, là về mặt học thuyết : chủ nghĩa cộng sản là một lý tưởng giải phóng, một lý tưởng anh em (" *Internationale sẽ là nhân loại tương lai* " [5]), chủ nghĩa nazi là một hệ tư tưởng loại trừ, vô nhân đạo, và " đặc điểm tởm lợm " của nó, nói như François Furet, diệt chủng là " cứu cánh tự tại ". Dù cho hai hệ thống đều dẫn tới những hậu quả quái dị về mặt con người, người ta không thấy trong từng trang của ***Sách đen của chủ nghĩa cộng sản*** " *cái bản chất đẫm máu của chủ nghĩa cộng sản, thống nhất một khối, không thể chia tách và vĩnh hằng mà S. Courtois muốn tố giác* " (J.-L. Margolin và N. Werth). Trái lại, không ai có thể mô tả cái lưỡng đề cơ bản của bạo lực cách mạng hay hơn là chính một số người đã trực tiếp tham gia thảm kịch cộng sản. Chẳng hạn như Isaac Steinberg, một đảng viên xã hội cách mạng phái tả, đồng minh với những người bônsêvic, làm uỷ viên Tư pháp (tức là bộ trưởng tư pháp của chính phủ cách mạng Nga) từ tháng chạp 1917 đến tháng năm 1918. Trong tác phẩm ***Khía cạnh đạo lý của cách mạng*** (1923), I. Steinberg viết : « *Việc lật đổ thế giới cũ, thay thế nó bằng cuộc đời mới mà vẫn giữ nguyên những căn bệnh cũ, vẫn bị ô nhiễm bởi những nguyên tắc cũ, điều đó đặt người xã hội chủ nghĩa trước một sự lựa chọn cơ bản ở thời điểm đấu tranh quyết định : bạo lực cũ (của Sa hoàng hay của tư sản) hay bạo lực cách mạng (...). Bạo lực cũ là bảo vệ chế độ nô lệ một cách bệnh hoạn, bạo lực cách mạng là con đường đau khổ để đi tới giải thoát (...). Chính điều ấy quy định sự lựa chọn của chúng ta : chúng ta nắm chắc trong tay bạo lực như một công cụ để vĩnh viễn kết liễu vai trò của nó. Bởi vì để chống lại bạo lực, không có công cụ nào khác hơn là bạo lực. Vết thương tinh thần toang hoác của cách mạng chính là ở đó. Đó chính là nghịch lý, là nỗi đau nội tại, là mâu thuẫn của sự nghiệp cách mạng*». Và, rất sáng suốt, ông viết tiếp : « *Cũng giống như khủng bố, bạo lực (xét cả dưới dạng cưỡng bức và đối trá) bao giờ cũng nhiễm trùng trước tiên vào căn cơ của tâm hồn kẻ bại trận, đồng thời của cả kẻ thắng trận, rồi sau đó là của toàn bộ xã hội* ». Còn lâu mới nghe thấy một tiếng nói tương tự cất lên từ trong hàng ngũ phát xít.

Đặt tội ác vào trung tâm của hệ tư tưởng cộng sản như vậy là, vô tình hay cố ý, lẫn lộn cứu cánh và phương tiện, lý tưởng và thực tiễn. Ý tưởng cộng sản ít nhất đã có từ thời Platon với tác phẩm *Cộng hoà*, từ thời Thomas More [6] với cuốn *Utopia*, Saint-Just hay Fourier..., nó không chỉ giới hạn ở Marx, cũng không thu hẹp trong thực tiễn của Cách mạng tháng mười. Phân biệt như vậy có tầm quan trọng của nó, bởi vì nếu ta đánh đồng chủ nghĩa cộng sản với chế độ cộng sản hiện thực, tức là ta tự trói mình, không cho phép nghĩ tới ý tưởng, lý tưởng cộng sản.

" KHỦNG BỐ ĐỎ "

Song phân biệt lý tưởng và thực tiễn không cho phép ta tránh né việc tìm hiểu xem tại sao, cơ sự thế nào mà sự đàn áp đã nảy sinh từ trong lòng một hệ thống, mà để nói cho gọn, chúng tôi vẫn tiếp tục gọi là cộng sản. Chủ nghĩa cộng sản hiện đại sản sinh từ khuôn mẫu xôviết, nên tự nhiên hơn cả, ta hãy bắt đầu bằng chương *Một nhà nước chống lại nhân dân* trong ***Sách đen của chủ nghĩa cộng sản***. Tác giả chương này, Nicolas Werth, xem xét 35 năm đầu tiên của chế độ Liên Xô [7] bằng cách tập trung tìm hiểu hiện tượng đàn áp vì đây " *đồng thời là nhân tố trung tâm của sự sử dụng và sự vận hành của chính quyền, đồng thời là chất thuốc hiện hình làm nổi lên những sự căng thẳng gay gắt xuyên suốt quan hệ giữa Nhà nước và xã hội* ". Không nên tách biệt một cách giả tạo những bước đàn áp và toàn bộ hệ thống chính quyền, song ta có thể phân kỳ sự khủng bố thành hai giai đoạn lớn : thời kỳ " chủ nghĩa cộng sản thời chiến " của Lenin (1917-1923) và thời kỳ đại khủng bố của Stalin (1929-1953), ở giữa hai thời kỳ đó là một thời gian ngưng nghỉ ngắn (1923-1927), thời gian này không trùng lặp với chính sách NEP (tháng ba 1921 – tháng mười 1929) như người ta vẫn tưởng lầm.

Chúng ta cần cảnh giác đối với những công thức ngắn gọn nhưng quá giản lược. " Chủ nghĩa cộng sản thời chiến " là một công thức thuộc loại này. Trên thực tế, thời kỳ mà chúng tôi gọi tên bằng công thức ấy bao gồm nhiều giai đoạn khác nhau, gối đầu lên nhau : " Khủng bố đỏ ", nội chiến, cuộc " chiến tranh bẩn thỉu ", " nạn đói lớn "... Cuộc " khủng bố đỏ " (mà trách nhiệm rõ ràng là về Lenin, xem dưới đây) bắt đầu hầu như cùng lúc với cuộc đảo chính bônsêvic và việc thành lập Tcheka (tiền thân của KGB) " *cánh tay vũ trang của nền chuyên chính vô sản* " (tháng chạp 1917). Nạn nhân đầu tiên của nó là những người vô chính phủ, ngay tiếp theo là những người mensêvic, những người xã hội cách mạng, cùng với những nông dân (cưỡng lại lệnh quân dịch và trưng thu) và công nhân (chỉ vài tuần sau tháng mười là các xôviết công nhân bị Đảng bônsêvic tước hết quyền lực). Hai năm nội chiến (hè 1918 – cuối 1920) giữa phe Trắng (bảo hoàng) và phe Đỏ (bônsêvic), với chuỗi dài tàn sát của cả hai bên, thực ra chỉ tăng cường thêm cuộc khủng bố mà từ tháng chín 1918, chính quyền xôviết đã chính thức hoá bằng sắc lệnh " Về khủng bố đỏ " nổi tiếng. Mùa thu năm 1918, cộng những con số " bọn phản cách mạng " bị hành quyết, được công bố trên các báo, có thể ước tính con số nạn nhân lên tới khoảng giữa 10 000 và 15 000 : nghĩa là, trong vòng mấy tuần lễ, riêng cơ quan Tcheka đã hành quyết gấp hai, ba lần số người đã bị chế độ Sa hoàng tuyên án tử hình trong thời gian 92 năm (đó là không nói, những bản án này thường được chuyển thành án tù).

Cường độ đàn áp một phần là hậu quả của cuộc nội chiến khốc liệt, trong thời gian ấy, phần thắng bại của hai bên xoay chuyển theo các cuộc nổi dậy của nông dân nổ ra hàng loạt từ năm 1919 trở đi, đến mức có thể nói người chiến thắng không phải là Hồng quân mà là cơ quan Tcheka, với cái giá phải trả là những cuộc tàn sát ghê gớm : hành quyết cấp tập, bắt con tin, hoả hoạn cố ý (nhiều cánh rừng đã bị cố ý đốt cháy), giết người bằng khí độc... Song Khủng bố đỏ không chỉ diễn ra giữa hai phe đỏ và trắng trong thời kỳ nội chiến như bộ máy xôviết vẫn tuyên truyền. Khủng bố là phương thức mà chính quyền Liên Xô sử dụng để xử lý mọi hình thức phản đối, có thật hay tiềm thể, trong khung cảnh một cuộc " nội chiến " không tiền lệ : cuộc chiến tranh do Nhà nước tiến hành chống lại một bộ phận xã hội. Một bộ phận ngày càng đông đảo bởi vì, như N. Werth nhận xét, « *càng ngày người ta càng đưa ra những loại đối tượng mới, như " phần tử tình nghi ", " kẻ thù của nhân dân ", " con tin ", " trại tập trung ", " toà án cách mạng ", những phương thức mới như " giam giữ phòng ngừa ", hành quyết không xét xử hàng trăm, hàng ngàn người bằng một cơ quan công an kiểu mới, nằm trên mọi luật lệ, tất cả những yếu tố đó tạo thành một cuộc đảo lộn không tiền khoáng hậu, tương tợ như cuộc cách mạng Copernic trong lịch sử thiên văn học* ».

Cuộc nội chiến kết thúc vào cuối năm 1920, khi những đơn vị Bạch vệ cuối cùng bị đập tan ở Krưm (Crimée). Nhưng cuộc " chiến tranh bẩn thỉu " (theo cách gọi của N. Werth) sẽ còn kéo dài ít nhất cho đến năm 1932, đối tượng của nó là một số người mới bị quy chụp là " kẻ thù của nhân dân " : những người Côdắc (đây là lần đầu tiên một nhóm xã hội trở thành đối tượng tiêu diệt), những người xã hội cách mạng (năm 1922, đây là vụ án Maskva thứ nhất), những công nhân " phản cách mạng " (cuộc binh loạn Kronstadt : tại đây công nhân Petrograd đã liên minh với binh sĩ nổi dậy — một sự liên minh mà người bônsêvic e ngại nhất vì chính nhờ liên minh công nhân & binh sĩ mà họ đã giành được chính quyền — và đã bị đàn áp đẫm máu), những nông dân (cuộc " bình định " tỉnh Tambov, ngày nay đọc lại tài liệu lưu trữ cũng đủ sởn tóc gáy)... Thực ra, không phải người bônsêvic đã đánh bại các cuộc nổi dậy của nông dân, mà chính là nạn đói lớn năm 1921-1922 (5 triệu người chết), hậu quả của hạn hán và sản xuất hỗn loạn, không kể những lệnh trưng thu được tung ra như điên vào năm 1920 là năm mất mùa. Thái độ trước nạn đói của chính quyền xôviết, đứng đầu là Lenin, khiến người ta phải đặt ra những nghi vấn nghiêm trọng : sau một thời gian đầu duy trì lệnh trưng thu, chính quyền rốt cuộc đã phải chấp nhận viện trợ lương thực của nước ngoài, nhưng sau đó lại bắt giam và kết án tử hình những trí thức Nga đã tham gia cuộc vận động (án tử hình này sau đó được chuyển thành án biệt xứ), nhất là đã nắm

lấy " *thời điểm cực kỳ thuận lợi này* " (lời Lenin) để dứt điểm giáo hội Nga. Thư ngày 19 tháng ba 1922 của Lenin gửi Bộ chính trị : " (...) *Với cảnh người đói đang ăn thịt người, với cảnh đường sá chồng chất hàng trăm, hàng ngàn tử thi, giờ đây đã tới lúc, và chỉ giờ đây mới là lúc chúng ta có thể (và vì vậy, có nhiệm vụ) tịch thu tài sản của Giáo hội một cách kiên quyết, không thương tiếc* ". Lá thư này nhắc ta nhớ tới lời phát biểu của luật sư trẻ Vladimir Oulianov [*tên thật của Lenin*, DĐ] nhân nạn đói năm 1891 tại Nga : « *Nạn đói phá huỷ nền kinh tế nông dân lạc hậu, đồng thời khách quan mà nói, đã đưa chúng ta lại gần mục tiêu cuối cùng (...). Nạn đói không chỉ làm tiêu tan lòng tin vào Sa hoàng, mà cả lòng tin nơi Thượng đế* ».

" ĐẠI KHỦNG BỐ "

Giai đoạn khủng bố lần thứ nhất chấm dứt vào tháng ba 1923, khi Lenin bị chấn thương sọ não lần thứ ba, phải ngừng hoạt động. Những người lãnh đạo bônsêvic lao vào các cuộc đấu tranh giành quyền kế vị nên trong hơn 4 năm, cuộc đụng đầu giữa chế độ xôviết và xã hội trải qua một thời kỳ hưu chiến — cố nhiên, dưới vẻ ngoài bình lặng, vẫn còn những sự căng thẳng sâu đậm. Đầu năm 1928, thủ tiêu xong phe đối lập *tả* của Trotsky, Stalin chấm dứt cuộc hưu chiến. Viện cớ các cuộc thu mua cuối năm 1927 bị khủng hoảng, Stalin tái ban hành lệnh trưng thu và một loạt những biện pháp đàn áp kiểu cộng sản thời chiến, mào đầu cho cuộc tập thể hoá nông nghiệp. Nhưng phải đợi một năm sau, khi đã thủ tiêu nốt phe đối lập *hữu* (Rykov và Boukharin), Stalin mới bắt đầu *Khúc ngoặt lớn*, chấm dứt chính sách NEP. Những gì xảy ra sau đó thì mọi người đều biết : tập thể hoá cưỡng bức, diệt kulak (hơn 2 triệu nông dân bị đưa đi đày biệt xứ), thiết lập các trại *goulag* năm 1929 (ở những cao điểm, số *trại viên* lên tới 2 triệu), nạn đói 1932-33 do chính quyền cố tình gây ra (6 triệu người chết)... Những con số đó cho thấy quy mô cuộc *đại công kích* nông dân, cũng là dịp thử nghiệm những phương pháp về sau được áp dụng cho những thành phần xã hội khác, như *spetzy* (chuyên gia tư sản), giới tu hành, giới kinh doanh tư nhân (được chính sách NEP chấp nhận), những " *phần tử xã hội ngoại lai* " (nông dân chạy trốn ra thành thị), " *những phần tử phi giai cấp hoá* " (du đãng, những người vô gia cư vô nghề nghiệp)..., tóm lại, tất cả " *những tàn dư của các giai cấp đang giẫy chết* ". Như một người tham gia chính sách này đã viết : « *Cán bộ ta, những ai đã trải qua thời kỳ 1932-33 mà giữ vững được lập trường thì cũng như thép đã được tôi luyện. Tôi nghĩ với hàng ngũ cán bộ như vậy, ta sẽ xây dựng được một Nhà nước chưa bao giờ thấy trong lịch sử* ». N. Werth nhấn mạnh trong nửa đầu thập niên 1930, quy mô của cuộc đàn áp nhân dân do Đảng–Nhà nước tiến hành « *thay đổi khi mạnh khi nhẹ, theo những chu kỳ, nhờ đó tạo ra được một sự cân bằng tương đối, tránh được sự hỗn loạn có thể nảy sinh nếu tiến hành sự đối đầu thường trực* ».

Chu kỳ đàn áp thứ nhì, thường gọi là thời kỳ Đại khủng bố (1936-38), thì người Liên xô quen gọi là *Iejoschina* (tức là *Thời Iejov*, người đứng đầu NKVD, cơ quan công an thay thế GPU, trước đó là Tcheka). Nhưng các kho lưu trữ mới được mở ra cho các nhà nghiên cứu tham khảo cho phép khẳng định rằng mọi việc làm của Iejov đã được Bộ chính trị, đặc biệt là Stalin, quyết định và kiểm tra chặt chẽ. Mọi tầng lớp nhân dân, từ cấp lãnh đạo cho đến những công dân bình thường, đều là đối tượng của cuộc khủng bố vĩ đại (khoảng 700 000 người bị hành quyết trong vòng hai năm). Nói tới thời kỳ này, dư luận thường chỉ ghi nhớ các vụ án Moskva đánh vào những " chiến hữu thân cận của Lenin " (Kamenev, Zinoviev, Boukharin...), và cuộc thanh lọc Hồng quân (trừ khử 3 trên 5 thống soái, 13 trên 15 đại tướng, 8 trên 9 đô đốc...), song những vụ việc đầy kịch tính này chỉ là phần nổi của một băng sơn mà phần chìm là cả một " chiến dịch phòng bệnh xã hội " được tiến hành theo *côta* vào những lúc cao điểm. Một thí dụ : ngày 2 tháng bảy 1937, Bộ chính trị điện cho chính quyền địa phương ra lệnh " *bắt ngay tất cả bọn kulak và tội phạm (...), xử bắn những phần tử thù nghịch nhất (...), đưa đi đày những phần tử thù nghịch kém phần tích cực* ". Và để thực hiện chỉ thị này, BCT ra lệnh cho các cấp địa phương, trong vòng 5 ngày, phải báo cáo Trung ương " *con số những phần tử cần xử bắn và con số những phần tử cần đưa đi đày* ". Nhờ tinh thần khẩn trương tích cực của các cấp địa phương, chỉ thị nói trên đã dẫn tới kết quả như sau : 259 450 người bị bắt, 72 950 bị hành quyết (lệnh thi hành số 00447, ký tên Iejov).

Theo N. Werth, cuộc Đại khủng bố nhằm theo đuổi (và đã đạt được) hai mục tiêu : « *Mục tiêu thứ nhất là xếp đặt một bộ máy quan liêu dân sự và quân sự chỉ đâu đánh đấy, gồm những cán bộ trẻ được đào tạo theo tinh thần staliniên những năm 1930, sẵn sàng " thực hiện mọi nhiệm vụ mà đồng chí Stalin giao phó " (...). Mục tiêu thứ nhì là hoàn thành một cách triệt để việc tiêu diệt các " phần tử xã hội nguy hiểm ", một khái niệm rất mơ hồ, rộng rãi* ».

Cuộc khủng bố vẫn tiếp tục khi chiến tranh bùng nổ. Từ năm 1939, Liên Xô thôn tính miền đông Ba Lan, rồi ba nước ven biển Bantic, nên cần phải " tiêu diệt các phần tử tư sản dân tộc chủ nghĩa " và lưu đày một số nhóm thiểu số. Trong giai đoạn gay go nhất của cuộc *Chiến tranh ái quốc vĩ đại*, bất chấp những yêu cầu cốt tử của sự nghiệp bảo vệ một đất nước trong cơn nguy hiểm một mất một còn, chính sách này còn được tăng cường thêm, rút nhiều đơn vị quân đội và phương tiện vận tải khỏi nhiệm vụ phục vụ chiến trường để áp tải các nhóm dân tộc Đức, Tchetchen, Tatar, Kalmuk... tới các địa điểm lưu đày... Khi chiến tranh chấm dứt, suốt thập niên 40, cuộc khủng bố tiếp tục tiến hành trong quá trình " bình thường hoá " những nước mới bị sáp nhập vào khối Liên Xô.

Ngày 13 tháng giêng 1953 là cao điểm của một chiến dịch " chống bọn thế giới chủ nghĩa " bắt đầu từ năm 1949, đánh dấu một cái mốc quan trọng của thời kỳ sau chiến tranh của chế độ Stalin : một nhóm bác sĩ cao cấp bị tố cáo là ám sát và mưu sát những nhà lãnh đạo cao cấp của đảng và nhà nước Liên Xô. Đó là " vụ âm mưu áo blu trắng ", báo hiệu

một cuộc thanh trừng lớn sắp bắt đầu, một *Iejovschina* mới, nếu như, vài tuần sau, Stalin không chết đột ngột. Cái chết của đại lãnh tụ, như F. Furet đã viết, biểu lộ " *cái nghịch lý của một chế độ mệnh danh là phù hợp với các quy luật của phát triển xã hội, thế mà dưới chế độ ấy, mọi sự đều tuỳ thuộc vào một cá nhân duy nhất, và khi cá nhân ấy mất đi, thì chế độ dường như mất đi cái gì cốt yếu nhất của nó* ".

" MỘT NHÀ NƯỚC CHỐNG NHÂN DÂN "

Qua phần tóm tắt trên, ta thấy hiện rõ, trong quá trình tạo sinh chế độ xôviết, sự hình thành và củng cố của một nền nếp " văn hoá nội chiến " — không phải nội chiến theo nghĩa cổ điển, mà theo nghĩa : cuộc chiến tranh trong nội bộ một nước, do Nhà nước tiến hành chống lại xã hội, cuộc chiến tranh mà chính Lenin đã phát động trước khi Bạch quân và Hồng quân nổ súng giao tranh. Cuộc nội chiến ấy, người bônsêvich không những không sợ, mà họ còn sử dụng nó, nâng cấp kinh nghiệm thành lý luận hệ thống. Trong ***Bảo vệ chủ trương khủng bố*** (1920), Trotski viết : " *Nền chuyên chính là cần thiết vì vấn đề không phải là những thay đổi bộ phận, mà là bản thân sự tồn tại của giai cấp tư sản. Trên cơ sở ấy, không thể có được sự thoả thuận nào cả, chỉ có vũ lực mới có thể giành phần quyết định* (...) ". Trong bài luận văn nổi tiếng *Cách mạng vô sản và tên phản bội Kautsky*(1919), Lenin trình bày quan niệm của mình về Nhà nước như sau : « *Trong tay của giai cấp thống trị, Nhà nước là guồng máy nhằm đập tan sự kháng cự của các đối thủ giai cấp. Về mặt này, nền chuyên chính của giai cấp vô sản, cơ bản mà nói, cũng chẳng khác gì nền chuyên chính của bất luận giai cấp nào khác, vì Nhà nước vô sản là guồng máy nhằm đập tan giai cấp tư sản* » và nói về bản chất của " chuyên chính cách mạng " : « *Chuyên chính là chính quyền trực tiếp dựa trên bạo lực, nó không bị ràng buộc bởi một luật lệ nào cả. Chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản là chính quyền do giai cấp vô sản dùng bạo lực để giành lấy, duy trì và sử dụng trên giai cấp tư sản, không có luật pháp nào ràng buộc nền chuyên chính ấy cả* ».

Cần để ý là trong hai câu vừa trích dẫn, các từ vô sản và tư sản chỉ là ngôn ngữ văn bia, *ngôn ngữ gỗ* : trên thực tế, sự đàn áp không chừa một giai cấp xã hội nào, kể cả giai cấp vô sản, cho dù đôi khi Lenin vẫn than thở rằng ở Nga không có giai cấp vô sản (nên có lần Chliapnikov, một trong những lãnh tụ bônsêvic rất hiếm xuất thân là công nhân, đã mỉa mai chua cay : « *Tôi xin biểu dương đồng chí đã có công sử dụng chuyên chính nhân danh một giai cấp không hề có !* »). Tiếm đoạt danh nghĩa vô sản là một trong những ảo thuật của chủ nghĩa Lenin, « *trong tất cả các vụ đàn áp, thì cái mà chế độ xôviết che giấu kỹ càng nhất là sự đàn áp thế giới thợ thuyền, là giới mà người bônsêvic đã mệnh danh đại diện để nắm chính quyền* » : Cách mạng tháng mười 1917 bùng nổ được vài tuần là họ đã kiềm chế các xôviết, sang mùa xuân 1918 thì giải tán tất cả các xôviết nào không phải của người bônsêvic, nên trong hai năm 1919-1920 đã diễn ra nhiều phong trào phản đối, nhiều cuộc đình công, đến năm 1921 thì có vụ Kronstadt. Tất cả các phong trào này (không riêng Kronstadt) đã bị đàn áp thô bạo : bắt giam (có trường hợp hành quyết không xét xử) những người lãnh đạo, sa thải toàn thể xí nghiệp, bỏ đói (cắt phiếu lương thực), quân sự hoá lao động... Không phải là chuyên chính vô sản, mà là chuyên chính *chống* vô sản. « *Quần chúng công nhân chỉ là* rabsila (lực lượng lao động) *cần được bóc lột theo cách hiệu quả nhất, bằng cách bỏ mặc các luật lệ lao động và các công đoàn chỉ còn đóng vai trò đôn đốc năng suất (...). Người ta không thể không liên hệ hình thức bóc lột lao động tự do này với chế độ lao động cưỡng bức trong những trại giam khổng lồ được lập ra từ đầu thập niên 1930* [tức là những goulag] » (N. Werth).

Với sự đàn áp công nhân, người ta thấy được toàn cảnh một bộ máy Nhà nước chống lại toàn thể các tầng lớp xã hội. Đây là một hiện tượng mới, chưa từng có trong lịch sử, và chỉ có thể duy trì nhờ chuyên chính vũ trang, dùng khủng bố làm công cụ cai trị. Đằng sau những mỹ từ lêninit (" dân chủ vô sản " , " dân chủ nhân dân " ...), « *Khủng bố cho phép giữ lấy chính quyền, bắt đầu nhào nặn ra một xã hội mà lý thuyết đã hình dung, và khoá miệng tất cả những ai, bằng lời nói, bằng thực tiễn, hay do tồn tại đơn thuần— về mặt xã hội, kinh tế hay trí thức — tố giác rằng lý thuyết ấy rỗng tuếch* » (S. Courtois). Ở đây đặt ra vấn đề trung tâm của thế kỷ XX : chủ nghĩa xã hội hay/và dân chủ. Có thể nào nhân danh công lý mà khinh thị tự do ? Có thể nào đẩy dân chủ tiến tới bằng cách đáp ứng những yêu sách xã hội mà không rơi vào nguy cơ viện cớ yêu sách xã hội để đẩy lùi dân chủ ? Trong tác phẩm ***Chuyên chính vô sản*** (1918), Karl Kautsky, lãnh tụ và nhà lý luận của Đệ nhị Quốc tế đã đặt đúng vấn đề cốt lõi : « *Sự đối chọi giữa hai trào lưu xã hội chủ nghĩa* [...] *dựa trên sự đối chọi giữa hai phương pháp khác nhau về cơ bản : phương pháp dân chủ và phương pháp độc tài chuyên chính. Cả hai trào lưu đều muốn một điều : đem chủ nghĩa xã hội để giải phóng giai cấp vô sản, và cùng với giai cấp vô sản, giải phóng cả nhân loại* [...]. *Đòi hỏi thảo luận tự do đương nhiên đặt chúng ta vào mảnh đất dân chủ* [trong khi mà] *mục đích của chuyên chính không phải là phản bác những ý kiến trái ngược, mà là dùng bạo lực để huỷ diệt mọi sự phát biểu ý kiến trái ngược. Thành thử hai phương pháp dân chủ và chuyên chính đã đối nghịch với nhau ngay từ trước khi cuộc thảo luận bắt đầu, và chẳng có cách nào hoá giải được* ». Câu trả lời cuồng nộ của Lenin (đã trích dẫn ở phần trên) cho thấy Lenin, về phần mình, đã chọn phương pháp nào. Qua các bài viết quan trọng của Vladimir Ilitch, như ***Làm gì ?*** (1902) trong đó ông trình bày quan niệm về một " đảng tiền phong " gồm những người cách mạng chuyên nghiệp, với một cơ cấu tổ chức bí mật, gần như quân sự ; hay ***Luận cương tháng tư*** (1917) trong đó Lenin kịch liệt chống lại " cách mạng tư sản " và quá trình dân chủ ; hoặc ***Cách mạng vô sản*** (sđd), lý luận cách mạng của Lenin cho thấy trước ông sẽ thực hành như thế nào : việc thực hiện không tưởng sẽ được tiến hành mà không cần phải thuyết phục đa số, và nếu cần, chống lại đa số. « *Sẽ là vô vọng nếu người bônsêvic*

trông chờ vào sự tán thành của một đa số hình thức. Không có cuộc cách mạng nào lại trông chờ như vậy » [8]. Tổ chức lại toàn bộ xã hội mà không cần xã hội đồng ý, thì tất nhiên phải ép buộc, phải đàn áp : không tưởng mà không có dân chủ trở thành không tưởng tàn sát. Mặc dầu N. Werth đã thận trọng phân biệt các " tình huống lịch sử " và nhấn mạnh tới " những gián đoạn giữa hai chu kỳ đàn áp " (thời kỳ Lenin và thời kỳ Stalin), tổng kết của sử gia cho thấy rất chính xác và cụ thể mối liên hệ huyết thống : trong Lenin đã có Stalin, và ba thú luận điểm trốtkít về " cuộc cách mạng bị phản bội " đều là chuyện tào lao. Cho dù là chuyện *biết rồi, khổ lắm, nói mãi*, nhưng nhận thức lại sự thật hiển nhiên vẫn còn gây ra bàng hoàng, sửng sốt : thế kỷ XX đã sáng tạo ra đủ mọi kỹ thuật đàn áp, và chính sách khủng bố lêninit đã khai trương không sót một kỹ thuật nào (chúng tôi không có ý luận chiến khi viết điều này ; chỉ cần đọc chương sách của N. Werth).

TÍNH THỜI SỰ CỦA CHỦ NGHĨA MARX

Đã đi thì đi cho chót : tại sao lại ngừng ở Lenin mà không truy tìm căn nguyên chủ nghĩa Stalin ở chính Marx ? Lời kết án này đối với chủ nghĩa Marx— và xa hơn Marx, đối với các triết gia Thế kỷ Ánh sáng — không mới. Và cũng chính vì cái " án " này mà cuộc luận chiến do S. Courtois mới gây ra tiếng vang lớn rộng như vậy. ***Sách đen của chủ nghĩa cộng sản*** không đề cập vấn đề này (nó không có mục đích đó), cuộc hội thảo quốc tế vừa được tổ chức trung tuần tháng 5 ở Paris về tính thời sự của chủ nghĩa Marx cũng thế (lẽ ra đây phải là một trong những chủ đề của của hội thảo). Vì thế, tưởng cũng không vô ích nếu ta nhớ lại những lời phê phán mô hình lêninit (kết hợp việc tổ chức đảng như một cơ cấu quân sự và không tưởng biến đổi xã hội một cách triệt để) của những người sống cùng thời với Lenin : Léon Blum, Karl Kautsky, và cả Rosa Luxembourg nữa..., để nhận thấy rằng " *những phân tích sâu sắc đầu tiên về cuộc cách mạng bônsêvic, và đồng thời, sự lên án triệt để nhất về những hệ quả có thể của nó, đều xuất phát từ những nhà lý luận xã hội chủ nghĩa, chứ không phải từ những nhà tư tưởng bảo thủ hay tự do chủ nghĩa, sự phân tích cũng như lời lên án đều đúng ở quan điểm macxit* " (H. Weber, *Le destin du bolchevisme*). Đặc biệt là K. Kautsky, người mà Lenin gọi là " tên phản bội " còn Trotski thì phê phán cái " giọng dạy đời ", cũng là một trong hai người được uỷ quyền thi hành di chúc của K. Marx, Kautsky đã để lại : ***Chuyên chính vô sản*** (1918), ***Chủ nghĩa khủng bố và chủ nghĩa cộng sản*** (1919), ***Từ chế độ dân chủ đến chế độ nô lệ Nhà nước*** (1921), cả ba luận văn đều được viết vào thời điểm Cách mạng tháng mười Nga, và 80 năm sau, những phân tích và dự đoán còn giữ nguyên tính thời sự và đích đáng. Kautsky viết : " *Cuộc thử nghiệm điên rồ này sẽ chỉ có thể kết liễu trong một sự đảo lộn quay cuồng ghê gớm (...) một thiên tài dù cho vĩ đại đến đâu cũng không tránh khỏi* ". Trong bài báo (đd), H. Weber đã tóm tắt rất gọn các luận điểm của Kautsky, theo đó việc những người bônsêvic muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội trong khuôn khổ một nước Nga lạc hậu mà không kinh qua giai đoạn " cách mạng tư sản " biểu lộ một chủ nghĩa duy ý chí hết sức nguy hại, và theo ý nghĩa đó, chủ nghĩa Lenin là một dạng thức suy thoái của chủ nghĩa Marx tương ứng với trình độ phát triển lạc hậu của giai cấp vô sản Nga. Ngay từ năm 1918, Kautsky đã vạch ra lưỡng đề : người bônsêvic sẽ hoàn toàn thất bại hoặc trong tư thế của một đảng cầm quyền, hoặc với tư cách của một đảng xã hội. Nói khác đi, chỉ có hai khả năng : một là họ trung thành với truyền thống macxit và họ sẽ bị loại ra khỏi chính quyền, hai là họ giữ được chính quyền trong tay với cái giá phải trả là tự phủ nhận bản sắc macxit, biến mình thành tác nhân của một dự phóng lịch sử hoàn toàn xa lạ với lý tưởng xã hội chủ nghĩa và lợi ích của phong trào công nhân. Thật vậy, cuộc tập thể hoá nền kinh tế tiến hành một cách phi dân chủ có thể đặt nền móng kinh tế cho một chế độ cường quyền kiểu châu Á cực kỳ xấu xa mà Marx đã có dịp nói tới. Cách mạng tháng mười không đẻ ra một xã hội không giai cấp như người bônsêvic hô hào mà, trái lại, nó phân hoá xã hội Liên Xô thành những giai cấp đối kháng : giới quan liêu làm chủ Nhà nước, và thông qua Nhà nước, nó là chủ nhân tập thể của các phương tiện sản xuất, và hành xử như kẻ bóc lột tập thể đối với giai cấp vô sản và nông dân, cho nên, thay vì đi tới " sự triệt tiêu Nhà nước " và thiết lập " nền dân chủ trực tiếp của các hội đồng công nhân " như Lenin hứa hẹn, một chính quyền độc tài " theo kiểu Đông phương " đã được kiến lập. Như vậy, bằng phương pháp phân tích macxit, Kautsky đã tiên đoán chính xác sự hình thành của chế độ cực quyền quan liêu sẽ chi phối mọi quan hệ xã hội ở Liên Xô sau những chu kỳ đàn áp, và cũng tiên liệu cả sự sụp đổ cuối cùng của nó, vì chế độ cực quyền, phù hợp với những xã hội trì trệ, là một chướng ngại tuyệt đối cho sự phát triển các lực lượng sản xuất cũng như cho sự ổn định của xã hội.

Người ta càng đo được sự sáng suốt của phân tích nói trên khi đối sánh nó với sự mù loà của hầu hết các chuyên gia quan sát thế giới cộng sản, cho ngay đến cả những năm cuối của thập niên 80. Dường như mỗi người chúng ta đã chấp nhận sự trường tồn, nếu không nói là vĩnh hằng, của chế độ toàn trị như một giáo điều bất di bất dịch, nên không ai thấy được là nó đang tàn rữa và tự huỷ hoại. Bất động, tê liệt... các nhược điểm của chế độ toàn trị đã trở thành thứ ung thư huỷ hoại cơ thể, mở ra những không gian tự do từ đó nảy sinh, đúng hơn : tái sinh, xã hội công dân. Không chỉ nhược điểm, mà ngay cả những ưu điểm cũng trở thành nhân tố huỷ diệt nó : công nghiệp hoá là công nhân hoá, là thành hình một giai cấp công nhân đôi khi đủ mạnh để làm đối trọng với chính quyền (như ở Ba Lan với công đoàn Solidarnosc) ; và ngay cả nền giáo dục nữa : phổ thông giáo dục dẫn tới sự " bình dân hoá ", tạo ra những thế hệ mới, có học, từ đó manh nha những đòi hỏi *glasnost*, đòi hỏi *perestroika*. Không cần học qua trường đảng cũng có thể nói một cách biện chứng : hệ thống xôviết đã đổ sụp từ bên trong bởi vì nó đã sinh ra một xã hội không chịu được nó nữa.

Vẫn theo Kautsky, chủ nghĩa Marx còn có một tính chất

hiện đại nữa : nó mang lại một cái nhìn về những sự thăng trầm của chủ nghĩa tư bản (theo quy phạm lêninit, thì đây là cái nhìn của " tên phản bội "). Đề cập tới quá trình nhà nước hoá nền kinh tế mà chế độ xôviết thừa kế từ Sa hoàng, Kautsky đưa ra nhận xét : quá trình ấy không loại bỏ chủ nghĩa tư bản, mà loại bỏ hình thái *cao* của nó, « *cái hình thái triển khai năng suất lao động cao và tạo điều kiện cho việc cải thiện đời sống nhân dân.* [Tập thể hoá theo kiểu bônsêvic] *thì ngược lại, không những duy trì mà còn phát triển thêm những hình thái nặng nề và đau khổ nhất* [của chủ nghĩa tư bản] ». Ngày này, đó là điều *hai năm rõ mười*, nhưng chẳng hiển nhiên chút nào ở thời điểm mà Kautsky và người thứ nhì được uỷ quyền thi hành di chúc của Marx, là Edouard Bernstein, tìm cách xây dựng lý luận cho cái mà ta phải gọi là chủ nghĩa xã hội dân chủ, nghĩa là : chủ nghĩa tư bản không thấy có dấu hiệu sụp đổ, giấy chết như sấm truyền, thì phải tìm một con đường quá độ hoà bình, từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội, dựa trên quá trình tự học dân chủ và tự do của giai cấp công nhân. Chính Marx, ngay từ năm 1872, cũng biểu lộ hy vọng là cách mạng có thể tiến hành dưới hình thái hoà bình ở Mỹ, Anh, Hà Lan... Mấy ý kiến trên không có mục đích phục hồi ai cả (việc này đã có bức tường Berlin làm rồi khi nó sụp đổ), chỉ cốt để nhắc lại một điều đơn giản : nói như thành ngữ Pháp, " *thây ma đã nằm trong tủ* " của Lenin rồi, và người bônsêvic tuyệt đối không có quyền một mình chiếm đoạt di sản macxit. Chỉ một điều đó cũng đủ bác bỏ (dứt điểm hay không ?) luận điểm đánh đồng, lộn sòng của S. Courtois. Và cũng vì vậy mà có bài này.

Nguyễn Quang

(*K.V. khổ dịch từ Pháp văn*)

(1) ***Le Livre Noir du Communisme : crimes, terreur, répression***, Nhà xuất bản Robert Laffont, Paris, 1997, 846 trang.

(2) Một số dân biểu phát hữu, tại quốc hội Pháp, đã giương cao cuốn Sách đen để chất vấn thủ tướng Jospin về sự liên minh với Đảng cộng sản Pháp.

(3) S. Courtois định đặt tên như vậy cho cuốn sách, cuối cùng phải sửa vì gặp sự phản đối của một số đồng tác giả, họ không muốn đặt " tội ác " thành chủ đề trung tâm của tác phẩm.

(4) Cho đến ngày hôm nay, vẫn chưa ai giải mã (đọc) được chữ viết của người Maya, bởi vì bao nhiêu văn bản maya (ngoại trừ những tấm ván *codex*) đều đã bị hoả thiêu.

(5) *L'Internationale sera le genre humain* : câu kết của bài *Quốc tế ca*, lời của Eugène Pottier, do Pierre Degeyter phổ nhạc. Trong bản tiếng Việt phổ biến, câu này được hát là : *Lanh-tec-na-xi-ô-na-lơ sẽ là xã hội tương lai.*

(6) Cuộc đời của Thomas More đã được tiểu thuyết hoá trong cuốn phim *Một người cho cõi vĩnh hằng* của Fred Zinnemann.

(7) Trong một số sau, chúng tôi sẽ đề cập đến phần nói về chủ nghĩa cộng sản châu Á của cuốn sách, đặc biệt là chương nói về Việt Nam của J.-L. Margolin.

(8) Đây không phải là một chân lý tuyệt đối : xem Gandhi, hay cuộc *Cách mạng nhung* Tiệp Khắc.

NHỮNG NHÂN VẬT KHÔNG CÒN NỮA

Đào Duy Tùng (1925-1998)

Một nhân vật như ông Đào Duy Tùng, nếu không ghi lại đôi điều, thì chắc sẽ nhanh chóng rơi vào quên lãng. Sinh năm 1925 tại Hà Bắc, gia nhập Đảng cộng sản năm 1946 (lần xuất hiện cuối cùng của ông trên màn ảnh tivi Việt Nam là hồi đầu năm 97, khi người ta trao cho ông huy hiệu 50 tuổi đảng). Bí thư tỉnh uỷ Phúc Yên, Cao Bằng. Từ năm 76 (uỷ viên dự khuyết trung ương) liên tục phụ trách tuyên huấn, tư tưởng (bắt đầu từ chức phó ban tuyên huấn, rồi phụ trách khối tư tưởng ở Bộ chính trị). Cuối nhiệm kỳ 91-96, với tư cách bí thư thường trực (sau ông Đỗ Mười) và nhân vật số 4 của BCT, ông liên minh với Nguyễn Hà Phan, công kích Võ Văn Kiệt, chuẩn bị người làm tổng bí thư, người làm thủ tướng. Không may, ông Phan bị quá khứ đuổi kịp. Ông Tùng bị chấn thương não (và ung thư máu ?) buổi chiều hôm trước Đại hội 8, và coi như biến mất khỏi chính trường Việt Nam.

Đáng quan tâm hơn cá nhân ông Đào Duy Tùng là đội ngũ cán bộ tư tưởng (kể cả mấy vạn cán bộ giảng dạy cái gọi là chủ nghĩa Mác-Lê), đang sống (thậm chí có người làm giàu) bằng nghề canh gác tư tưởng. Lực lượng này là hạt nhân của sức ỳ ghê gớm đang trói chặt ĐCSVN.

Lucien E. CONEIN (1919-1998)

Tên tuổi trung tá CIA Lucien Conein (đọc là *côniin*) gắn liền với cuộc đảo chính ngày tháng 11.1963 lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm. Conein là người trực tiếp chỉ đạo các tướng lãnh quân đội Sài Gòn đảo chính và bật đèn xanh cho họ giết hai anh em Diệm, Nhu.

Sinh đẻ tại Pháp, Conein hoạt động cho cơ quan tình báo OSS : năm 1944, nhảy dù xuống miền nam nước Pháp để cung cấp vũ khí cho kháng chiến chống Đức. Gan dạ, trí lự và ngang tàng, L. Conein sớm trở thành một huyền thoại sống. Năm 1945, nhảy dù xuống vùng Vịnh Hạ Long để tổ chức chống Nhật, nhưng thất bại. Chiến tranh lạnh : tổ chức màng lưới phá hoại các nước cộng sản. 1954, dưới trướng E. Landsdale, trở lại Việt Nam, xây dựng chế độ Diệm. Trước đó, dàn cảnh những đám tang giả để chôn vũ khí trong những nghĩa trang Hà Nội, chuẩn bị những cuộc nổi dậy chống chính phủ Hồ Chí Minh (!!!).

Năm 68, ra khỏi CIA, đi buôn vũ khí (tại Sài Gòn). 71, được một nhóm *công tác đặc biệt* của Nhà Trắng rủ tham gia vụ ăn trộm Watergate, Conein từ chối (về sau, khoe *giá mà tôi nhận lời thì đâu đến nỗi*). Từ 72 đến lúc về hưu (84), làm việc cho DEA (Cơ quan chống ma tuý). Chết ngày 3.6.98 vì bệnh tim.

Chủ nghĩa ĐADA

Số trước, đưa lại tiểu sử cố tổng bí thư Nguyễn Văn Linh, tôi quên ghi lại một câu nói bất hủ của ông. Từ mùa hè năm 89, hoảng hốt trước các sự kiện Đông Âu và Trung Quốc, ông hăng hái hăm phanh đổi mới ở Việt Nam và kiên quyết chống lại dân chủ hoá, chống lại đa nguyên. Trong nhiều cuộc họp, ông đã diễn ca đường lối ấy bằng một câu :

Đa thê thì được, đa nguyên thì đừng

Sợ rằng cương lĩnh bất hủ ấy rơi vào quên lãng, xin ghi lại ở đây.

P.Q.

Yêu nhau đi !

hay chữ " từ " trong đạo Phật

bùi mộng hùng

Đã nói đến đạo Phật thì làm sao mà khỏi nói đến chữ **từ**, đến lòng thương yêu người. Từ ái là tình cảm, mà thói thường thì xem tình cảm là mù quáng. Tại sao nhà Phật lại đem cảm tính mù quáng làm một trục trung tâm cho cả hệ lý thuyết và thực hành của mình ?

Để làm sáng tỏ vài khái niệm về chữ từ của đạo Phật, và nhân đó tìm giải đáp cho câu hỏi trên, có lẽ không gì hơn là chúng ta cùng nhau phân tích ý nghĩa hai bài kinh : *Lòng từ* và *Phổ môn*. Cả hai đều được trì tụng rộng rãi, nhưng khác nhau, về thời điểm phát sinh, về khu vực được phổ biến.

Kinh *Lòng từ* (metta sutta) thuộc bộ **Sutta-nipata** có từ thời rất xa xưa, được tụng niệm thường ngày trong khu vực Phật giáo nguyên thuỷ (Sri-Lanka, Myanma, Thái Lan, Campuchia...) . Còn *Phổ môn*, thật ra là một chương – phẩm thứ 25 – của kinh **Diệu Pháp Liên Hoa** (Saddharma pundarika sûtra), thành hình khá muộn về sau so với kinh *Lòng từ* và được phổ biến ở khu vực Phật giáo đại thừa trong đó có Việt Nam ta.

I. Lòng từ trong Phật giáo nguyên thuỷ

I.1. Một đoạn kinh *Lòng từ*

Truyền thống Phật giáo Việt Nam ít biết đến kinh này. Nhưng có một bản tiếng Việt do hoà thượng Thích Thiện Châu đã có ý dịch ra vần điệu, tụng niệm rất thuận tiện. Tuy nhiên, để làm cơ sở bàn luận tôi xin dịch một đoạn[1] gần được với lời mộc mạc của bài kinh chừng nào hay chừng nấy:

"... Cầu cho tất cả mọi sinh vật hiện có, biết di động hay không chuyển động được, không loại trừ một giống nào, dù cho dài hay lớn, vừa hay ngắn, mảnh dẻ hay thô kệch,

Mắt trông thấy được hay không thấy được, dù là ở gần hay ở xa, đã sinh ra rồi hay đang tìm lối tái sinh, cầu cho tất cả chúng sinh được an vui.

Như người mẹ che chở cho đứa con một, không ngại hy sinh đời sống của mình, nên luyện lòng từ không giới hạn đối với mọi sinh vật.

Nên hướng tâm từ không giới hạn ra khắp thế gian, hướng lên trên và hướng xuống dưới cũng như hướng ngang khắp bốn phương trời, không vướng ngại, không hận thù, không ghét bỏ.

Khi đứng khi đi, khi ngồi khi nằm, bất cứ lúc nào tâm trí được tỉnh táo, nên chú tâm vào bốn tâm không giới hạn (thuật ngữ tứ vô lượng tâm : từ, bi, hỉ, xả ; từ là lòng yêu thương, bi là lòng thương xót nỗi khổ của người khác, hỉ là lòng tự vui và vui vẻ với mọi sinh vật, xả là lòng thanh thản không vướng bận vì lời khen hay chê, cách đối xử trọng hay khinh của người khác đối với mình) "

I.2. Lý tưởng lòng từ

Lời kinh mộc mạc nhưng nói được một cách thật giản đơn nội dung sâu đậm, rộng khắp và thuần khiết của lý tưởng lòng từ trong đạo Phật :

Sâu đậm, như lòng mẹ thương con.

Rộng khắp, trải ra mọi sinh vật, không giới hạn về giống loài, không hạn chế trong không gian cũng như trong thời gian.

Thuần khiết, không vẩn bợn hận thù, giận ghét ; ngắn gọn thế thôi, cái lời nhẹ nhàng nhắc nhở, thừa biết rằng thương mà giận, giận mà thương, yêu thương đấy, oán hận cũng đấy là tâm lý thường tình con người.

I.3. Và thực hành

Trọng tâm chính là thể hiện lòng từ trong thực tại.

Vì thế mà liền sau khi định nghĩa từ là gì, ta gặp ngay câu kinh hướng dẫn thực hành. Nên hiểu, trải lòng từ ra khắp thế gian bốn phương tám hướng lên trên trời và xuống dưới đất không chỉ là một cách nói, một hình ảnh thi vị, mà chính là cách thực hành thiền định theo phương pháp " quán từ bi ". Cũng vì thế mà câu tiếp theo dặn dò lúc nào tinh thần tỉnh táo thì chú tâm vào từ ái.

Chúng ta không khỏi ngạc nhiên tự hỏi ngồi một chỗ mà " từ bi " là nghĩa lý làm sao ?

Thương yêu là phải cụ thể, đến hy sinh cũng không ngại như lời kinh có nói. Và Phật giáo dạy thể hiện lòng từ bằng giúp đỡ của cải vật chất (tài thí) ; bằng cách làm cho người trong thế yếu, người không có thế lực hết sợ hãi (vô uý thí) ; làm cho người khác được vui, cùng chia sẻ niềm vui với họ (tuỳ hỉ thí), v.v...

Điểm chúng ta không rõ là " quán từ " ; quán (tiếng phạn vipassana) là thuật ngữ dùng để chỉ phương pháp thiền định quan sát, xem xét. Đã quen theo tư tưởng và văn hoá phương Tây, chúng ta không còn thực hành và vì thế dường như quên mất, chỉ còn hiểu loáng thoáng về các phương pháp làm cho tâm yên tĩnh, một loại kỹ thuật tu luyện phổ biến trong văn hoá Á đông, trong Ấn độ giáo, Lão giáo hay Phật giáo. Nguyên tắc của phương pháp quán lòng từ : lòng lắng yên, ý chí tập trung vào lòng từ cho nó tràn ngập thân và ý, toả ra khắp không gian...

Dĩ nhiên, " quán " không thể thay thế hành động từ ái trong đời sống hàng ngày, vậy nó chỉ có ý nghĩa phụ trợ. Cái nó đem thêm là khả năng tập trung toàn diện – thể xác, tình cảm, ý chí, trí tuệ – vào lòng từ cũng như vào hành động từ ái. Cùng khả năng lùi xa để có khoảng cách mà nhận ra lòng từ trong ta khi nào trong suốt, khi nào vẩn những hờn, giận, oán, ghét, lòng từ thật hay là những bộ mặt trá hình của cái ta yêu ta ; ta yêu em, mà bao nhiêu là " yêu em ", bao nhiêu " ta yêu ta " nhỉ ?

Tuy nhiên, " quán từ " và " hành từ ", thiền định và hành động, cán cân có thể nghiêng bên này hay bên kia. Chuyện ấy có đặt ra trong thực tế chăng ? Vấn đề sẽ được bàn tới trong một đoạn sau.

Điều đáng nói là trong Phật giáo, các phương pháp thực

hành chẳng những thừa hưởng được kinh nghiệm của nhiều thế hệ thuộc nhiều nền văn hoá khác nhau, mà đều có cơ sở lý thuyết.

I. 4. Lòng từ và trí tuệ

" Cái tôi ", thuật ngữ gọi là " ngã " là vấn đề trọng tâm hàng đầu trong suy luận của Phật giáo.

Đạo Phật nhận định rằng xem bản chất " cái tôi " tồn tại vĩnh viễn, tuyệt đối và độc lập với người khác, với sự vật quanh mình là một quan điểm sai lầm. Từ cách nhìn lệch lạc đó mà nảy sinh ra xu hướng xem mình là trung tâm, là cái rốn của vũ trụ. Nó đưa đến thái độ cho rằng mình có quyền trên mọi sự vật ở thế gian này, đem lòng gắn bó với những niềm tin sai lạc ấy. Và rồi thế nào cũng có khi này hay khi khác sự việc chẳng tuân theo hệt như cách nhìn và ý muốn của mình, sinh ra bực dọc, bất mãn, làm khổ mình và làm khổ người khác.

Lòng từ là bước đầu đưa tôi vượt ra khỏi vỏ cứng của " cái tôi " để đến với anh ; để mà nhận ra rằng anh là tấm kính phản chiếu hình ảnh tôi, tôi là cái nhìn trong con mắt anh, có anh tôi mới rõ tôi.

Lạ lùng thay mối tương quan giữa bên yêu và bên được yêu. Cho mà là nhận, vừa yêu là đã được tặng lại từ phía bên được yêu.

Anh và tôi phát hiện ra " cái chúng ta ", chúng ta cùng nhau chia sẻ hàng vạn cái chung. Như tiếng Việt chẳng hạn. Sinh ra là chúng ta đã nằm trong nôi tiếng Việt. Riêng một chuyện đơn giản ngoài ý muốn của chúng ta ấy đã nhào nặn chúng ta theo cái nền văn hoá của bao thế hệ đi trước để lại, và rồi chúng ta sẽ truyền lại cho thế hệ sau...

Thế ra, " cái tôi " liên đới với và tuỳ thuộc vào hằng hà sa số chuyện lớn và chuyện nhỏ : người thân của tôi, xã hội tôi sống trong đó, các thế hệ đi trước và đi sau, thế giới quanh tôi, v.v... Nó tuỳ thuộc vào các điều kiện sinh sống của tôi, nó là hệ quả của các điều kiện đã qua, nó đang – có ý thức hay không ý thức – vật lộn và thích nghi với điều kiện hiện tại, và cứ thế mà sẽ còn nữa, còn nữa..., vì thế nó sẽ đổi thay.

Cái nhìn thấy ra " cái tôi " tuỳ thuộc vào điều kiện và chuyển biến không ngừng, thuật ngữ gọi là " vô ngã ".

Phật giáo cho cái nhìn ấy là sát với thực tại, là cái nhìn " trí tuệ ".

Chúng ta đã quen với lối suy luận tây phương, phân chia rõ rệt tình cảm một bên, lý trí một bên, không chung chạ với nhau. Quan niệm Phật giáo hơi khác : có cái nhìn khách quan lạnh lùng phân tích của lý trí nhưng cũng có cái nhìn của lòng từ, của con tim thấy ra những khía cạnh mà lý trí mù tịt bỏ qua. Cái nhìn của lý trí và cái nhìn của con tim quyện vào nhau là cái nhìn của " trí tuệ ".

Chính vì thế mà trong thực hành nhà Phật đem lòng từ làm khởi điểm mở đường đến trí tuệ, trí tuệ nảy nở soi sáng trở lại cho lòng từ.

Có như vậy mới hy vọng tránh được cái vực nguy cơ mà tục ngữ tây phương hằng nhắc nhở : " *thiện ý lót đường đưa thẳng tới địa ngục* " (l'enfer est pavé de bonnes intentions).

II. Quan thế âm bồ tát

Đến đây, xin bạn cùng tôi, chúng ta vượt thời gian và không gian rời thế giới của kinh *Lòng từ*, đi qua thế giới *Quan thế âm bồ tát phổ môn phẩm* của kinh **Diệu pháp liên hoa** (2).

Cái tựa chữ Hán *Quan thế âm bồ tát phổ môn phẩm* dài sọc ấy, có thể dịch là chương nói về sự toàn diện của bồ tát Quan thế âm.

II. 1. Lý tưởng bồ tát

Cái khác đầu tiên là từ **bồ tát**. Chẳng phải Phật giáo nguyên thuỷ không có từ này, nó dùng để chỉ đức Phật Thích ca khi ngài chưa hoàn toàn giác ngộ. Ở đây, từ được dùng trong một quan niệm nới rộng : bồ tát do phiên âm tiếng phạn bodhisattva mà ra, bodhi là giác ngộ, sattva là sinh vật ; bồ tát là người giác ngộ, cầu đạo giác ngộ tột bực không gì hơn, tức là thành Phật. Nhưng có lời nguyện hễ mà còn sinh vật lặn hụp trong bể khổ thì ở còn ở lại giúp đỡ cho thoát khỏi cảnh khổ, còn chưa vào niết bàn nơi cực lạc an lành.

Xét cho cùng, quan niệm này chỉ là hệ luận hiển nhiên khi thấy ra rằng bạn với tôi, chúng ta liên đới với nhau, là sinh vật thì liên đới với mọi sinh vật khác ; vậy còn sinh vật khổ đau thì làm sao mà có chuyện cực lạc cho riêng mình được !

Nó cũng là hệ luận của quan niệm nhà Phật cho rằng niết bàn (nirvana) không ở ngoài cõi luân hồi (samsara).

Phải nói rằng lý tưởng bồ tát là một phản ứng chống lại lý tưởng la hán. Khoảng 300 năm sau khi đức Phật Thích ca qua đời, có một xu hướng tu hành nghiêng về thái độ " xuất thế gian ", sống đời trong sạch thanh cao, không vướng bận bụi bặm trần thế, thanh tịnh giải thoát chứng quả a la hán (arhat, arahant, ta gọi tắt là la hán) thoát cảnh sinh tử luân hồi (3).

Ngược lại, lý tưởng bồ tát là xu hướng " nhập thế gian " cho rằng trong sạch thanh tịnh như lý tưởng la hán là xa rời với thực tại đầy rẫy nhơ bẩn khổ đau. Không thể có thái độ kẻ cả ngồi nơi thanh cao mà với tay từ bi cứu độ được những người lặn hụp trong đời sống thực tại ; không thể yên tĩnh mà ngồi " quán từ bi " là đủ, phải dấn thân vào cuộc sống thực tại.

Đạo Phật thường tự ví với hoa sen. Sen, hoa trong sạch ngát thơm nhưng luôn luôn phải bắt rễ vào bùn ; có sen mà không có bùn thì sen sẽ không còn. Hay chỉ là hoa sen chất dẻo plastic !

II. 2. Quan thế âm...

Quan thế âm (Avalokitesvara), ta hay gọi tắt là Quan âm, nghĩa là xem xét, quan sát tiếng kêu của thế gian. Tên gọi để nói rằng vị bồ tát này có lòng từ bi rộng lớn, thông cảm với nỗi khổ của chúng sinh. Lời kinh : " *... vô số trăm ngàn vạn ức chúng sinh bị mọi sự đau khổ, nghe nói đến bồ tát Quan thế âm mà một lòng trì niệm danh hiệu của ngài, thì bồ tát tức khắc nghe thấy âm thanh ấy và họ được thoát cả* ".

Kinh nhấn mạnh về phương tiện cứu giúp : " *Bồ tát Quan thế âm... dùng mọi thân hình vào mọi thế giới mà hoá độ chúng sinh* ".

Hoá độ nghĩa là đưa từ nơi đau khổ qua chốn an lành nhờ những chuyển thay trong bản thân của người được giúp đỡ.

" *Dùng mọi thân hình* " được một đoạn kinh nói vào chi tiết : " *... người nào nên hoá độ bằng thân hình quốc chúa thì*

bồ tát biến thể thân hình ấy mà thuyết pháp, người nào nên hoá độ bằng thân hình trưởng giả thì bồ tát biến thể thân hình ấy mà thuyết pháp, người nào nên hoá độ bằng thân hình cư sĩ thì bồ tát biến thể thân hình ấy mà thuyết pháp, người nào nên hoá độ bằng thân hình tể quan thì bồ tát biến thể thân hình ấy mà thuyết pháp, người nào nên hoá độ bằng thân hình bà la môn thì bồ tát biến thể thân hình ấy mà thuyết pháp... Những người nên hoá độ bằng thân hình phụ nữ của trưởng giả, cư sĩ, tể quan và bà la môn thì bồ tát biến thể những thân hình phụ nữ ấy mà thuyết pháp... ".

II. 3. Lòng từ của bồ tát

Lòng từ trải đến tất cả mọi người, thuộc mọi giới tính, mọi tầng lớp xã hội, từ vua, quan đến thường dân. Chuyện này không mới lạ, quan niệm nhà Phật cho rằng bất cứ ai ai, đã là sinh vật thì phải gặp những sự việc không như ý nguyện, và gọi đó là khổ.

Cái mới là quan niệm rằng phải làm thân phụ nữ để đến với người phụ nữ. Nó hàm nhiều ý nghĩa. Trước hết là thái độ, không thương hại mà đồng cảm với người trong vòng khổ đau ; bản thân mình khổ nỗi khổ, đau cái đau của người.

Nhưng không chỉ có thế, còn thêm khái niệm vào ở " thế giới " nghĩa là sống trong điều kiện, môi trường cụ thể của người cần được cứu trợ.

Điểm mới và quan trọng đây ! Có thể nào nói chuyện khổ đau, giải thoát khỏi đau khổ mà không tính đến những điều kiện sinh ra các mối đau khổ ấy, không tính đến các điều kiện tâm lý, gia đình, xã hội, vân vân và vân vân... không nhỉ ? Điều ấy cũng hàm ý cứu trợ hữu hiệu phải tác động từ bên trong, do bản thân những người trực tiếp gánh chịu, mới có cơ giải thoát khỏi các điều kiện tác hại vào cả một tầng lớp con người. Phải có hành động của chính phụ nữ mới mong giải phóng được phụ nữ thoát khỏi những nguồn khổ đau của riêng họ.

Vì vậy mà theo tôi sự kiện lời kinh nói đến các tầng lớp xã hội, vua, quan, trưởng giả – trưởng giả ở đây không đồng nghĩa với nghĩa trưởng giả học làm sang của Molière, từ dùng để chỉ người chủ một gia đình, một người dân, thường là nông dân trong xã hội cổ Ấn Độ – sự kiện này chẳng phải là không có ý nghĩa của nó.

Dù thế nào đi nữa, khái niệm Quan thế âm bồ tát đặt ngón tay vào một kích thước trước đó chưa được lưu ý đúng mức.

Vẫn biết rằng thương yêu là cụ thể ; đã là từ ái thì ít nhất phải có hai người, lòng từ trải giữa anh và tôi, giữa những con người cụ thể, giữa bên yêu và bên được yêu, và như đã có nói ở trên cả hai đều bên nhận được một cái gì. Điều đó rất rõ trong Phật giáo từ thời nguyên thuỷ.

Tuy nhiên, nói đến con người là gặp chuyện đa kích thước. Đã gọi là yêu thì không thể yêu ở mức độ chung chung, không thể không thấy rằng con người được nhào nặn trong môi trường sinh sống, môi trường xã hội, môi trường thiên nhiên... Nói chuyện giải thoát khổ đau có thể nào mà không nhìn thấy và không tìm cách tác động vào những hệ thống sản sinh ra khổ đau. Nói thương yêu, cứu giúp quỷ đói (ngạ quỷ) – hiện nay trên thế giới hàng trăm vạn con người vận mệnh chẳng hơn gì loài quỷ đói – mà không tìm phương thức loại trừ những điều kiện làm cho cả loạt sinh vật phải dài dài điêu đứng vì nạn đói thì đó là thương thật hay là thứ lòng thương chập chờn chẳng hơn gì phất phơ qua cửa miệng được là bao ?

Suy như thế thì hẳn phải là những người lão luyện kinh nghiệm trong hành động cụ thể mới hình dung ra được bồ tát Quan thế âm.

Mới nhìn vào, lòng từ bi trừu tượng mông lung, bao trùm khắp mọi nơi, đến tới mọi người trong khái niệm Quan thế âm bồ tát có cái gì như siêu hình. Đọc kỹ kinh thì lại thấy ra một khía cạnh khác. Khi bạn gặp khổ đau, chỉ niệm tới tên là đủ để bồ tát Quan thế âm đến với bạn ; không loại trừ khả năng là dưới lốt những khuôn mặt quen thuộc, biết đâu chẳng là em Năm, hay chị Bảy, thím Sáu, bác Hai... Câu chuyện có thể xảy ra bất cứ ở nơi đâu, cho bất cứ ai và mãi mãi cứ như thế.

Nghĩ cho cùng, nói vậy thì chỉ là một cách nói khác đi cái quan niệm rằng bồ tát tính – tức là khả năng giác ngộ và lòng từ ái với mọi sinh vật – tiềm tàng nơi mỗi người chúng ta, ai ai cũng là một mầm bồ tát, ở mọi nơi trong thế gian này, và sẽ mãi mãi như thế khi nào còn sinh vật chịu khổ đau.

Thay lời kết : trí tuệ, hành động và lòng từ

Nhìn lại, bàn về lòng từ mà dường như nói đến hành động nhiều chẳng kém gì đề tài chính. Xin bạn chớ ngạc nhiên !

Đã nói đến Phật giáo làm sao tránh được chữ nghiệp (karma) mà nghiệp là thuật ngữ dùng để chỉ hành động có ý thức và hệ quả của nó. Phật giáo cho rằng cái nghiệp chuyển vận hướng đi của cuộc sống, tạo nên con người.

Mà hành động là cửa mở cho nguy cơ, nguy cho mình nguy cho người khác. Chất men chuyển hoá được tiềm năng nguy cơ ra khả năng lợi ích cho bạn, cho tôi, cho chúng ta là lòng từ.

Trí tuệ và hành động, Phật giáo đặt trong một vòng quan hệ biện chứng : trí tuệ soi sáng hành động và ngược lại hành động phát triển trí tuệ. Một cách đẩy cửa vào trí tuệ là lòng từ, và đem từ ái ấy làm động cơ cho hành động thì quan hệ từ bi, trí tuệ, hành động nương nhau mà vạch nên một quỹ đạo xoắn ốc đức hạnh hướng tới giác ngộ – giác ngộ có nghĩa là sự thật ra sao thì thấy y như vậy và cư xử hoàn toàn thích ứng với thực tại. Đó là con đường nhà Phật đề nghị cho mỗi người trong chúng ta nương theo, dệt nên cuộc đời của mình.

Vì thế mà nếu phải lấy một câu tóm gọn những dặn dò cốt tuỷ của nhà Phật, thì bạn ạ, phần tôi xin được nhắn rằng :

Yêu nhau đi ! Yêu nhau làm khởi điểm và động cơ cho hành động.

bùi mộng hùng (6. 1998)

(Bài nói trong cuộc thảo luận bàn tròn ngày 14.6.98 tại Trúc Lâm thiền viện (Paris) có sửa chữa và viết lại.)

1) Theo bản tiếng Pháp của A. Barreau, **La voix du Bouddha**, nxb, Philippe Lebaud, Paris, 1996, tr. 133-134.

(2) Kinh **Diệu pháp liên hoa** thường được gọi tắt là **Pháp hoa** có hai bản tiếng Việt, một bản do hoà thượng Thích Thanh Từ dịch đã được in nhiều lần, một bản dịch mới của hoà thượng Trí Quang, nxb Mai Lan Lệ Ấn, München, CHLB Đức,1996.

(3) Har Dayal, **The Boddhisattva doctrine in Boddhist sanskrit literature**, (Luận thuyết Bồ tát trong văn học Phật giáo tiếng sanskrit), Buddhist Research Society, Singapore, 1991.

sổ tay

Chuyện tình đứt đoạn trước lúc rạng đông

Chuyện tình kể trước lúc rạng đông là cuốn tiểu thuyết của Dương Thu Hương (Nhà xuất bản Hà Nội, 1988), đã được Kim Lefèvre dịch ra Pháp văn *Histoire d'amour racontée avant l'aube*, Ed. de l'Aube, 1991). Cách đây hai năm, một êkíp người Pháp (sau khi tham gia thực hiện cuốn phim Xích lô của Trần Anh Hùng, do Lazennec sản xuất) đã thành lập một công ty Lazennec Vietnam để sản xuất một cuốn phim từ tiểu thuyết của Dương Thu Hương. Sau một năm do dự, cò cưa, đòi công ti sản xuất không để tên Dương Thu Hương (!!!) — tất nhiên, họ đã từ chối đòi hỏi kỳ quặc và khôi hài này — cuối cùng, nhà cầm quyền Việt Nam đã cho phép Lazennec tiến hành làm phim (nói nhà cầm quyền, vì giấy phép do bộ trưởng bộ văn hoá ký, sau khi chính Thường vụ Bộ chính trị đã quyết định).

Thế là cách đây 5 tháng, đội quay phim, do Vinh Sơn đạo diễn, đã bắt đầu nổ máy — Vinh Sơn là một đạo diễn trẻ, đã thực hiện *Tuổi thơ dữ dội* (từ cuốn tiểu thuyết tự truyện của Phùng Quán), và cách đây 7 năm, đã làm trợ tá cho J.-J. Annaud làm phim *Người tình*.

Ấy vậy mà sau 4 tháng, Bộ chính trị ĐCS lại quyết định rút giấy phép. Tất nhiên không công bố lý do. Nhưng theo giới thạo tin trong ngành điện ảnh, thì BCT đã quay đầu 180 độ sau khi có thư xin xét lại vấn đề của ông Trương Tấn Sang, bí thư Thành uỷ Hồ Chí Minh, đồng thời là uỷ viên Bộ chính trị. Ông Sang, được một tập thể Chí Phèo văn nghệ (trong vụ này, tích cực nhất là Lê Văn Duy) xúi giục. Lý do đưa ra thì rất khẳng khái : phim này làm xong, nhà sản xuất mời tác giả truyện phim đi một vòng nước ngoài, rồi Dương Thu Hương lại họp báo lung tung, thì " ta " tính sao ? mà cái cô Dương Thu Hương này, cách đây 8 năm, đã vào thành phố này làm loạn rồi... Động cơ bên trong thì *đời thường* hơn nhiều : người ta muốn giành chức giám đốc Xưởng phim Giải phóng (là người đối tác của Lazennec Vietnam). Nhưng đấy là chuyện khác.

Văn học Việt Nam còn chờ một Ngô Tất Tố viết thêm *Việc làng 2*, một thứ *Chuyện như đùa* mà hiện thực : chỉ cần một ông trưởng thôn Đông thôn Đoài phản đối, là cụ lý lại thay đổi quyết định. " Ta " là chủ mà, " ta " đã quyết định cho, nay " ta " bỗng sợ, thì " ta " quyết định không cho, chứ " ta " sợ gì ai, nhẩy ?

Trong khi chờ đợi, theo đúng hợp đồng đã ký kết, Nhà nước Việt Nam sẽ phải bồi thường cho công ty Lazennec Viet-nam 900 000 USD.

Tính theo hối suất 13 000 đồng / đôla, thì số tiền này xấp xỉ 12 tỉ đồng, tức là số tiền mà nhà nước trợ cấp cho ngành điện ảnh cho cả năm 1997. Năm nay, nhà nước tiết kiệm, nên chỉ trợ cấp 9 tỉ đồng.

Ai bảo nhà nước không nhìn xa thấy rộng ? Ngay từ đầu năm, đã tiết kiệm quỹ điện ảnh để chuẩn bị bồi thường cho Lazennec cơ mà !

Sợ

Xem ra người ta vẫn rất sợ Dương Thu Hương. Có lẽ chỉ cái sợ mới giải thích được cái bài báo vô văn hoá (đăng trong số này) của tờ báo gọi là Văn Hoá của Bộ văn hoá.

Cũng cái sợ mới giải thích nổi thái độ của lãnh đạo ĐCS đối với tướng Trần Độ. Khi số báo này lên khuôn gần xong, thì chúng tôi mới nhận được 12 trang *Thư ngỏ gửi các báo Nhân Dân, Quân đội Nhân dân, Sàigòn Giải phóng, Tạp chí Cộng sản và các báo khác* do ông Trần Độ " viết lần một 22.5.98 rồi bị mất cắp, viết lại lần hai ngày 20.6.98 ". Mở đầu bức thư, ông cho biết « một đồng chí trong Bộ chính trị nói với tôi là các báo thực hiện chức năng của mình là " *bảo vệ đường lối của Đảng* " chứ không có ai chỉ huy và chỉ đạo cả ». Nói như vậy tôi e không đúng lập trường về sự lãnh đạo cần thiết và sáng suốt của Đảng, và khó thuyết phục được là đã có tới 30 bài báo phản bác những ý kiến của ông Trần Độ mà không có tờ báo nào kể tên và trích đăng cả. Hay là ông uỷ viên cũng thấy hơi ngượng khi phải nhận rằng mình, hay đồng sự của mình đã chỉ đạo những thứ sản phẩm như lá thư ngỏ của " Việt kiều Ca-li-pho-oc-nia Hoài Việt " (xem DĐ số 73). Có điều, như ông Độ cho biết :

– bạn ông, Hoàng Hữu Nhân (nguyên bí thư thành uỷ Hải Phòng, nguyên uỷ viên trung ương), đã nhận được bức thư Hoài Việt từ *Văn phòng Trung ương Đảng* từ ngày 4.3, nghĩa là một tuần trước khi báo Nhân Dân nổ phát súng đầu.

– tạp chí *Thông tin Công tác Tư tưởng* (số tháng 4) của Ban Văn hoá Tư tưởng đã đăng toàn văn lá thư ấy.

Trong khuôn khổ chật hẹp của sổ tay này, chỉ xin trích một đoạn thư của ông Trần Độ :

« *Tôi, một người làm công tác chính trị trong quân đội suốt 30 năm, từ chính trị viên khu Hà Nội đến phó chính uỷ Quân giải phóng miền Nam và có lúc là phó chủ nhiệm Tổng cục chính trị. Tôi đã có 10 năm ở chiến trường chống Mỹ. Tôi đã phải thực hiện và chỉ đạo công tác cổ động ở chiến trường. Tôi đã phải biết đến và đối phó với chiến tranh tâm lý của Mỹ Ngụy. Bản thân tôi đã bị Mỹ Ngụy tạo ra " cái chết " cho chiến tranh tâm lý của chúng, năm 1968. Tôi có đủ điều kiện để thấy được các thứ âm mưu chiến tranh tâm lý của địch, ít ra cũng hơn một số khá nhiều người. Và, hiện nay tôi lại đang thấy rõ có một cuộc chiến tranh tâm lý hòng giết chết sinh mạng chính trị của tôi. Nhưng Mỹ Ngụy thì bịa ra cái chết của tôi để làm chiến tranh tâm lý. Còn ngày nay cái việc làm " giống như chiến tranh tâm lý " thì định giết tôi thật !*

« *Trong thực tế, mưu đồ và thực hiện mưu đồ giết một người thì dễ. Nhưng, người đó có chết thật hay không lại là chuyện khác !* ».

Không dễ. Đọc xong tác phẩm Hoài Việt, một cô nữ thanh niên đã điện thoại cho Trần Độ, để nói : " *Cháu thấy tội nghiệp cho họ quá !* "

(xem tiếp trang 27)

Saint-Florent-le-Vieil 98

Saint-Florent-le-Vieil 98 không phải là niên hiệu rượu đỏ, mặc dầu chúng ta ở Anjou, một trong những vùng rượu ngon của thung lũng sông Loire. Saint-Florent nằm sát bờ nam con sông lớn nhất của nước Pháp, khoảng chính giữa Angers và Nantes. Đây là năm thứ 6 Liên hoan (ca múa nhạc) Á châu & Tây phương được tổ chức tại đây. Chỉ khác mọi năm, là năm nay, chương trình tập trung vào thượng tuần tháng 6, thay vì hạ tuần : *tránh Mondial chẳng xấu mặt nào !*

Như vậy ban tổ chức có cẩn thận quá không ? Chỉ biết tối thứ hai 15.6, khi trận Đức-Mỹ bắt đầu, thì nhà hát lớn Angers cũng đông nghẹt khán giả để được xem và nghe một cuộc thư hùng hiếm có : giữa múa Flamenco (của người Gitan Tây Ban Nha) và múa Kathak (Ấn Độ).

Riêng tôi, lần đầu tiên được xem một nam diễn viên (Ravi Shankar Mishra) múa những điệu *kathak*, có lẽ vì vậy mà đi từ ngạc nhiên này sang ngạc nhiên khác. Cũng như phần lớn các điệu múa cổ điển Ấn Độ khác, *kathak* là một thể loại múa cúng tế, ca ngợi thánh thần. Song, với một nam diễn viên như Ravi Shankar, *kathak* trở thành một ngôn ngữ nghệ thuật đa nghĩa, tinh vi, lộng lẫy. Một mặt, nó phát triển tất cả những cử chỉ bàn tay, nét mặt, đôi mắt, động tác thân thể mềm mại, uyển chuyển, biến hoá vô tận như ta thường thấy với các vũ nữ, mặt khác, động tác của đôi bàn chân (mỗi cổ chân người múa đeo khoảng 250 cái chuông nhỏ) và hai cặp giò, mang lại cho kathak sự mạnh mẽ, hùng dũng mà không kém tinh vi. Ravi Shankar múa một mình, thì với những điệu bộ, nét mặt, và chùm chuông ở cổ chân, người xem cũng nghe thấy nhạc. Khi, anh múa có tiếng gõ đàn *santur* của Paul Grant (nhạc sĩ người Mỹ, từng nổi tiếng với bộ gõ của nhạc jazz, nhưng từ một phần tư thế kỷ, phiêu du vào nhạc Đông và Trung Á), và nhất là khi anh đối thoại, đối chọi, đua tranh với nhịp trống *tabla* của Shyam Kumar Mishra, thì người xem tưởng như quên hết tất cả.

Ấy vậy mà chưa phải tột đỉnh. Tột điểm đã tới, và tới nhiều lần, khi Ravi Shankar và Ana la China cùng xuất hiện trên sân khấu. Bạn đọc, nhất là bạn đọc ở phương Tây chắc đã từng nghe nhạc và xem múa Flamenco, những ai mê thơ Federico Garcia Lorca, lại càng mê những *cante jondo (lời ca sâu thẳm)*. Chắc cũng có bạn đã được xem nữ diễn viên Ana La China và nghe ca sĩ Antonio de la Malena, nhạc sĩ Domingo de los Santos và Luis de la Tota. Xem, hay chưa xem, nếu khi nào có dịp xem cuộc thư hùng giữa múa Flamenco và múa Kathak, thì bạn nhớ : chớ bỏ qua.

Có lẽ chỉ một cuộc gặp gỡ này cũng đủ biện minh cho sự tồn tại của Festival Asie Occident : đây không phải là một cuộc gặp gỡ hình thức, hay xã giao (đúng hơn, là ngoại giao, vì chủ tịch Festival là ông H. de Charette, nguyên ngoại trưởng Pháp), giữa hai nền văn nghệ, văn hoá xa lạ. Saint Florent đã thực hiện được phép màu : tạo ra được những cuộc tao ngộ, giao duyên, đối thoại cho phép mỗi bên tham gia vừa giàu có hơn, vừa tự tin hơn.

Có một cái gì kỳ diệu khi cặp Ravi Shankar & Ana đối vũ với nhau : ở vũ nam Ấn Độ thì hùng dũng, lạc quan, có đấy, nhưng lại đầy nữ tính, còn ở bà hoàng flamenco thì mỗi cử chỉ, động tác là một mời gọi, thách đố đầy nhục cảm, mà sao lại rất *nam nhi*, thậm chí *macho*. Hai nền âm nhạc, hai ngôn ngữ múa rất khác nhau, xa nhau, mà sao lại có một vẻ anh em, đồng tộc, ngờ ngợ. Phải chăng, bây giờ các nhà sử học khẳng định được rồi, vì dân tộc Gitan vốn quê ở lục địa Ấn Độ, đã tiến hành một cuộc trường chinh tây tiến cách đây nhiều thế kỷ ?

Chương trình Saint Florent 98 tập trung vào một cuộc trường hành khác : cuộc viễn du của Marco Polo cuối thế kỷ XIII. Sáng kiến của Pierre-Jean de San Bartolomé (giám đốc) là tạo ra những cuộc gặp giữa các nền nhạc & múa của các dân tộc nằm trên lộ trình của nhà viễn du. Cuối tuần 6-7 tháng 6.98, trong khuôn khổ hiếm có của nhà thờ Saint Florent, đã có bốn chương trình giao duyên độc đáo : (1) giữa hai anh em nhạc sĩ Daoud và Massud Sadozai (đàn rubab và trống tabla) trình tấu nhạc truyền thống Afghanistan và ban nhạc Micrologus (trình tấu nhạc Venise đương đại với Marco Polo) ; (2) giữa giọng ca nữ của Monâjât Yultchieva (người Ouzbek) và ban nhạc Doulce Mémoire (chuyên về âm nhạc thời Phục hưng) ; (3) những nhạc sĩ dân gian người Ouigour và nhạc sĩ bộ gõ Bruno Caillat ; (4) những ca, nhạc sĩ Pamir và Mông Cổ với hai nghệ sĩ vùng Bretagne (Erik Marchand và Jacky Molard).

Bốn chương trình không đồng đều nhưng cái nào cũng có những phút giao hoà kỳ diệu, lý do tồn tại của Festival de Saint-Florent. Tôi nhấn mạnh tới điều này, vì lần đầu tiên tôi theo dõi biến cố văn nghệ này là vào năm 1996, khi ông chủ tịch liên hoan, thị trưởng Saint Florent, lại là bộ trưởng ngoại giao Pháp (chính phủ Juppé). Năm ấy, Việt Nam để lại những ấn tượng sâu sắc với đoàn Ea Sola (trình diễn vở *Hạn hán và cơn mưa*) và chương trình *A Tale of Vietnam* của Nguyên Lê. Đi vì nhiệm vụ, tôi tự nhủ phải chăng festival này là một *cô vũ nữ* dưới bàn tay bao che của một chính khách, theo đúng truyền thống chính trường Đại Pháp. May thay, chỉ sau một chương trình, định kiến ấy đã hoàn toàn tan biến. Vả lại, festival này ra đời từ trước khi ông de Charette lên làm bộ trưởng, và từ hơn một năm nay, ông không còn trong chính phủ nữa, nó vẫn còn đây, phương tiện có phần thua kém chút ít chăng, nhưng chất lượng các cuộc gặp gỡ, giá trị của các nghệ sĩ, và *phép màu* của Saint Florent thì vẫn còn đây.

Saint Florent không sản xuất rượu nho, nhưng theo đúng tập tục của vùng Anjou, sau mỗi buổi trình diễn tối, khoảng 11 giờ, nửa đêm, ban tổ chức có sáng kiến tập hợp khán giả và nghệ sĩ bên một chiếc bàn dài, để chuyện trò, trao đổi ý kiến... chung quanh ly rượu nho hồng và chia sẻ miếng bánh *brioche*. Chỉ một tập tục này cũng đáng để bạn ghé qua đây một cuối tuần tháng 6 sang năm.

Cụng ly với P.J. de San Bartholomé, tôi hỏi anh về dự kiến sang năm 99. " Có thể tiếp tục lộ trình Marco Polo, *nhưng lần này theo đường về, đường biển* ". Hồi ký M. Polo có những trang về *Giao châu, Chiêm Thành, Côn Đảo*...

Và nếu tôi thêm rằng, đứng trên quảng trường trước cổng nhà thờ, tựa lan can, ngó xuống dòng sông Loire mênh mông, nhìn sang bờ phía bắc, bạn sẽ được ngắm cái mà Aragon gọi là *một trong vài cảnh quan đẹp nhất trên đời*...

N.N.G.

Bùng nổ không gian Xi-be

Hà Dương Tuấn

1. Giới thiệu

Không thể dùng một hai trang báo để nói về mặt kỹ thuật của " liên mạng " (Internet), như thế sẽ hoặc quá thiếu hoặc quá thừa ; mặt khác những nhận định về công dụng tuyệt vời của nó hiện đã nhan nhản trên báo chí mọi nơi. Vì thế, bên lề cả hai phương diện kỹ thuật và công dụng, bài này xin tổng hợp một số thông tin thống kê về sự bùng nổ trên thế giới của mạng Internet (còn gọi là Không gian Xi-be, cyber-espace) trong mấy năm vừa qua. Hy vọng mang tới bạn đọc những thông tin hấp dẫn hơn về một hiện tượng kinh tế xã hội quan trọng trong những năm cuối thiên niên kỷ này.

2. Sơ lược lịch sử Internet

Năm sinh của " liên mạng " toàn thế giới có thể coi là năm 1992, khi hội quốc tế ISOC (Internet Society) được thành lập để chuyển giao kỹ thuật (và nhất là trách nhiệm về chuẩn) sang " kinh tế thị trường " nghĩa là khiến cho Internet trở thành một dịch vụ trong toàn xã hội theo luật cung cầu. Trước đó, kể từ 1983, dịch vụ liên mạng dân sự chỉ có chủ yếu trong môi trường nghiên cứu và đại học của Hoa Kỳ, và hoàn toàn được chính phủ tài trợ. Mạng NSF (National Science Foundation) này được tổ chức theo kỹ thuật đã chín mùi của mạng ARPANET do bộ quốc phòng Mỹ thành lập từ năm 1969.

Internet trở thành dịch vụ quen thuộc trong môi trường đại học/nghiên cứu tại châu Âu kể từ 1989, khi tổ chức RIPE (Réseau IP Européen) được thành lập để tiến hành việc liên kết khoảng trên 20 mạng nhỏ đã có rải rác lúc ấy qua một mạng trục (hay mạng xương sống, backbone network, réseau dorsal) gọi là EBONE, nối liền 6 thủ đô là Londres, Paris, Bohn, Amsterdam, Genève và Stockholm. Nhưng cũng phải vài năm sau thì mọi người trong đại học và nghiên cứu mới được dễ dàng có đầu mối, chẳng hạn ở Pháp phải đợi đến 1992, khi mạng trục quốc gia RENATER (Réseau National de Télécommunications pour la Technologie, l'Enseignement et la Recherche) được đưa vào hoạt động. Như vậy không có nghĩa trước 1989 ở châu Âu không có mạng thông tin tự động, vẫn có ; nhưng mỏng, tương đối rời rạc và đa số theo một loại kỹ thuật mạng khác, cạnh tranh với kỹ thuật Internet, gọi là mạng X.25. Trong hai thập kỷ 70 và 80 các chuyên gia đã tốn nhiều giấy mực để tranh cãi, cho tới khi Internet thắng thế, vì nhiều lý do phức tạp trong đó có lẽ kỹ thuật chỉ là khía cạnh phụ.

Năm 1991 các công ty tư bắt đầu bán dịch vụ liên mạng trong kinh tế thị trường tại Hoa Kỳ. Dịch vụ đó ở châu Âu chậm hơn Hoa kỳ khoảng hai năm, từ cuối 93 bắt đầu nở rộ những quảng cáo của các công ty ISP (*Internet Service Provider*) quốc gia hoặc quốc tế, như Compuserve, Calvacom... khởi đầu chủ yếu trong công việc làm ăn. Tại các tư gia thì như ở Pháp, Internet chỉ cất cánh từ đầu 96. Pháp đi sau Anh và Đức, vì ở Pháp máy PC vẫn bị đánh thuế mua (TVA, VAT) ở mức 20,6 % (mặc dù những người trách nhiệm cao trong nhiều chính phủ khác nhau không ngớt nhấn mạnh tầm quan trọng của tin học và viễn thông trong giáo dục, không thấy ai đề nghị giảm thuế mua máy tính). Cũng nên nhắc tới đặc điểm quốc gia không giống ai của Pháp là máy Minitel rất rẻ và ai cũng có thể có từ hai chục năm nay. Tuy màn ảnh xấu xí, cũ kỹ và chậm như rùa nhưng Minitel vẫn còn đem lại một số dịch vụ mà ngay Internet hiện nay cũng chưa tốt bằng (chủ yếu là thua về mặt bảo đảm bí mật thông tin) điều này cũng làm chậm lại sự thâm nhập của Internet vào các tư gia.

Thật ra sự bùng nổ Internet trên toàn thế giới có thể đoán trước được, vì nó chỉ lan truyền từ sự bùng nổ trong môi trường đại học Mỹ suốt nửa sau thập kỷ 80 : nếu năm 86 khoảng 10.000 máy được nối vào mạng thì tới 89 đã có trên dưới 100.000 máy. Bây giờ là 1998, và số " công dân xi-be " (cyber-citoyen, công dân thế giới có dịch vụ Internet) đã lên tới gần 130 triệu. Để có một ý niệm về sự bùng nổ này bạn đọc có thể tưởng tượng là số công dân xi-be mỗi năm tăng gấp đôi : trong mười năm con số đó tăng gấp nghìn, và như thế vẫn ít hơn thực tế. Trước sự biến đổi như vũ bão này, không thể có hy vọng xác định những con số vừa kịp thời vừa chính xác, giá trị của những thống kê ghi lại trong bài này vì thế chỉ có thể đem lại một cái nhìn toàn cảnh nhất thời.

Tuy nhiên, trước khi xem xét các con số thống kê rất đáng ngạc nhiên về liên mạng, để cái nhìn được sáng sủa hơn, có lẽ cần mở ngoặc xác định rõ sự khác biệt giữa địa chỉ thư điện tử (e-mail address) và địa chỉ liên mạng (internet address hay IP address), mà báo chí thường hay nhập nhằng.

3. Những con đường vào không gian xibe

Các máy tính được nối vào liên mạng có hai vai trò khác nhau, hoặc đó là những trạm-vấn-tin (*terminaux*) đặt các câu hỏi, hoặc đó là các trạm-phục-vụ (*serveurs*). Chúng được nối với nhau bằng những phương tiện truyền tin và các trạm-tiếp-chuyển (*routeur*) nằm ở nơi giao nhau của các đường truyền tin. Các trạm tiếp chuyển là những máy tính điện tử đặc biệt nhận các gói-tin (*paquets*) đến từ các đường vào và chọn một trong những đường ra để chuyển đi tiếp. Sự tiếp chuyển này dựa trên địa chỉ liên mạng có ghi ở đầu các gói-tin. Vậy địa chỉ liên mạng (địa chỉ này là một chuỗi số 32 bít) là địa chỉ dùng cho các máy tính để đi tìm các máy tính, đó là đầu mối cần thiết cho bất cứ máy tính nào nếu muốn gửi nhận thông tin qua liên mạng ; vì sự cần thiết làm các trạm tiếp chuyển hữu hiệu, địa chỉ liên mạng được tổ chức theo một kiểu nhất định, không phải chuỗi 32 bít nào cũng dùng được ở bất cứ nơi nào.

Còn địa chỉ thư điện tử đã đăng ký trong mạng coi như bằng số người đã mua dịch vụ liên mạng, đó là một chuỗi chữ và số (có chiều dài không nhất định) dùng để chỉ định một hòm thư điện tử của một người. Mỗi máy tính có thể

Bản tiếng Pháp của bài này đã đăng trong *INTERFACE*, nội san của Hội tin học Việt Nam tại Pháp.

quản lý nhiều hòm thư, và sự tìm kiếm máy tính nào quản lý hòm thư nào cũng phải được giải quyết trong những trạm phục vụ đặc biệt dùng để dịch từ địa chỉ hòm thư ra địa chỉ máy, vì thế địa chỉ thư điện tử cũng phải được cấu tạo theo những quy ước nhất định, quy ước này cho phép tha hồ gán địa chỉ cho mọi người trên thế giới.

Những năm gần đây thế giới Internet gặp phải sự khan hiếm địa chỉ máy khá trầm trọng, cách giải quyết tạm thời trong vài năm tới, trước khi phải đổi cơ bản hệ thống địa chỉ, là bó buộc các máy phải chia nhau địa chỉ, vì không phải lúc nào mỗi máy đều vào mạng nên nếu tính toán khéo thì cũng không bất tiện lắm. Hiện nay sự liên hệ giữa máy và địa chỉ liên mạng trở nên linh động tuỳ theo cách máy được nối vào liên mạng. Có ba hình thức nối vào liên mạng khác nhau.

Với hình thức cũ nhất vẫn tồn tại trong các cơ quan lớn có Internet ngay từ đầu thì mỗi máy tính có một địa chỉ liên mạng duy nhất và độc nhất. Cách này cho phép mọi máy (cùng loại) ở khắp nơi trên thế giới gọi nhau một cách giản tiện. Các trạm phục vụ cũng thường phải có địa chỉ cố định.

Hình thức nối vào liên mạng thứ hai được gọi là Intranet, áp dụng trong các cơ quan : các máy tính cá nhân trong các cơ quan khi trao đổi thông tin với nhau (qua một mạng thông tin riêng của cơ quan) thì dùng những địa chỉ của mạng tư, tha hồ bao nhiêu máy cũng được (thí dụ 3000 máy, 3000 địa chỉ, cho một hãng 5000 người) ; trong khi đó cơ quan chỉ đăng ký gắn với liên mạng thế giới qua (thí dụ) có 250 địa chỉ thôi. Một máy tính lớn, gọi là " máy cửa ngõ " (*passerelle, gateway*) quản lý việc qua lại trong ngoài bằng cách linh động gán cho mỗi người muốn thông tin với bên ngoài một trong số 250 địa chỉ công cộng, và khi người ấy ra khỏi liên mạng thì lấy lại địa chỉ đã cấp để gán cho người khác nếu cần. Dĩ nhiên để tiện việc giao dịch mỗi nhân viên vẫn có thể đăng ký một địa chỉ thư điện tử riêng. Thường thì (như trong thí dụ này) máy cửa ngõ quản lý luôn cả 5000 hộp thư điện tử. Mặt khác máy cửa ngõ dù sao vẫn cần thiết cho một cơ quan thì để lọc lựa thông tin vào ra và bảo vệ bí mật thông tin của cơ quan.

Cách nối vào liên mạng thứ ba dùng cho tư gia, ngoài sự không có những trao đổi riêng qua một mạng cục bộ của cơ quan, nguyên tắc quản lý địa chỉ cũng tương tự như trên. Nếu bạn đăng ký với một ISP để sử dụng liên mạng thì bạn sẽ có một địa chỉ thư điện tử, nhưng các ISP đều phải quản lý một cách linh động một số địa chỉ liên mạng nhất định, bằng khoảng từ 1/20 tới 1/10 số khách hàng của họ. Chỉ khi nào máy tính của bạn qua đường điện thoại gọi tới trạm dịch vụ đòi vào liên mạng thì nó mới được ISP gán cho một địa chỉ liên mạng (nếu lúc ấy ISP của bạn còn địa chỉ chưa dùng, nếu hết thì bạn bị kẹt) để gọi và trao đổi với những nơi khác. Một ISP rẻ thì cũng có thể dễ bị kẹt đường là vì vậy. Cũng vì bạn không có địa chỉ cố định nên địa điểm " văn bản u-ép " (site web) của bạn (nơi bạn có thể sáng tạo một trang u-ép để chứa các thông tin muốn san sẻ với hoàn cầu) phải để ở trạm ISP.

Hai con số người ta có thể biết tương đối chính xác qua các thông tin hành chính là số địa chỉ thư điện tử đã được đăng ký (gồm cả tư gia, tư sở và công sở) và số môđem đã được bán ra trên thế giới. Số địa chỉ liên mạng thực sự được đưa vào sử dụng thì khó biết hơn vì các công ty, công sở hay các ISP đều đăng ký " cả gói " hàng chục hay hàng trăm ngàn địa chỉ, rồi đưa vào sử dụng dần. Để có thể suy đoán con số này bằng các phương pháp thống kê người ta dùng cách thăm dò tự động thẳng trên mạng, một máy tính được dùng để " hỏi thăm " một cách ngẫu nhiên vài ngàn địa chỉ đã được đăng ký để xem bao nhiêu thực sự có mặt trên mạng ở thời điểm thăm dò.

4. Sự bùng nổ, qua các con số

Nhắc lại, nếu năm 86 khoảng 10.000 máy được nối vào mạng thì tới 89 đã có khoảng 100.000 máy ; rồi 1991 dịch vụ liên mạng phải trả tiền bắt đầu, và năm 1993 người ta đã tính được trên mạng có khoảng 1 triệu máy. Trong khoảng thời gian đó Internet bắt đầu cuộc chinh phục thế giới, vừa trở nên phức tạp hơn trong tổ chức vì phải tách biệt địa chỉ máy và địa chỉ người, vừa trở nên rất dễ dùng nhờ kỹ thuật " siêu đại văn bản " (*hypertexte*) được biết dưới cái tên " lưới nhện toàn cầu " (*World Wide Web*). Cùng với hòm thư điện tử, hai kỹ thuật này đã góp phần chủ yếu trong việc đại chúng hóa Internet. Một khái niệm đáng để ý trong siêu đại văn bản là địa chỉ URL (Universal Resource Location, địa chỉ của một trang u-ép), địa chỉ này được tổ chức tương tự như địa chỉ thư điện tử, và cách dịch cũng tương tự.

Sự bùng nổ luỹ thừa tại Mỹ kéo dài từ 1991 tới 1996 thì tăng trưởng ổn định dần, hiện nay được ước lượng là 10 % mỗi năm. Từ 1994 làn sóng lan truyền sang châu Âu, và cuối năm 1995, sau khi tổng hợp và đơn giản hoá từ nhiều nguồn, ta có thể tóm tắt tình hình như sau : cả thế giới đã có khoảng 30 triệu người có khả năng nối vào liên mạng, kể cả tư gia, tư sở và công sở ; sử dụng 9,5 triệu địa chỉ liên mạng. Cứ 100 người có PC gắn Internet thì 80 sống tại Hoa Kỳ, 7 tại Gia-nã-Đại, 8 tại châu Âu và chỉ có 5 người tại các nơi khác, kể cả vùng trù phú của châu Á. Theo một điều tra của thượng viện Pháp, vào giữa năm 1996 mới có 9 % tư sở Pháp nối với Internet, còn số tư gia đã mua dịch vụ liên mạng là khoảng 120 000 (5 % của các máy tính PC tại tư gia), trong khi ấy ở Pháp có 6,5 triệu Minitel. Số địa chỉ liên mạng được dùng ở Pháp lúc ấy là khoảng 190 000. Một ước lượng khác cho biết số người sử dụng Internet đầu năm 1996 là khoảng 600 000 người (đa số là qua chỗ làm việc). Nhưng từ khi cất cánh thì sự tăng trưởng ở Pháp cũng giống hệt như ở Hoa kỳ và nhiều nước khác, nghĩa là tăng trưởng cao hơn 100 % mỗi năm trong vài năm đầu, hiện nay tỷ số tăng trưởng ở Pháp là 15 % mỗi tháng.

Cùng lúc ấy ở châu Âu thì, cũng theo điều tra trên, Anh quốc có khoảng 580 000 địa chỉ liên mạng, Đức quốc có khoảng 550 000, các nước nhỏ khác như Thuỵ sĩ, Phần Lan... điều vượt xa Anh và Đức, không nói gì Pháp, nếu tính theo bình quân trên đầu người. Theo một thống kê khác thì vào cuối 97 tỷ số các hộ đã mua mô-đem ở châu Âu, theo từng nước, là : Pháp, Ý, Tây ban Nha : 2 % ; Anh và Đức : 6 % ; Đan mạch, Na uy : 8 % ; Thuỵ sĩ 9 % ; Phần Lan và Thuỵ Điển : 11 %.

5. Tình hình hiện nay trên thế giới

Tài liệu gần đây nhất tìm được đề ngày 03/05/98, tổng hợp những thông tin có được cuối 97 đầu 98, là của một hãng chuyên cố vấn tiếp thị để quảng cáo trên mạng. Những thông

Việt Nam trên lưới

Dùng công cụ " tìm kiếm " Lycos, người ta có thể thấy (vào ngày 23.6.1998) 7123 " trang nhện " có chủ đề liên quan tới Việt Nam, bằng nhiều thứ tiếng (Anh, Pháp, Việt, Đức, Tây Ban Nha), bàn về chiến tranh (nhiều nhất là ở Mỹ), chính trị, kinh tế, văn hoá, nghệ thuật, môi trường, tôn giáo v.v... Quá nhiều để một người còn phải lo công ăn việc làm của mình có thể ngồi đọc cho hết. Thậm chí, dùng hết những ngày hè rảnh rỗi không làm việc gì khác cũng chưa chắc đủ thì giờ để có thể phân tích chất lượng thông tin chứa trong hơn 7 ngàn địa chỉ ấy. Chỉ xin giới thiệu với bạn đọc một trong những địa chỉ kỳ cựu nhất, của tổ chức Bắc cầu khoa học kỹ thuật Úc Việt (Australia Vietnam Science-Technology Link, viết tắt : AVSL)*, thuộc Viện đại học quốc gia Úc (Australian National University) :*

http://coombs.anu.edu.au/vern/avsl-list.html

AVSL từng là người giúp đỡ Việt Nam nhiệt tình nhất trong việc xây dựng mạng lưới thông tin điện tử, phối hợp với Viện Công nghệ thông tin ở Hà Nội. Người phụ trách AVSL là Vern Weitzel, một nhà khoa học môi trường người Mỹ, nay sinh sống ở Úc. Nếu ghi tên vào avsl-l, một loại báo điện tử, bạn có thể đọc và trao đổi nhiều tin tức kinh tế, chính trị liên quan tới Việt Nam không nặng màu sắc đỏ, đen, đặc biệt avsl-l có nhiều tin liên quan tới vấn đề môi trường ít được các diễn đàn thông tin khác chú trọng.

*Ngoài ra, AVSL còn thường xuyên cập nhật hoá một " thư viện ảo " liên quan tới Việt Nam (*Vietnam Virtual Library*), và thông báo trên avsl-l, đồng thời lập những cầu nối với các trang chủ của những " sách " mới ấy, cho phép bạn lướt trên lưới từ mục nọ sang mục kia. Địa chỉ thư viện :*

http://coombs.anu.edu.au/WWWVLPages/VietPages/WWWVL-Vietnam.html

Chẳng hạn, qua đó bạn có thể đọc mẩu tin nhỏ, mới đây : trang nhện Vietnam, mon pays natal *của Đặng Anh Tuấn, một Việt kiều ở Pháp,*

http://www.limsi.fr/Recherche/CIG/ivietnam.html

*vừa được giải thưởng Rồng vàng (*Golden Dragon*) của tổ chức CityNet, Canada. Hoặc bạn có thể tìm xem một lô bản đồ cổ của Việt Nam trên*

http://quebec.eds-ingevision.fr/bando/bando.htm

Hoặc xem thư mục về sách Phật giáo Việt Nam của Tran Nguyen, một nhà nghiên cứu trẻ ở đại học Berkeley, California, trên

http://www.library.wisc.edu/guides/SEAsia/cormosea/vnb.htm

v.v. và v.v...

Sau cùng, xin cám ơn bạn N.H. đã cung cấp mấy địa chỉ bàn về công nghệ thông tin ở VN :

http://www.vnn.vn/webforum/webforum.htm
http://www.fpt.vn/infostore/TinhocVN/1998/06/3588DAC3.htm
http://www.fpt.vn/infostore/TinhocVN/1998/06/358985EF.htm
http://www.fpt.vn/infostore/TinhocVN/1998/06/3580E1AD.htm
http://www.fpt.vn/infostore/TinhocVN/1998/06/3569D00D.htm

và, last but not least, *địa chỉ một tờ báo nổi tiếng xem qua rồi bỏ :*

http://www.nhandan.org.vn

Nếu từ khắp nơi trên thế giới, bạn có thể tự do lướt trên không gian xy-be để tìm kiếm đủ loại thông tin liên quan tới Việt Nam, thì ngược lại từ trong nước, vấn đề có... khác. Thông tin vốn cần được " định hướng " trong cộng hoà xã hội chủ nghĩa, và do đó nó thường được đồng nghĩa với " kiểm soát ". Khoảng 4 000 người nối vào Internet hiện nay từ trong nước muốn đọc hoặc gửi thông tin trên lưới phải thông qua một " bức tường chặn lửa ", một chương trình kiểm soát thông tin của " Trung tâm quản lý, điều khiển Internet ". Khổ nỗi, hình như tường quá thấp. Vì thế mà đã có vụ nghẽn đường xy-be VN – thế giới hồi tháng 4 vừa qua. Do " firewall bị quá tải "*, theo ông Đinh Việt Hào, phó giám đốc VDC, công ty quản lý cổng nối VN vào Internet (phỏng vấn đăng trên vnsa-l, diễn đàn của du học sinh VN tại nước ngoài, 5.6.1998). Vì thế mà, theo nhà báo K. Huckshorn trên tờ* San Jose Mercury News *ngày 31.5.1998, từ Hà Nội người ta không thể nối vào địa chỉ* www.saigon.com, *một trang nhện chuyên giới thiệu những hình ảnh và sinh hoạt văn hoá (người viết bài này thú thực là không có thì giờ tìm đọc các trang đó), song lại có thể rất thoải mái tìm đọc* www.freeviet.org, *của một tổ chức chống cộng, với hai lá cờ vàng ba sọc đỏ tung bay ngay trên trang đầu !*

Mới có 4 000 khách xy-be, " firewall đã quá tải "*, nhưng dự tính của VDC là số khách sẽ tăng lên gấp 4 lần từ nay tới cuối năm, chẳng biết còn bao cuộc nghẽn đường dây khác ?*

Hội chứng " bể đồng hồ " *mà Nguyễn Lộc đã thuật trên Diễn Đàn số Tết vừa qua, đợi đến Tết Congo mới hết ?*

H.V.

tin này (vì quá mới nên xin được đọc với sự dè dặt thường lệ) cho thấy qua hai năm 96 và 97 quy luật tăng gấp đôi mỗi năm, tức là qua hai năm thì tăng gấp bốn, vẫn đúng cho cả thế giới. Hiện có khoảng 128 triệu người có dịch vụ liên mạng. Theo một ước lượng khác của đại học Stanford, thì đầu 97 số địa chỉ liên mạng đã lên tới 16 triệu, và cứ theo đà phát triển thì đầu 98 con số này phải lên tới khoảng 20 triệu, ước lượng trùng hợp với con số 19,5 triệu, của tuần san *Fortune* tháng 10/97. Tỷ số địa chỉ máy / địa chỉ người là 1/6, khác hẳn năm 95 (1/3), nhưng có thể hiểu được qua đoạn giải thích ở trên. Để so sánh, thống kê năm 1996 cho biết trên thế giới có 730 triệu đường điện thoại và 134 điện thoại lưu động. Dự tính năm 2 000 sẽ có khoảng 1 tỷ đường điện thoại và 440 triệu điện thoại lưu động. Nhưng cứ đà phát triển này thì chỉ bốn năm năm nữa thì phần lớn người có điện thoại và máy tính điện tử (hiện nay là hai điều kiện tiên quyết để vào không gian xi-be từ tư gia) cũng sẽ mua dịch vụ liên mạng.

Những " công dân xi-be " hiện bây giờ ở đâu ? phần sống tại Hoa kỳ, tuy số người đã tăng hơn gấp đôi kể từ cuối 95,

bây giờ còn 45,1 %, châu Âu không nói tiếng Anh đã lên tới 27,6 %, những người dùng tiếng Anh ngoài Hoa Kỳ (Anh, Canada, Úc ...) khoảng 14,2 % ; ngoài ra 13,1 % là người châu Á, trong đó chủ yếu là Nhật (12,3 triệu người ; 9,6 %) đáng để ý là Trung quốc nội địa ngoài Hồng Kông đã có khoảng 600 000 công dân xi-be.

Một điều đáng chú ý khác nữa là hiện nay đã có 20 % tư gia tại Mỹ có hai đường dây điện thoại, trong khi năm 91 số tư gia này là 7 %. Nếu coi như từ 91 tới nay thói quen sử dụng điện thoại của người Mỹ không có gì thay đổi, thì tức là đã có khoảng 13 % tư gia gắn thêm một đường dây chỉ để dùng cho Internet. Thật ra thì thói quen sử dụng điện thoại có thay đổi nhiều với sự xuất hiện của điện thoại di động (mobile phone), nhưng điều này không làm tăng nhu cầu có thêm đường dây, mà có lẽ ngược lại : một giả thiết làm việc đáng chú ý là nếu dùng " môbai " để nói chuyện rẻ đi thì người ta sẽ dùng môbai nhiều hơn, để dành đường dây cho Internet. Ước lượng tới năm 2000 thì khoảng 40 % gia đình Mỹ sẽ có máy tính nối vào mạng (đa số vẫn sử dụng một đường dây cho cả điện thoại và liên mạng).

Người ta vào không gian xi-be để làm gì ? Chủ yếu để đi tìm thông tin (chuyên môn, giáo dục, giải trí, tìm sản phẩm) qua lưới nhện toàn cầu (WWW, World Wide Web), một thống kê tháng 6 năm ngoái của *Interactive Week* cho biết (dĩ nhiên đây là tính trung bình, không phải ai cũng dùng mạng như nhau) người dùng mạng tốn 43 % thời gian cho việc đi tìm thông tin, 34 % để đọc và viết thư điện tử, 5 % để đọc tin tức chung, 4 % để " nhỏ to phím đàm " trong mạng (*online chit chat*) ; mới chỉ có 3 % thời gian được dùng cho nhà băng và mua bán. Hạn chế này phần lớn do khách hàng chưa tin tưởng lắm về bảo đảm bí mật trên mạng, các cố vấn tiếp thị cho rằng phần lớn người ta đi tìm thông tin về các sản phẩm qua liên mạng rồi có thể đặt mua bằng những hình thức cổ điển hơn.

Trung bình từ 10 % tới 20 % khách hàng vào mạng ít ra là một lần trong ngày (tuỳ nơi), thời gian trung bình của mỗi lần vào/ra mạng là từ 20 đến 30 phút, trong khi mỗi cú điện thoại chỉ kéo dài trung bình khoảng 3 phút. Thêm nữa, nếu số người có đầu mối liên mạng tăng gấp đôi mỗi năm thì lưu lượng thông tin trong liên mạng mỗi năm tăng gấp bốn. Ở đây có thể giải thích đơn giản như sau : nếu liên mạng càng lớn thì mỗi công dân xi-be càng có nhiều dịp vào không gian xi-be ; vì số gia đình bằng hữu có " i-meo " tăng, vì nếu khả năng có khách hàng tăng thì số các dịch vụ thông tin cũng tăng... như hệt một phản ứng hoá học dây chuyền. Vì thế độ tăng lưu lượng thông tin phải bằng bình phương độ tăng của số công dân xi-be. Cũng vì vậy, tuy các hãng quản lý mạng đã biết trước để lo liệu, tuy với kỹ thuật cáp quang thì mạng truyền tin vừa rẻ vừa dễ tăng trưởng mạnh, các xa lộ trên không gian xi-be hiện nay vẫn nhiều khi kẹt cứng !

Nếu tính riêng các đường quốc tế thì, theo một tuyên bố của tổng giám đốc hãng France Telecom đầu năm 98, hiện nay lưu lượng Internet đã vượt cao hơn lưu lượng điện thoại. Tại sao ? Phải nói điện thoại quốc tế dùng cho công việc nhiều hơn để xã giao, và trong công việc thì người ta gửi các bản " viễn sao " (*fax*) nhiều hơn là đàm thoại. Tuy rằng qua Internet hiện chưa bảo đảm như qua viễn sao (bí mật, rất khó giả mạo, chắc chắn đến), Internet rẻ và tiện hơn nhiều. Năm ngoái một ký giả Mỹ đã thử gửi 42 trang tài liệu từ Nữu Ước sang Tokyo : bằng viễn sao phải dùng máy trong nửa giờ và trả chi phí điện thoại 28 đô la ; bằng Internet chỉ cần dùng máy có hai phút và chỉ phải trả 0,1 đôla cho một cú điện thoại tới trạm nhận/gửi thông điệp (*serveur de courier*) gần nhất : lý do đầu tiên vẫn là lý do " tiền đâu ", do đó các máy viễn sao có lẽ sẽ biến mất trong tương lai không xa, khi các vấn đề về chất lượng của dịch vụ Internet sẽ được giải quyết.

6. Để tạm kết luận

Chỉ trong vòng hơn năm năm, Liên mạng đã thoát ra ngoài môi trường quân sự, đại học và nghiên cứu để đang trở thành một bộ phận của sinh hoạt con người trên thế giới, cũng sẽ phổ biến như máy giặt, tivi hay điện thoại hiện nay. Nguyên nhân kinh tế của hiện tượng này rất giản dị : những kỹ thuật cơ bản của tin học/viễn thông rẻ luỹ thừa theo thời gian, hiện nay giá một máy tính điện tử tại Pháp (kể cả thuế 20,6 %) có thể nối liên mạng là khoảng 7000-8000 F, tương đối rẻ hơn một Tivi màu khi bắt đầu bán chạy trong những năm 70. Nhưng nguyên nhân cơ bản là các dịch vụ trong liên mạng đã trở nên dễ đề cập tới hơn cho người không chuyên môn. So với công dân thường, " công dân xi-be ", ngoài việc có hòm thư điện tử, là người biết " lướt sóng " (*surfer*) trong không gian xi-be. Mà muốn thế chỉ cần biết vận dụng hai khái niệm chủ yếu : một là sử dụng các động cơ mò tìm (*moteur de recherche*) hai là đọc được các " siêu đại văn bản ".

Động cơ mò tìm cho phép, chỉ với vài " chữ chìa khoá " (*mots clés*), có thể liệt kê tất cả những trang " u-ép " có trong các kho lưu trữ điện tử công hay tư (trên toàn thế giới) trong đó các chữ đó được sử dụng. Mỗi trang u-ép lại là một bộ phận nhỏ của một siêu đại văn bản, nói vậy vì nó là một văn bản trong đó có những hàng chữ đặc biệt (tương ứng với một địa chỉ URL) cho phép gọi ra một trang u-ép khác, nằm ở bất cứ nơi đâu trên thế giới, một cách hết sức dễ dàng. Cứ như thế mà " lướt sóng " cho tới khi tìm được thông tin mình cần.

Không có gì khó khăn, khi đã quen với sử dụng máy tính để viết văn bản hay chơi cờ v.v. thì thật ra chỉ cần học vài giờ hay vài buổi để thoải mái đi vào không gian xi-be. Thế mà tiềm năng của công cụ này thật không lường được, nó có thể mang lại cho mỗi người công dân tất cả những thông tin cần thiết trong tức khắc, mà thông tin là trí tuệ, là khả năng hành động. Vấn đề cần đặt ra ngay từ bây giờ là làm sao để các nước đang phát triển không bị các nước đã phát triển bỏ rơi trong việc sử dụng công cụ tuyệt vời này ?

Nhưng đó là tiềm năng, dù rằng với sự bùng nổ hiện nay tiềm năng có thể thành hiện thực chỉ trong vài năm nữa. Trước mắt thì (tuy đã có tiến bộ) các động cơ mò tìm còn đem lại nhiều nhiễu, mạng lưới truyền tin còn quá nhiều khi kẹt đường, máy tính tại tư gia còn đắt và khó dùng, các công và tư sở còn đang phải xử lý một gia sản tin học cũ kỹ nặng nề, chưa thể gia nhập không gian xi-be dễ dàng... đó cũng là cơ may cho các bạn trẻ trong ngành tin học/viễn thông : vẫn còn rất nhiều chỗ để thi thố tài năng trong đủ mọi lãnh vực. Hiện nay chuyên gia tin học/viễn thông đang thiếu trầm trọng trên thế giới, và có lẽ còn sẽ thiếu trong một thời gian dài.

Hà Dương Tuấn

Nhìn vào bản chất của nghệ thuật

Văn Ngọc

Nghệ thuật mông lung, không bến không bờ, không có ranh giới thời gian và không gian.

Cái đẹp, hay lý tưởng về cái đẹp, cũng vô cùng, vô tận.

Người ta sống ở thời đại này, mà vẫn yêu thích được nghệ thuật của một thời đại khác, sống trong một nền văn hoá này, mà vẫn cảm thông được với một nền văn hoá khác.

Bạn là người Á Đông, hay người Âu Tây, sống ở thế kỷ hai mươi này, mà bạn vẫn có thể thích nghe nhạc Mozart, hay thích nghe hát ca trù, thích hội hoạ thời Phục Hưng, hay thích tranh dân gian, thích chiêm ngưỡng kiến trúc của những ngôi nhà thờ thời Trung cổ, của những ngôi đền Hồi giáo, hay của những ngôi đình, chùa làng.

Tại sao thế ?

Câu hỏi nghe đơn giản vậy mà quậy lên không biết bao nhiêu vấn đề lý luận.

Đâu là những giá trị nghệ thuật đích thực, phổ biến ? Lấy cái gì làm cơ sở cho sự thẩm định các giá trị đó ? Cái gì tạo nên cái ma lực của nghệ thuật ? Đâu là bản chất của nghệ thuật ? v.v...

Kant đã từng nói : *Cái đẹp trong nghệ thuật là cái đẹp chủ quan* và *khiếu thẩm mỹ, hay sự đánh giá cái đẹp, cũng chỉ là dựa vào một nhận thức chủ quan, chứ không có cơ sở lô gích* (Kant,*Critique du jugement*). Và Kant cũng đã từng có cái nhìn rất sắc bén khi nhận định rằng *cái đẹp* , hay nghệ thuật nói chung, *không thể có được những qui luật chặt chẽ, chính xác* (Kant, sđd), bởi nếu không thì làm gì còn chỗ cho óc sáng tạo và trí tưởng tượng nữa ? Và rồi nghệ thuật sẽ khô khan biết chừng nào ! (1)

Cái đẹp trong hội hoạ, hoặc *cái hay* trong âm nhạc, thông qua nhận thức chủ quan của người xem tranh, hoặc người nghe nhạc, có thể cùng *là một* hoặc *khác* với cái đẹp, cái hay trong quan niệm của người sáng tác.

Mỗi bức tranh, mỗi bản nhạc đều là kết quả của một cuộc săn tìm say mê, đôi khi gian khổ, về cái đẹp lý tưởng. Nhưng không phải vì thế mà từ xưa đến nay, cứ có bao nhiêu hoạ sĩ, nhạc sĩ, bao nhiêu người xem tranh hay nghe nhạc, là có bằng ấy quan niệm về cái đẹp trong hội hoạ, hay trong âm nhạc ! Vì nếu như vậy thì làm sao giải thích được sự tồn tại của những *trường phái*, những *xu hướng*, tập hợp được những người cùng tin theo một lý thuyết nghệ thuật ?

Cũng như làm sao giải thích được những *truyền thống* nghệ thuật tồn tại từ đời này qua đời khác, hoặc sự *đồng cảm* giữa những cá nhân khác nhau trước một tác phẩm nghệ thuật ?

Cái gì đã làm cho người ta có thể nhận thức được nghệ thuật, rung cảm được trước cái đẹp của nghệ thuật một cách giống nhau, hay khác nhau ?

Đó trước hết là một số khái niệm, một số tiêu chuẩn, ước lệ được đặt ra trong ngôn ngữ nghệ thuật, mà người nghệ sĩ đã dựa lên đó để sáng tác, và người thưởng thức nghệ thuật cũng dựa lên đó để thẩm định, qua giáo dục thẩm mỹ và kinh nghiệm nhận thức của cá nhân mình. Ví dụ như : khái niệm *tỷ lệ* , hoặc khái niệm *bố cục* và những tiêu chuẩn qui định cái đẹp của chúng. (2)

Sau đó, là một số nhân tố mà chúng ta tạm gọi là những nhân tố văn hoá-xã hội, tản mạn trong hình thức diễn đạt, trong nội dung, ý nghĩa của tác phẩm. (3)

Tác phẩm nghệ thuật trước hết là sản phẩm lao động và sáng tạo của một hay nhiều cá nhân. Thoạt nhìn, tưởng như nó chỉ có tính chất sáng tạo *cá nhân* thuần tuý. Nhưng thật ra, cũng như bất cứ một sản phẩm văn hoá nào khác, nó mang nặng tính chất *xã hội*. Bản thân người nghệ sĩ chẳng qua cũng chỉ là một sản phẩm xã hội, một con người xã hội, chia sẻ cùng một nền văn hoá, cùng một lịch sử với một cộng đồng người nhất định.

Ảnh hưởng của cộng đồng, của xã hội lên tác phẩm nghệ thuật có khi rõ rệt, có khi tiềm ẩn, tinh vi. Đó có thể là ảnh hưởng của những tư tưởng lưu hành trong xã hội : triết học, tôn giáo, chính trị, xã hội, văn hoá. Đó cũng có thể là ảnh hưởng trực tiếp của những tác phẩm nghệ thuật của người khác, hoặc của những truyền thống nghệ thuật có từ lâu đời.

Nói chung, không một nền nghệ thuật nào không mang ảnh hưởng của cộng đồng, của nền văn hoá trong đó nó được nuôi dưỡng. Cũng như không một nền nghệ thuật nào không mang ảnh hưởng của giao lưu văn hoá, của sự kế thừa, và không đúc kết được một số giá trị truyền thống bền vững.

Chính cũng nhờ ở giao lưu văn hoá, mà cái đẹp truyền thống, lúc đầu được thừa nhận trong một nền văn hoá nào đó, dần dần được cộng đồng thế giới biết đến và thừa nhận để trở thành những giá trị thẩm mỹ phổ biến.

Một thí dụ : gần đây, ngay tại giữa Paris, người ta đã có dịp thưởng thức cái đẹp tưởng như không khi nào có thể được nhìn thấy ở nơi này, của những bộ y phục múa và âm nhạc

cổ truyền của người Tây Tạng, cũng như người ta đã có dịp thưởng ngoạn cái đẹp trang trọng, huyền bí của những bức tranh thờ từ xứ Népal xa xôi mang đến.

Hiện nay, với những phương tiện truyền thông ngày càng hiện đại, người ta đã bắt đầu đưa lên mạng lưới internet nguyên cả cái kho tác phẩm vốn nằm trong những viện bảo tàng lớn trên thế giới, như bảo tàng Louvre, và rồi không biết người ta sẽ còn khai thác những phương tiện đó tới mức nào nữa ? Song, chắc hẳn ảnh hưởng của những phát minh này sẽ vô cùng bổ ích cho việc giao lưu văn hoá và sự phát triển của nghệ thuật.

Những giá trị truyền thống của mỗi nền văn hoá được hình thành dựa trên những tiêu chuẩn thẩm mỹ do chính cộng đồng văn hoá đó qui định.

Điều đó có nghĩa là cái đẹp, cái thật trong từng nền văn hoá, ở vào một thời điểm lịch sử nhất định, đều có những tiêu chuẩn của nó. Đương nhiên, những tiêu chuẩn này, về mặt lý thuyết, vẫn nặng tính chất chủ quan, nhưng trên thực tế đã trở thành những qui luật khá chặt chẽ, góp phần tạo nên những mẫu mực thẩm mỹ, được hoàn thiện qua thời gian bởi các thế hệ nghệ nhân, nghệ sĩ và quần chúng nghệ thuật.

Đó là những tiêu chuẩn về cái đẹp của từng bộ phận cấu tạo nên mỗi tác phẩm nghệ thuật : bố cục, đường nét, hình khối, màu sắc, chất liệu, cũng như về sự cân đối, hài hoà của tỷ lệ, sự sống động, hấp dẫn của nhịp điệu, v.v...

Những tiêu chuẩn này không phải bất di bất dịch, mà ngược lại luôn luôn thay đổi cùng với những nhận thức về nghệ thuật ở từng thời kỳ lịch sử. Từ đó, nảy sinh ra những xu hướng nghệ thuật khác nhau. *Cái đẹp*, hay *cái thật* trong nghệ thuật do đó cũng được xây dựng dựa trên những *hệ thống lý thuyết và ước lệ* khác nhau, và chỉ có giá trị trong phạm vi những hệ thống đó mà thôi.

Nhu cầu thiết lập và duy trì những hệ thống lý thuyết và ước lệ này có cơ sở lô gích của nó.

Có thể coi đó như là những công cụ, những phương pháp *tiếp cận* cái đẹp. (4)

Nhiều thí dụ trong các ngành kiến trúc, điêu khắc, hội hoạ, nói lên rõ điểm này : từ hệ thống tỷ lệ qui định cái đẹp cổ điển trong những ngôi đền Hy Lạp cổ, hay trên những pho tượng Ấn độ giáo và Phật giáo ở Népal, cho đến những qui tắc hội hoạ của Cézanne (đưa đối tượng lên phía trước), hay ngôn ngữ lập thể của Picasso, Braque (đem đối tượng ra mổ xẻ, v.v...), hoặc nữa, như trong ngôn ngữ trừu tượng của Kandinsky, Mondrian, (với những qui ước, đôi khi nặng tính tượng trưng,về hình thể, tỷ lệ và nhịp điệu).

Sự tồn tại của những hệ thống tiêu chuẩn và giá trị nghệ thuật còn có những nguyên nhân khác đơn giản hơn. Đó trước hết là sự khác nhau giữa các lãnh vực. Ví dụ : những tiêu chuẩn về cái đẹp trong kiến trúc khác với những tiêu chuẩn trong hội hoạ. Sau nữa là sự khác nhau giữa các thể loại nghệ thuật. Ví dụ : không thể nào lấy những tiêu chuẩn trong nghệ thuật tranh thờ icônes để đánh giá một bức miniature persanne (tiểu hoạ ba tư), chẳng hạn.

Xem như vậy, mỗi tác phẩm nghệ thuật đều có cái cốt lõi lý thuyết và ước lệ bao hàm một *hệ thống giá trị* riêng biệt. Nếu không biết đến cái hệ thống giá trị đó, thì khó mà thẩm định được tác phẩm một cách chính xác.

Nói ví dụ như trong kiến trúc, nếu ta đem so sánh một ngôi nhà thờ romane với một ngôi nhà thờ gothique, thì khó mà có thể so sánh được, bởi cả hai phong cách kiến trúc này đều có những vẻ đẹp riêng biệt, chúng thuộc hai hệ thống giá trị khác nhau, với những tham số hoàn toàn khác nhau. Sự khác nhau trước hết là về quan niệm hình khối, kích thước và ánh sáng, sau đó là về kết cấu. Gần như là một sự khác nhau toàn diện !

Ngược lại chúng ta có thể so sánh được một cách thoải mái những vẻ đẹp khác nhau của hàng loạt ngôi nhà thờ romane trong cùng một vùng địa dư nào đó ở Pháp, như vùng Charente Maritime chẳng hạn.

Cũng như , chúng ta có thể so sánh hai ngôi đền Hồi giáo với nhau, nhưng không thể nào so sánh một ngôi đền Hồi giáo với một ngôi nhà thờ Thiên Chúa giáo, lại càng không thể so sánh được với một ngôi chùa Phật giáo, bởi mỗi loại công trình này đều được xây dựng dựa trên những tiêu chuẩn khác nhau, cả về mặt công năng, lẫn mặt thẩm mỹ. Chúng không có cùng những tham số !

Trong hội hoạ, cũng vậy, chúng ta có thể so sánh dễ dàng những tác phẩm hội hoạ sử dụng cùng một ngôn ngữ nghệ thuật, thuộc cùng một trường phái, nhưng khó có thể so sánh hai tác phẩm thuộc hai hệ thống lý thuyết khác nhau.

Sự khác nhau giữa các xu hướng nghệ thuật đôi khi đã dẫn đến những cuộc tranh cãi gay go trên nhiều vấn đề, như giữa trường phái tượng trưng, hoặc biểu hiện với trường phái ấn tượng, xung quanh các vấn đề màu sắc và hình thể, v.v... Những cuộc đấu tranh về lý thuyết đó luôn luôn đem lại những cái nhìn mới mẻ, và dẫn đến một sự đánh giá lại các tiêu chuẩn, ước lệ có từ trước.

Một số khái niệm, lúc đầu chỉ là những ước lệ, dần dần được hoàn thiện và ổn định để trở thành những *giá trị phổ biến* ngay cả trong những trường phái, hệ thống lý thuyết khác nhau, chẳng hạn như những tiêu chuẩn về bố cục, về tỷ lệ, nhịp điệu, về sự tương phản của hình khối, đường nét, màu sắc, v.v...

Không những thế, những giá trị phổ biến này có khi còn tồn tại ở trong nhiều nền văn hoá khác nhau.

Cũng như, ngược lại, những *giá trị truyền thống* đặc thù của mỗi nền văn hoá, vẫn là một nguồn cung cấp những giá trị phổ biến cho nghệ thuật.

Cả hai nguồn giá trị này kết hợp với nhau tạo thành cái cơ sở cho sự nhận thức cái đẹp trong nghệ thuật.

Khi bạn nghe bản nhạc *Danses hongroises* của Brahms chẳng hạn, bạn thấy hay, thông qua sự hiểu biết và sự nhạy cảm của bạn đối với nhạc cổ điển, với tất cả những quy luật, ước lệ trong ngôn ngữ của nó, nhưng bạn cũng nhận ra và thích những nét nhạc dân gian của folklore hung trong đó.

Trở lại câu hỏi nêu ra ban đầu, sở dĩ chúng ta thưởng thức được cái đẹp trong các tác phẩm nghệ thuật của những nền văn hoá khác nhau, ở những thời đại khác nhau, chính là nhờ ở sự hiện diện của những giá trị phổ biến và những nhân tố văn hoá - xã hội tiềm ẩn trong những tác phẩm đó, và nhờ ở cái vốn văn hoá mà chúng ta tích luỹ được qua giáo dục thẩm mỹ và kinh nghiệm nhận thức trong cuộc sống.

Nhìn chung, một tác phẩm hội hoạ, hay âm nhạc, thuộc bất cứ một phong cách nào, cũng đều có thể được đánh giá trên cả hai mặt, mặt sáng tạo hoàn toàn *cá nhân* , chủ yếu là tài khéo léo, óc tưởng tượng và những ý tưởng độc đáo của một cá nhân, hoặc của một trường phái nghệ thuật, bao gồm những giá trị phổ biến hay không phổ biến, và mặt tạm gọi là *kế thừa* những giá trị truyền thống.

Cả hai mặt này của hoạt động sáng tạo đều mang dấu ấn của cộng đồng. Chúng cho ta thấy bộ mặt đa dạng, phong phú, rất *nhân bản* nhưng đồng thời cũng đậm tính *xã hội* của nghệ thuật.

Văn Ngọc

Chú thích :

(1) Một thí dụ mà nhiều người biết, là kinh nghiệm sử dụng màu sắc một cách quá khoa học bởi một số hoạ sĩ của trường phái ấn tượng, dựa trên những phát hiện của nhà bác học Eugène Chevreul (1786-1889), kinh nghiệm này đã đưa đến những kết quả hơi máy móc, ít giá trị nghệ thuật, và đã bị Gauguin chỉ trích một cách nghiêm khắc (Xem Văn Ngọc,*Vấn đề màu sắc trong hội hoạ hiện đại*, DĐ số 58, 12-1996).

(2) Kant không chấp nhận cái đẹp nghệ thuật thông qua những *khái niệm* (ước lệ) : *Le jugement de goût, qui ne déclare un objet que sous la condition d'un concept déterminé, n'est pas pur* (Kant,*Critique du jugement §16*). Nói chung, Kant có nhiều nhận định về nghệ thuật khá độc đáo. Tuy nhiên, trong hệ thống lý luận của cụ (xem tác phẩm đã dẫn), có nhiều ý kiến mà người ngày nay khó mà có thể*thông* được, nhất là những người làm nghệ thuật !

(3) Tính từ *xã hội* ở đây chỉ một cách rộng rãi tất cả những gì nói lên mối quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng : từ nền văn hoá vật chất, tinh thần, môi trường sống đến môi trường tự nhiên. Nó bao hàm cả cái ý *giao tiếp* (nghệ thuật với những ký hiệu dễ nhận biết, bao hàm những giá trị phổ biến, là một ngôn ngữ, một công cụ giao tiếp của con người), và không giới hạn trong cái nghĩa hẹp *nội dung mang tính chất xã hội* của một tác phẩm.

(4) Xem Văn Ngọc,*Cái đẹp trong hội hoạ*, DĐ số 56, 10-1996.

vỏ tay

(tiếp theo trang 19)

Sợ (2)

Có một cái gì tội nghiệp trong phản ứng của các giới chính quyền đối với *đám cưới* của hai phụ nữ đồng tính ở Vĩnh Long.

Số là hai chị này (một người 30 tuổi, một người 23) đã ra Uỷ ban nhân dân xã làm lễ kết hôn. Uỷ ban xã mới đầu từ chối, nhưng khi hai cô dâu mang Bộ luật gia đình hiện hành ra, thì quả nhiên, văn kiện pháp luật của Nhà nước Việt Nam chỉ quy định hôn nhân giữa *hai người*, chứ không hề buộc hai người ấy phải *khác giới tính*, nên cuối cùng, đã miễn cưỡng kết hôn cho cặp đồng tính nữ. Và tiếp theo là một đám cưới linh đình mà báo chí đã nói tới. Đây không phải là đám cưới đồng tính đầu tiên ở Việt Nam. Cách đây khoảng một năm, đã có tiệc cưới của một cặp đồng tính (nam) ở thành phố Hồ Chí Minh (giữa một thanh niên trong nước và một thanh niên sinh sống ở Uc) — còn ở California, đám cưới đầu tiên giữa hai người Việt Nam đồng tính đã được tổ chức vào năm 1994. Nhưng đây là lần đầu tiên mà một cặp đồng tính (lại là nữ) đã mưu mẹo làm cho chính quyền thừa nhận cuộc hôn nhân.

Dễ hiểu là nhiều đại biểu quốc hội trong kỳ họp vừa qua đã phản ứng mãnh liệt, và quốc hội đã vội vàng sửa đổi bộ luật gia đình. Xã hội Việt Nam chưa hoàn toàn chấp nhận sự đồng tính luyến ái, điều đó cũng dễ hiểu. Vả lại, ngay ở những nước đã chấp nhận quan niệm và thực tiễn này (như ở Pháp), có coi sự sống chung của một cặp đồng tính (vừa thừa nhận các quyền xã hội, quy chế thuế má...) là hôn nhân hay không, còn là vấn đề cần phải bàn cãi.

Điều khó hiểu là ngoài việc huỷ bỏ sự hợp thức của cuộc hôn nhân nói trên, Bộ tư pháp và chính quyền Vĩnh Long đã cử cả một phái đoàn 20 người tới nhà hai đương sự, và sau mấy tiếng đồng hồ " giải thích, thuyết phục " đã thắng lợi ra về, mang theo một tờ giấy mang chữ ký của hai người cam kết sẽ không sống chung với nhau nữa. Một quan chức Vĩnh Long nói với báo chí : trong tỉnh có nhiều cặp đồng tình sống chung với nhau, chúng tôi vẫn để yên, giá hai cô này *làm mà không nói* thì có sao đâu.

Câu nói khá thật thà : trên đất nước này, quả là có bao nhiêu chuyện *làm mà không nói có sao đâu*. Nói mà không làm thì lại càng không sao nữa. Làm mà nói là làm, nói sao làm vậy thì mới sinh chuyện. Khi đạo đức không còn nữa, và không còn là tiêu chuẩn (hay cớ) nữa, thì ít nhất người ta cũng phải tôn trọng sự trình diễn đạo đức, nôm na là đạo đức giả. Nhưng thôi, không bàn chuyện này nữa.

Điều đáng bàn là : nhân danh cái gì, đạo luật nào, quyền hành gì, mà bộ tư pháp và chính quyền tỉnh lại cấm hai công dân sống chung với nhau ? tại sao lại cấm hai người đó mà không cấm những cặp khác (đấy là chưa nói tới những vụ đa thê từ cấp tổng bí thư) ? Phải chăng vì họ mang tội chống đạo đức giả ?

Kiến Văn

Quỷ ám

Truyện Tân Liêu Trai

Thăng Long văn sĩ

Miền Tây có ngọn núi cao trên năm ngàn bộ (1). Từ xa trông qua những đám mây ẩn hiện, đỉnh núi lúc nào cũng phủ tuyết trắng. Thỉnh thoảng có cả gấu xuất hiện quanh vùng, dân cư đặt tên là Đại Hùng Lãnh (2). Không khí u ám, ma quái nên dân hay đồn nhiều chuyện huyền hoặc, khó tin. Quan địa phương muốn lấy tiền du khách nên sẻ đường, chặt cây, đào ao thả cá...dần rồi quang cảnh mỗi ngày một khoáng đãng.

Trương Sinh, tự là Tam, vốn người tính tình phóng dật, tâm địa hào sáng không tin chuyện ma quỷ, thường hay cười trong bữa rượu nói với các bạn rằng " *Thời đại nguyên tử này mà còn nói chuyện ma quỷ, thật là hủ lậu. Tôi nay xin vì thiên hạ lên Đại Hùng Lãnh làm quen với quỷ xem sao* ". Nói là làm, tỉnh rượu rồi sửa soạn đồ đạc, cần câu lên núi, vợ con can ngăn thế nào cũng không được. Sinh lái xe, đường ngoằn ngoèo khó đi. Càng lên cao, khí trời càng lạnh, quang cảnh càng thâm u. Sinh vào phòng trọ nghỉ ngơi một lát rồi giở bản đồ điều nghiên các thắng cảnh. Qua ngày hôm sau vác cần câu ra hồ. Trải qua hai ngày, hôm nào cũng câu được cá, không thấy ma quỷ. Sinh có ý ngờ, riết rồi quên dần ý định ban đầu.

Ngày thứ ba, Sinh lại ra hồ câu, gió thổi, thông reo, mặt hồ tối sẫm, khí trời lạnh giá...Cả ngày ấy chả được con nào, đến chiều tối có ý chán nản vì cảnh cô độc, bỗng thấy một thư sinh thong thả đi từ bờ hồ bên kia tiến đến gần, miệng cười tủm tỉm. Cho là một du khách gốc Á châu mà thôi, ai ngờ thư sinh cất tiếng ngâm nga " *Bé đi câu, lớn đi hầu, già đi hỏi nợ* " (3). Sinh bật cười, nói rằng thật là mừng rỡ mà có người đồng hương trò chuyện. Thư sinh bèn theo về nhà trọ, hỏi han, tâm sự...rất tương đắc. Lúc so niên kỷ, thật là lạ lùng, hai người trùng hợp từ gốc gác, năm sanh, chỉ khác nhau có ngày giờ chào đời mà thôi. Kiến văn rộng rãi, chuyện gì thư sinh cũng thông suốt, bách gia chư tử đều đọc qua. Càng về khuya càng nói chuyện như pháo ran. Nhớ lại lúc mới gặp, bắt tay nhau, Sinh thấy bạn cứng cáp, nên lòng không hề ngờ là ma quỷ. Thư sinh nói " *Chuyện ma quỷ chỉ là dị đoan mà thôi* ". Hỏi thêm về thân thế, thư sinh trả lời : " *Tôi tha hương đã lâu, không muốn nhắc đến tên ngoại quốc của tôi làm gì. Sau những năm các danh nhân dị sĩ bị chết, tỷ như cái chết của ông Dương Kiên-ní-lỳ* (4) *và người em ông là ông Lỗ bật Kiên-ní-lỳ* (5) *thế giới rung động, nhưng tôi vẫn hâm mộ tư tưởng bình đẳng của Lâm Khẳng đại nhân* (6) *nên tôi đã du học từ thời Tổng thống Dương -Sơn* (7) *lận. Lòng vẫn có chút lưu luyến văn chương, nên tiếng mẹ đẻ may mà chưa quên chút nào* ". Trong lúc hào hứng, Sinh bỗn cợt nói " *Các hạ thua tôi ba điều, thứ nhất là không uống rượu, thứ hai là xa quê nên đạo lý, tư tưởng sẽ thua sút, thứ ba là văn chương ít trau dồi bao lâu nay, sẽ mất tính chất nhuần nhuyễn đi mà thôi* ". Thư sinh tức giận trả lời " *Cơ thể tôi rất đặc biệt, không thích hợp với rượu. Tôi nghĩ* " khả khẩu khả lạc " (8) *thay thế mọi thứ. Người xưa có câu* " ăn thịt chó, uống cô ca " *là thế. Về đạo lý thì tôi vẫn theo tam giáo, nhưng mỗi đạo tôi theo một nửa. Thế nào là một nửa ? Đạo Phật tôi tin ở lý nhân quả mà không xuất gia, đạo Khổng tôi học trường Hành* (Hành chánh), *mà nay bỏ trường của Thánh Tổ* (9) làm nghề cắt cỏ. *Đạo Lão tôi tin mà không nệ theo Đạo đức kinh : Tuy tôn đạo, tin đức mà không hề nhận làm tôn, làm quý cái đạo đức làm gì !* (Thi dĩ vạn vật mạc bất tôn Đạo, nhi quý Đức, Đạo chí tôn, Đức chi quý, phù mạc chi mệnh, nhi thường tự nhiên). *Lấy lẽ tự nhiên mà sống mới là dung thường vậy. So với người thường theo một đạo, tôi có đến một đạo rưỡi lận* ".

Sinh có ý khâm phục, lúc chia tay ra về thì trời gần sáng. Thư sinh có vẻ khen ngợi cái mũ, biết ý bạn, Trương Sinh đem tặng. Những tối sau, hai người trò chuyện càng thêm tương đắc. Lần nào thư sinh cũng hỏi lấy một thứ mà thôi, lúc cái áo, lúc quyển sách vân vân. Thư sinh ứng đối rất mau, có lần Trương hỏi bạn " *Xem ra các hạ là người hiếu thắng, lại tham lợi lắm, chả nhường ai cái gì* ". Thư sinh gào lên " *Thắng – lợi* " ! Trương lại bảo " *Phải chăng các hạ là quỷ là ma, vì rằng đối đáp mẫn tiệp mà không hề lại chơi ban ngày, sao cứ ban đêm mới xuất hiện ?* ". Thư sinh mắt long lanh, gằn giọng : " *Tôi với các hạ có số mệnh gắn liền với nhau. Từ nay hễ tôi gặp cái gì, các hạ cũng bị y như thế, hoàn cảnh, công việc, gia đình, văn chương...đều tương đương cả. Cá hạ đã bị quỷ ám rồi. Mỗi lần các hạ bị tôi lấy một vật dụng tuỳ thân, là lại thêm một ám ảnh mà thôi, từ giờ đố các hạ chạy khỏi tay tôi* ".

Trương Sinh say rượu, coi như lời bỗn cợt không để ý đến.

Lúc xong kỳ nghỉ hè, hai người thỉnh thoảng thư từ điện thoại cho nhau. Có lần thư sinh lái xe xuống thăm. Đặc biệt là thư sinh rất sợ ánh sáng mặt trời. Bắt đầu những sự kỳ lạ là từ ngày quen, chi tiêu trong nhà thay đổi dần, tiền điện thoại tăng gấp mươi, mười lăm lần, vợ con ai cũng than van...Nhiều hôm cứ nói chuyện văn chương chả thiết tha gì với công việc. Có lần thư sinh nói : " *Tôi sắp bị vợ bỏ, thế nào các hạ cũng nên đề phòng* ". Lại có lần bảo " *Tôi sắp nghỉ sở, các hạ cũng nên cẩn thận...* ".

Cứ việc gì thư sinh loan báo là Trương Tam bị y như thế, không kể các trường hợp khác. Trong lòng buồn khổ, thư sinh nhắc " Sao không làm thơ đi tôi xin hoạ lại ". Rồi từ xa gởi cho lá thư như sau : " Ngọc bất trác, thi bất vận ", *thật lời xưa người ta nói chả sai :* " Làm thơ mà chả có vần, cũng

thành vô dụng cũng hoài ngọc đi..." *tôi có nghe các hạ ngày xưa trong quân ngũ, nay xin tặng bài thơ như sau :*

Trương Văn Tam, Trương Văn Tam
Chiến binh yêu dấu của miền Nam
Hoa mai đã mấy mùa trên áo
Và áo năm xưa đã úa vàng.

Trương có quen nhiều bạn. Có người đổi nghề làm đạo sĩ lại cũng là bạn học cũ ngày xưa, nay lấy biệt hiệu là Đạo sĩ Thái Nguyên. Có hôm gặp nhau, bạn bảo : *" Chó có mà văn với chương, lo công việc làm ăn mới là hợp lý, tôi xem ra các hạ bị quỷ ám mà thôi ".*

Trương Sinh thật thà kể hết. Đạo sĩ nói : *" Có con quỷ, tên Mỹ trong sách* ***Horror Stories*** *là " Nothing But Trouble "* (10), *hay bắt những người trạc tuổi với nó làm văn chương để mỗi ngày nạn nhân sẽ không làm ăn gì được, ngày càng nghèo đi để quỷ thích chí, cho là mình hơn hết cả mọi người. Quỷ này không biết uống rượu, chỉ thích ăn thịt luộc với mắm, hay làm thơ. Ai mà bị dụ hoặc thì làm bài thơ nào cũng sẽ bị quỷ nó hoạ lại. Xướng hoạ mãi, nạn nhân sẽ ngày càng nghèo khổ ".* Trương không nghe, cứ gân cổ cãi. Đạo sĩ bảo, không tin cứ làm thơ đăng báo rồi sẽ biết. Quả thật, Sinh làm bài thơ như sau :

Tia nắng nhỏ trong ngày

Anh viết bài thơ
Cho Em
Bởi anh viết văn mà còn lãng mạn thì người ta cười.
(Nhưng anh vẫn còn lãng mạn)
Nay anh đã 45 tuổi
Lắm khi tâm hồn vẫn còn yếu đuối
Đời sống làm anh có bị vẩn đục
Nhưng sự trong sáng của anh chưa mất hết cả đâu
Thư Việt Nam, Em gửi qua cho anh
Những nỗi nhọc nhằn anh đọc mà thấy hết
– Giữa những giòng chữ –
Để lộ hẳn ra Em vẫn là con bồ câu hiền lành
Giữa bầy quạ, diều
Anh đọc xong thư rồi, đa đoan đời sống
Anh làm việc khác
Suốt cả ngày
Anh đã tưởng quên hẳn lá thư
Không hề nhận ra rằng
Nụ cười xưa với má lúm đồng tiền
Làm ấm áp lòng anh suốt cả ngày hôm nay. "

Đúng mười ngày sau, một bài thơ hoạ lại, đăng cùng chỗ, cùng trang, cùng một kiểu chữ trên báo, nhan đề là :

Vừa Cắt Cỏ, Vừa Huýt Sáo

Hôm nay anh cắt cỏ
dẫu cỏ chưa dài
nhưng họ thuê thì anh cứ đẩy máy cắt
cắt rồi nó sẽ dài
tuần tới anh lại cắt
Anh đã bốn mươi tư tuổi
(Nhưng vẫn còn khoẻ như hai mươi)
Cắt cỏ là cứ cắt
lại còn cưa cả cây
Trong lúc cắt cỏ, cưa cây
Anh chụm miệng vui vẻ huýt sáo
Chợt nghe giọng sáo miệng của mình
Có tiếng hát em xưa
và tiếng sóng biển trên hàng dương liễu
Anh cắm cúi cưa hết nửa cánh rừng hôm nay. "

Sinh đọc xong run sợ mọc ốc, mang lại cho đạo sĩ xem. Đạo sĩ nói : *" Các hạ với quỷ đồng tuổi, mà trong thơ, các hạ khai tuổi ta (45 tuổi) quỷ khéo léo khai tuổi tây (44 tuổi). Vậy cứ theo phép ngũ hành, chỉ còn một năm nữa là nguy. Vậy tôi xin vì bạn mà giải cái hoạ ấy. Quỷ rất hiếu thắng, các hạ dại dột trêu nó rằng hơn nó về văn chương, nguy mà thôi ! ".*

Đạo sĩ xoã tóc, bắt ấn, làm phép, gió thổi lên rợn người. Đúng nửa đêm. Đạo sĩ mở phù đàn, lấy ra một miếng da có khắc bùa rồi bảo : " Từ giờ nhớ đừng có nhẹ dạ ai xin gì cũng cho. Miếng da này mang đi thuê người đóng thành dép. Hễ mùa hè đi đôi dép vàng này thì có thể hết ám ảnh văn nghệ văn gừng mà học hành thành công được ".

Dép đóng xong thì hôm mang về tình cờ quỷ hay được. Giận lắm, nói : *" Tôi đối với các hạ như bát nước đầy. Nay không tin nhau, còn dùng bùa chú làm hại, tôi xin đi ".* Quỷ trước khi đi còn lấy giấy viết hai câu thơ tiễn biệt :

Từ nay tiên tục chia đôi ngả
Một cánh hạc bay tận cuối trời...

Từ ngày ấy, Trương Sinh chăm lo công việc làm ăn. Thần sắc trở lại ung dung như xưa. Đôi dép coi như của gia bảo, ai xin cũng không được.

Thăng Long văn sĩ

Chú thích :

(1) Bộ : feet

(2) Đại Hùng Lãnh : Big Bear Mountain

(3) Bé đi câu, lớn đi hầu, già đi hỏi nợ : ý nói bé chỉ lo bắt chim, câu cá, không học hành, lúc lớn chỉ có đi hầu cho nhà quan, lúc về già đi đòi nợ giùm nhà giàu.

(4)-(5) John Kennedy – Robert Kennedy

(6) Lincoln

(7) Johnson

(8) Khả khẩu khả lạc (coca cola)

(9) Trường hành chánh lấy lý tưởng của Khổng Tử làm gốc

(10) Nothing But Trouble : N.B.T. : chuyên môn mang lại việc rắc rối.

Lời Bàn

Tháng củ mật, tiết đại hàn, lại vừa mới nghe thời tiết loan báo sắp có bão, ngồi đọc truyện Quỷ ám quả là một cái thú. Nói ra điều này tất có đôi người dè bỉu, ở chỗ sống ở xứ Tây Vực thì thiếu gì ma, gì quỷ. Quỷ trong truyện, quỷ ngoài đời. Nội cái truyện đem diễn thành phim *Yêu Sắc Xích* (1) mới sơ sài chưa đến đâu mà cũng đã khiến cho bao nhiêu người kinh hồn táng đởm, hỏi đem so câu chuyện quỷ ám viết bởi một anh nho gàn thì đâu có gì thấm tháp, hoá ra đi tìm cái thú ở đời này dễ lắm sao ?

Không đâu ! Nói như vậy mà chẳng phải vậy. Chuyện *Yêu Sắc Xích* tuy có ghê rợn thật nhưng là cái ghê rợn dung tục, cái ghê của sự trợn mắt, trẹo mồm, cái ghê của chân tay giãy giụa, giường chiếu nhảy đùng đùng hoặc là những tiếng la hét om sòm chỉ đáng đem hù doạ con nít.

Còn chuyện quỷ ám in trong sách này, tác giả của nó đã dồn hết tâm tư, bỏ cắt cỏ, dẹp gác dan, ngày đêm đắm đuối trong thư phòng với tâm trạng u - minh, huyễn hoặc để dụng công viết ra. Đâu có phải là loại truyện dành cho con nít.

Truyện có nhiều cái độc đáo, khác thường...

Trong hầu hết những chuyện quỷ ám, thường nhân vật nếu là đàn ông thì ắt bị yêu nữ là đàn bà ám ảnh. Thế nhưng ở đây, Trương Tam là đàn ông lại bị một thư sinh người cùng phái để tâm quấy nhiễu. Đó là một điểm độc đáo.

Khi bị ma trêu, quỷ ám, thường là hay xảy ra chuyện trăng gió, mây mưa. Thế nhưng ở đây, chỉ toàn là những câu chuyện - trò đạo lý, nay thư từ, mai điện thoại ; kẻ làm thơ, kẻ kia hoạ lại. Tưởng là *Ghê* (2) nhưng chẳng thấy *ghê* chút nào. Đó cũng là một điểm độc đáo khác.

Rồi thường tình, người bị quỷ ám thường là sa sút đi, thể xác héo mòn, tinh thần bạc nhược. Thế nhưng đằng này Trương Tam càng chơi với quỷ, ngày càng thấy tinh thần phấn chấn lên, biết tỉnh ngộ, khi nhìn thấy những ô trọc của cuộc đời, thấy cái mệt nhọc nhàm chán của cuộc sống đi làm máy móc phù sinh, mà trở về với bầu không khí thanh tao tế nhị của văn chương (đến nỗi Thái Nguyên Đạo sĩ phải kêu lên : *" Chó có mà văn với chương, lo công việc làm ăn mới là hợp lý "*).

Như thế cũng là một điểm độc đáo nữa.

Lại nữa, con quỷ thư sinh, đem so với người bị quỷ ám là Trương Tam, thì quỷ lại có vẻ thanh tao nho nhã gấp nhiều phần. Ở chỗ biết *khả khẩu khả lạc* , biết lý nhân quả mà không xuất gia (*Thứ nhất là tu tại gia, thứ nhì tu chợ, thứ ba tu chùa*), biết " tôn đạo, tin đức " mà không hề nhận " làm tôn, làm quí cái đạo đức làm gì ", nói chung, người thường theo một đạo đã là khó, vậy mà con quỷ thư sinh có đến một đạo... rưỡi. Truyện bày ra như thế cũng là một sự độc đáo đấy chứ ?

Thói thường khi đọc truyện ma, truyện quỷ, người ta thường dựa trên những dấu vết, chứng tích để tìm ra cái xuất xứ của ma, của quỷ. Như thể thấy cái đuôi chồn lòi ra ở sau đít, thì biết nó là Hồ ly tinh, thấy cái răng nanh nhe dài thì ắt hẳn là dòng dõi con cháu của Đa-quỉ-la (3) hay thấy tóc xoã xuống, cái lưỡi thè dài thì đích thị con ma nhà họ Hứa, chó chẳng đi đâu khác.

Còn ở đây, con quỷ thư sinh xuất xứ từ đâu tôi. Chẳng lạ đâu, cứ để ý thì thấy. Chẳng phải hồ, cũng chẳng phải ly, con quỷ này biết ăn mắm tôm, chấm thịt luộc, biết cưa cây, cắt cỏ, biết làm thơ và thổi sáo. Vậy ắt nó phải là người. Vừa là người, lại vừa là quỷ, thế tất nó phải là cái thân tiềm ẩn của kẻ bị nó ám như cái mặt đối lập thứ hai trong mỗi con người. Cứ xem câu chuyện *Bác sĩ Lê Kim và ông Hà Ích* (4) nổi tiếng một thời thì thấy rõ.

Trong cái tốt đã ẩn cái xấu, trong cái có đã ẩn cái không, trong cái no đã có mầm của cái đói rồi. Cũng như thể trong chữ *Quang* là sáng thì cũng đã tiềm ẩn chữ *Quáng* là không sáng (quáng gà), hay chữ *Quạng* là cũng chẳng sáng (lạng quạng), hay chữ *Quàng* lại càng chẳng sáng (quàng xiên).

Trong mỗi chuyện ma, chuyện quỷ, nói về ma quỷ chỉ là cái đinh, còn cái ý răn đời, nhắc nhở người đọc mới là cái ý chính. Như thể kể chuyện con ma vú dài thì tinh nghĩa của nó là cốt khuyên bảo người đời nên tu thân tích đức, chớ có lạng quạng mà có ngày vô khám Chí Hoà để đụng mặt với ma quỷ. Hoặc như thể kể chuyện *Yêu Sắc Xích* thì cái lý sâu xa của nó là ở thời đại văn minh, nguyên tử này nhiều khi cái thúc đẩy của đạo đức (tiêu biểu là vị tu hành rắc nước phép trừ quỷ) còn thua sút cả cái ma lực của cám dỗ (con quỷ *Yêu Sắc Xích*), thế cho nên hãy phải tu tập thường xuyên để có đủ bản lãnh mà ngăn ngừa ma quỷ. Vậy thì cái cốt lõi của truyện Quỷ ám in trong sách này là gì ?

Là lời ông Đạo sĩ khuyên bảo Trương Tam chớ đâu xa ! *" Chó có mà văn với chương ! Lo công việc làm ăn mới là hợp lý ! "*.

Thế tất có nghĩa là cái thâm ý của người viết là khuyên người ta nên bỏ bút để cầm cưa, cưa cây, bỏ giấy để cầm máy cắt cỏ, thôi làm thơ, viết văn...để trở về đắm đuối trong cuộc phù sinh nhân ảo. Chả trách được Quỷ thư sinh đã phải xuống tay, hạ bút một câu bi thiết :

Từ nay tiên tục chia đôi ngả
Một cánh hạc bay tận cuối trời

Mà như vậy thì **Tiên** là ai ? **Tục** là ai ? **Hạc** là ai ?

Tiên với hạc thì chắc chẳng phải Trương Tam rồi, bởi vì cái anh chàng đã chấp nhận cái biện pháp dung tục đóng miếng da dưới gót giầy (một thứ thuốc chữa bệnh tự kỷ ám thị) để trở về chăm lo công việc làm ăn như xưa thì làm sao mà *bay tới tận cuối trời* được.

Thế thì chỉ có Quỷ thư sinh đã tự nhận mình là Tiên, là Hạc. Ôi, so với người mà Quỷ phải vỗ ngực nhận mình là Tiên, là Hạc thì người ở đây quả là đã tục hơn cả Quỷ. Cái chỗ này, người đời sau ắt còn tốn nhiều giấy mực để bàn luận, tranh cãi.

(xem tiếp trang 32)

Dệt cỏ

truyện ngắn

Võ Thị Hảo

Trong những bữa ăn ngon, không hiểu sao Thân cứ thấy một ngôi mộ loang lổ cỏ phủ không kín hiện lên cạnh nồi cơm điện nhà chị. Và cả mâm cơm, cả ngôi mộ, cả nồi cơm điện, bỗng như tụt xuống dưới chân gò đất trắng phếch cạnh khoảng ruộng trũng rìa làng. Tay Thân không cầm đũa nữa, mà đang cầm hương, nửa ngồi nửa quỳ chằm chằm nhìn chiếc cọc tre nhọn chôn đầu mộ. Ả Tuynh nằm dưới đó.

Người quê Thân gọi chị là ả. Gọi mợ bằng mự và gọi cô là o. Khi Thân cao bằng chổi quét nhà thì ả Tuynh đã già, hai má teo tóp như quả cà phơi nắng. Tuổi ả lớn gấp mười tuổi Thân. Theo thứ bậc ngọn ngành trong họ, Thân chỉ kém ả một bậc. Những ngày gần ả, Thân chưa thấy ả Tuynh no bao giờ. Sau mỗi trận bão ả thường đến xin những nhà có cây đu đủ bật gốc đã héo quắt. Ả loay hoay đẽo lượt vỏ ngoài, thái phần lõi mềm bên trong ra từng miếng vuông đem kho với nước cà xin ở nhà mẹ Thân. Đến bữa, mẹ con ả ăn với cháo khoai khô nấu lẫn vài hạt gạo. Thế mà thằng Phục, con Quy tranh nhau xì xụp. Ả Tuynh ngồi vun tay đun cám lợn, chờ cho con ăn xong mới ngồi vét nồi lấy vài lưng bát. Đôi mắt ả cum cúp nhẫn nhịn. Trong bữa ăn, ả không dám nhìn lên.

Hồi còn nhỏ, Thân chẳng nghĩ gì. Nhưng lớn lên sau này, khi đi xa, những ngón tay cong queo đen đúa cầm chiếc thìa đã mòn vẹt cố nạo mãi vào đáy nồi cứ ẩn hiện trước mặt Thân. Mỗi một lần ăn một bữa cơm ngon, Thân cảm thấy hình như mình vừa cướp đi của ả Tuynh một miếng, dù ả đã nằm dưới đất hai năm nay.

Ả Tuynh chết một mình trong ba gian nhà ngói cũ nát vào lúc tia mặt trời đua nhau xênh xếch chiếu qua các viên ngói vỡ rệu rã. Chở hồn ả lên Niết bàn chỉ có các tia nắng. Thằng Phục con ả đi lính về vào trại thương binh từ năm 1975 với một mảnh đạn nhỏ trong đầu và thỉnh thoảng lên cơn động kinh. Năm năm sau Phục phải vào trại tâm thần. Từ đó ả Tuynh không gặp thằng con tội nghiệp nữa. Vài người làng đi chợ tỉnh nói có lần gặp Phục đang không quần không áo vu vơ hát bài *" Năm anh em trên một chiếc xe tăng "* và lấy tay quay quay tít mù trước hàng bánh khoái bên chợ. Còn Quy thì đi làm vợ lẽ một ông chân khấp khểnh ở làng muối, quanh năm làm không đủ ăn. Dù xe đò thuận tiện, chỉ mất mười ngàn bạc nhưng không bao giờ nhà Quy dám tiêu một món lớn như vậy cho việc đi lại nên mỗi năm chỉ dám cuốc bộ đi thăm mẹ một lần vào dịp Tết.

Thân biết mình bội bạc. Thân hứa hão với ả nhiều thứ. Hồi nhỏ Thân học giỏi nhất vùng. Ả Tuynh không biết chữ, hai đứa con ả học đúp ba năm một lớp, thầy giáo chán quá đành để lên lớp cho khuất mắt nhưng cũng chỉ có được đến lớp ba. Thân nhìn đôi tay của ả Tuynh, nhìn thằng Phục lên mười một mà không đủ quần mặc, chỉ có chiếc áo nâu rách vạt cũn cỡn, ở truồng tồng ngồng đứng tát nước bên ao, nhìn những đàn đỉa mà hễ khoa chân xuống nước thì ngo ngoe bơi đến chực hút máu đen ngòm cả một khoảng ruộng mà nói với ả Tuynh đang cấy lúa rằng : *" Ả Tuynh ! Có khi mô ruộng làng ta hết đỉa ? "*. Ả Tuynh chầm chậm nhổ nước bọt vào tay, gõ con đỉa trâu no tròn đang vắt ngang bắp chân vàng khè. Con đỉa gặp nước miếng pha lẫn quết trầu của ả thì co tròn lại, nhả bắp chân ra, một dòng máu tươi rỉ xuống hoà với bùn vàng loang lổ. Ả thản nhiên cầm con đỉa vứt ra xa, nói : *" Từ nhỏ đến chừ nỏ khi mô tui thấy ruộng làng ta ít đỉa. Nhiều khi vội cấy, vội gặt bắt đỉa không kịp, kệ cho đỉa cắn, no rồi hấn tự rời ra "*. Thân rùng mình : *" Rứa thì em thà chết chớ không chịu ở lại làm ruộng "*. Ả Tuynh cười : *" Ừ ! Học giỏi như mi thì được đi làm cán bộ, được ăn no, mặc quần lụa, sướng lắm. Mi được làm người nhà nước mi mua cho ả cái chi ? "*. *" Em mua cho ả một con nghé nó lớn thành trâu, trâu đẻ cho ả một nghé nữa "*.

Ả Tuynh cười ngắn ngặt : *" Nghé thì ả nỏ dám lấy. Chỉ mong mi làm người nhà nước, lớn họng, đòi cho ả món tiền đền tai nạn của anh Lèn về "*. *" Ả yên trí. Em mà làm người nhà nước, em ra tận Trung ương em đòi được tiền "*.

Và Thân đã thành người nhà nước. Thân làm việc ở Hà Nội. Cả nhà Thân theo nghề đèn sách của tổ phụ, cũng thành người nhà nước rời làng ra đi. Mười bốn năm đầu, Thân sống bằng những ô phiếu. Thân không đủ tiền về thăm quê chứ chưa nói chuyện mua một con nghé. Trong những ngày bồi dưỡng sau khi sinh con, Thân ăn tép khô rang mỡ. Chuyện con nghé cho ả Tuynh chỉ là một giấc mơ mờ nhạt. Và món tiền bù tai nạn cho anh Lèn, chồng ả Tuynh, công nhân làm đường nổ mìn phá đá chết từ năm 1956, rồi món tiền trợ cấp thương tật của thằng Phục cũng chỉ nằm trong những giấc mơ. Thân trổ tài văn chương, viết hàng mấy chục lá đơn thay ả Tuynh gửi từ xã lên huyện. Huyện nhận được lá đơn thứ năm thì trả lời là lên mà hỏi tỉnh. Tỉnh im lặng cho đến lá đơn thứ bảy thì nói Trung ương chưa gửi về. Hỏi Trung ương, Trung ương nói do tỉnh chưa đưa danh sách. Hỏi tỉnh, tỉnh bảo đã đưa mà Trung ương làm thất lạc. Nhờ " tay trong " xem trộm danh sách ở huyện, thấy có tên thằng Phục và có người ký lĩnh hàng tháng. Nhờ huyện truy xem đó là ai thì nói chữ ký lằng nhằng không rõ. Và tỉnh bảo thắc mắc làm gì, tỉnh nhận được hàng mấy trăm đơn mỗi năm mà đã giải quyết được đâu vì đang điều tra xem có phải thằng Phục đúng là bị thương khi đang chiến đấu hay vào lúc đào ngũ.

Và thế là suốt gần hai chục năm, Thân chỉ là một kẻ hứa hão với ả Tuynh. Ả Tuynh ở quê, áo ngày một rách thêm, lưng còng, tóc trụi như con gà chọi, bị bệnh đường ruột mãn không có thuốc. Bệnh xá gần chục năm nay rời rã, y sĩ chuyên tâm bán thuốc ngoại và nạo hút thai. Ả Tuynh thường ôm bụng ra cầu tiêu ngồi rên hừ hừ rồi ôm bụng trở ra, kiếm vài đọt chuối non hoặc mớ ngải cứu nhá cho qua. Ả nhớ thời trước, đau bụng thế này, có lúc ả đã nhận được mấy viên thuốc dù có kèm theo vài cái lườm rách khoé mắt và những

lời nhấm nhẳn.

Và rồi ả Tuynh chết trên giường, khô gầy như con mắm, trong lòng vẫn thầm mong món tiền trợ cấp thương tật hàng tháng của thằng Phục. Mười tám năm qua, ả đủ tỉnh táo để không ngõm ngọi về món tiền đền bù tai nạn lao động của anh Lèn, chồng ả. Song đến chết, ả vẫn chưa quên nổi giấc mơ có ngày nhận được gói tiền trợ cấp thương tật đồn lại gần hai mươi năm của thằng Phục. Ả sẽ mua những viên thuốc ngoại sặc sỡ trông ngon như những con nhộng để chữa khỏi bệnh đường ruột. Ả sẽ khoẻ và khăn gói lên đường, đi khắp chợ cùng quê tìm thằng Phục về, mua quần áo cho nó, dắt nó đến một bác sĩ giải, chữa cho nó hết khùng rồi cưới vợ cho ả có cháu bồng. Ả không mong con nghé mà Thân đã khoác lác với ả từ hồi còn bằng chiếc chổi. Đời ả đã quá mệt mỏi vì chờ đợi những lời hứa hão từ người khác. Song ả đã khờ dại làm sao khi tin rằng Thân có học, Thân sẽ giúp ả tìm lại được món tiền lang bạt, hư ảo như có như không, trôi dạt giữa muôn ngàn ngón tay. Ả có biết đâu rằng mỗi ngón tay ngoan hiền là thế bỗng phút chốc biến thành một con đỉa ngo ngoe rượt theo mùi tanh của máu người.

Ả Tuynh được khênh đi chôn trong bàn tay của ả cu Tương, anh đĩ Khang và nhiều người làng. Gọi là anh, là ả nhưng họ cũng đã già lắm rồi. Đường làng, vẫn trũng và lầy lội, ngả ra nghĩa địa vẫn lởm khởm đá như cách đây hai mươi năm. Mộ ả Tuynh nằm dưới chân gò đất, giữa mảnh ruộng trũng. Mảnh ruộng đó có nước và vì thế, vẫn có đỉa. Ả cu Tương và anh đĩ Khang đóng xong chiếc cọc nhọn đánh dấu phía chân ả Tuynh nằm thì con Quy từ đâu chạy bổ về, nằm xoài trên mộ mẹ. Nó chạy bộ suốt mười lăm cây số về đây vì chồng nó không cho tiền đi xe ôm, nói phải tiết kiệm để dành tiền mua thuốc kháng sinh cho con đang sốt. Bà đằng nào cũng mất rồi, còn về sớm muộn một ngày cũng không làm được gì.

Thân là một kẻ bội bạc. Không có nghé. Món tiền trợ cấp cũng không. Về đưa tang cũng không. Xa vời quá những điều ước. Con nghé, Thân không bao giờ mua nổi vì lương Thân sau hai mươi ba năm tốt nghiệp đại học và làm phó tiến sĩ chỉ vỏn vẹn có ba trăm tám mươi ngàn đồng chẵn một tháng.

Mà Thân biết, Thân còn tiếp tục bội bạc được. Ả Tuynh quá hiền ngoan. Ả chẳng bao giờ trách được Thân đâu. Nằm dưới mộ ả vẫn tin rằng " chưa nấu cơm thì gạo còn đó ". Nếu Thân bớt được chút thời giờ, nếu có đủ can đảm nán lại bên mộ ả một ngày, đến xẩm tối, hẳn ả Tuynh sẽ trở dậy, chầm chậm - chầm chậm ả chống tay ngồi lên, dướn đôi mắt mờ đục nhìn Thân không trách móc : " *Mi tìm được cho ả rồi à ?* ". Tất nhiên, Thân sẽ vờ nhìn lảng ra chỗ khác. Ả Tuynh chờ mãi, chờ mãi không thấy Thân đáp lại sẽ chầm chậm nằm xuống, không giận dữ. Rồi những rễ cỏ bám lấy lớp đất bạc kiết lại sẽ nhẫn nại bò ra như chiếc áo rách phủ lên mộ ả. Lúc sống ả mặc áo vá. Mụn vải mới chồng lên mụn vải cũ nát. Lúc sống áo ả không lành. Thì, lúc chết ả không có nổi chiếc áo cỏ tươm tất cũng phải thôi.

Nhưng cỏ vẫn nhẫn nại bò ra dệt áo.

Võ Thị Hảo (1997)

Trích **Đại Đoàn Kết** số 86, 18.4.98

Quỷ ám - Lời bàn

(tiếp theo trang 30)

Thời buổi này, thân phận con người ở nơi đây là thân phận tha hương. Càng xa quê, người ta càng lo con cháu quên dần gốc gác. Đứa thì biết rõ *Dương Kiên Ní Lì* là ai nhưng hỏi đến *Thăng Long Văn Sĩ* thì ngơ ngác như chúa Tầu nghe kèn. Đứa thì lại biết rõ ngọn ngành sự nghiệp của *Dương Sơn, Lâm Khẳng* nhưng có nhắc đến những văn gia, dịch gia như *Vũ Huy Quang*, thì than ôi, đang chuyện trò rộn rã bỗng tịt mít như pháo tịt ngòi.

Cái thực trạng văn chương chữ nghĩa đau lòng như thế, ai mà không cho rằng đó là một mối lo tâm phúc. Thế cho nên đã có biết bao nhiêu là người đã phải kêu gào bảo tồn văn hoá, phải nỗ lực mở ra những trung tâm Việt ngữ để giảng dạy ngôn từ, văn tự cho lớp nhỏ, phải gắng sức in những tác phẩm lưu truyền.

Thế mà nay lại có kẻ đi ngược giòng thời đại, đề xướng chủ thuyết " *Chớ có mà văn với chương, lo công việc làm ăn mới là hợp lý* ".

Thế thì, người viết truyện *Quỷ ám* có phải cũng là kẻ đang bị Quỷ-nó-ám hay không ?

Hoặc giả người viết đã biết thừa cái lo toan sốt vó của bà con cộng đồng hải ngoại nhưng cứ bày trò bài bác chuyện văn chương để ôm bụng cười chơi.

Thế thì quả cái nhà anh nho gàn này đã độc còn độc hơn là thịt vịt.

Nhật Tiến

Chú thích :

(1) Yêu Sắc Xích : Exorcist

(2) Ghê : gay (đồng tính luyến ái)

(3) Đa quỷ La : Dracula

(4) Bác sĩ Lê Kim và Hà Ích : Doctor Jekyll and Mr Hyde

(**Quỷ ám** , trong tập **10 Truyện Tân Liêu Trai** , tác giả : Thăng Long Văn Sĩ (tên thật Vũ Huy Quang), NXB Tân Thư, Orange County, California, 12-1989.)

DIỄN ĐÀN forum

Directeur de publication :

Nguyễn Quang Đỗ ❋ Imprimé par nos soins

Dépôt Légal :

178/91e Commission Paritaire : AS 73 324 e Prix : 25 F.

Địa chỉ bưu điện : BP 50, 92340 Bourg-La-Reine (Pháp)

Fax : từ Pháp : 01 45 88 54 58 ; quốc tế : 33 1 45 88 54 58

Địa chỉ điện tử (E-Mail) : diendan_forum@hol.fr

Đại diện ở các nước :

Đức : tran, Am Stadtpark 6, 92237 Sulzbach-Rosenberg

Ba Lan : điện thoại di động 0-602 394063, địa chỉ điện tử : ldloc@polbox.com

Thể lệ mua báo : xin coi trang 3

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa Mac (font ThinArt) hay PC (font VNI, PDT...) ; hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet)